



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH

29

1945 - 2024



“... Nước Việt Nam có quyền
hưởng tự do và độc lập,
và sự thật đã thành
một nước tự do độc lập ...”
(Hồ Chí Minh)



Số 51
9/2024



PGS.TS Nguyễn Vĩnh Thanh, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực I phát biểu tại Lễ khai giảng lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K71.B01 Tỉnh ủy Hà Tĩnh, khóa học 2024 - 2026 (02/8/2024)



PGS.TS Nguyễn Vĩnh Thanh, Giám đốc Học viện Chính trị khu vực I và lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh tại Lễ khai giảng lớp Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K71.B01 Tỉnh ủy Hà Tĩnh, khóa học 2024 - 2026 (02/8/2024)

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 51/2024

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TỬ
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
THS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
THS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com

Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sơ tư

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 113/GP-STTTT
do Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 24/12/2024. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 12/2024

MỤC LỤC

TS. Nguyễn Trọng Tử	Trường Chính trị Trần Phú với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý góp phần thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	2
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
TS. Nguyễn Trọng Tử Ths. Phan Bá Linh	Vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ đổi mới	6
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Phát huy tinh thần "Hãy giữ vững chí khí chiến đấu" của Tổng Bí thư Trần Phú trong thực thi công vụ hiện nay	12
TS. Nguyễn Duy Long	Mô hình lập pháp ở một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo cho Việt Nam	15
Ths. Chu Thị Thu Huyền	Tính tích cực chính trị của phụ nữ Việt Nam trong các phong trào cách mạng giai đoạn 1945 - 1975	19
Ths. Nguyễn Quỳnh Nga	Nhận thức về giá trị của bản Tuyên ngôn độc lập để nâng cao cảnh giác đối với những diễn biến của cách mạng màu hiện nay	24
Ths. Phan Chí Quyết	Vận dụng tư tưởng ngoại giao "cây tre Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy	28
Ths. Nguyễn Thị Lam	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Công an nhân dân trong giai đoạn hiện nay	34
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG		
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Phát huy vai trò cấp ủy cơ sở trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch giai đoạn hiện nay	38
Ths. Thái Thị Hiền	Một số kỹ năng trong viết bài chính luận đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	43
Ths. Phan Thị Ái Vân	Nhận diện và đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch về chính sách dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số	47
Ths. Lê Đình Hùng	Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng qua bài học "nắm vững, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội"	52
Ths. Nguyễn Hà Giang	Vận dụng kỹ năng xử lý tình huống giải quyết điểm nóng chính trị - xã hội góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	55
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
TS. Nguyễn Quang Ngọc	Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp động lực và logistics thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững.	58
Ths. Trần Ánh Dương	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới	66
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Một số kinh nghiệm trong xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2023 - 2025	72
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	76
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Công tác tuyên truyền vận động nông dân ở Hà Tĩnh sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 19-NQ/HNDTW của Ban Chấp hành Trung ương Hội nông dân Việt Nam Khóa VI	81
Ths. Nguyễn Thị Lan Anh	Nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên tại chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học Trường Chính trị Trần Phú	86
CN. Trần Thị Tú Anh	Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thông tin, tư liệu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Trần Phú	90

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ GÓP PHẦN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03-NQ/TU NGÀY 15/7/2021 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

✧ TS. NGUYỄN TRỌNG TỨ
UVBCH Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng

Tóm tắt: Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh coi công việc huấn luyện cán bộ là “công việc gốc của Đảng”, thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong những năm vừa qua, Trường Chính trị Trần Phú đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Tuy nhiên, hiện nay công tác này đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những khâu quan trọng của công tác cán bộ, là nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Thực tiễn cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh, muốn hoạch định được đường lối đúng đắn và tổ chức thực hiện có hiệu quả, Đảng phải xây dựng được đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có tri thức, kinh nghiệm và lập trường vững vàng, luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Để làm được điều đó, trước hết Đảng phải đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Đối với Hà Tĩnh, sau hơn 20 năm thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có bước trưởng thành, phát

triển về nhiều mặt. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, trình độ, năng lực, trách nhiệm, hiệu quả công việc được nâng lên. Công tác cán bộ cơ bản bám sát quan điểm, nguyên tắc, quy định của Đảng. Đặc biệt, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được chú trọng. Tuy nhiên, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn thiếu tính chiến lược, dài hạn, chưa gắn với quy hoạch và theo chức danh; việc phát hiện cán bộ có năng lực, triển vọng để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chưa được quan tâm đúng mức; một bộ phận cán bộ thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu ý thức học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ...

Để tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nói riêng đáp ứng yêu cầu của sự phát triển Hà Tĩnh trong tình hình mới, ngày 15/7/2021, Ban Chấp hành Đảng

bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo (sau đây gọi là Nghị quyết 03-NQ/TU). Nghị quyết đã nêu 3 quan điểm và xác định 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đảm bảo số lượng, coi trọng nâng cao chất lượng, cơ cấu hợp lý, kế thừa, chuyên tiếp vững vàng giữa các thế hệ; tạo môi trường thuận lợi để cán bộ rèn luyện, cống hiến và trưởng thành”.

Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp của tỉnh, trong thời gian vừa qua, thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU, Trường Chính trị Trần Phú đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao; thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, kịp thời cụ thể hóa kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; bám sát yêu cầu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh để tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoạch định chương trình, định hướng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên (bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng theo Quy chế giảng viên thỉnh giảng tại Trường Chính trị Trần Phú) đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn cao; không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng trang bị kỹ năng làm việc cho người học, với phương châm: “lý luận luôn gắn liền với thực tiễn” trong toàn bộ quy trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

Nhà trường xác định việc tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nên thời gian qua, Nhà trường đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ “xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, chú trọng đào tạo các kỹ năng mềm, kỹ năng lãnh đạo, quản lý... tổ chức cập nhật kiến thức mới cho Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh”, từ năm 2021 đến 2023, Trường Chính trị Trần Phú đã phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý với: 23 đồng chí tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; 13 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở; 11 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện; 115 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ quy hoạch UVBCH Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; 2025 - 2030; 07 đồng chí tham gia đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Năm 2024, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh mở 01 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp cho 33 đồng chí; 01 lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý cấp sở cho 23 đồng chí, 01 lớp bồi dưỡng đối với cán bộ lãnh đạo cấp huyện cho 21 đồng chí.

Việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nhất là bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo chức danh cán bộ, lãnh đạo quản lý, đặc biệt là các kỹ năng gắn với tư duy, tầm nhìn của từng nhóm đối tượng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý đã góp phần rèn luyện và nâng tầm tư duy hoạch định chủ trương, đường lối chính sách trên mỗi cương vị công tác, nhờ đó từng bước nâng cao năng lực lãnh

đạo của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, góp phần thực hiện mục tiêu: “Xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2020 - 2023 đáp ứng tiêu chuẩn: Am hiểu tình hình thực tiễn; có kiến thức sâu rộng, toàn diện trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực được giao phụ trách; có tầm nhìn, tư duy chiến lược và khả năng lãnh đạo, quản lý đề cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh thành kế hoạch, chương trình hành động và tổ chức thực hiện hiệu quả tại địa phương, cơ quan, đơn vị...”. Đồng thời, thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế giảng viên thỉnh giảng tại Trường Chính trị Trần Phú, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng (là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) đã phát huy rất tốt vai trò trong phối hợp thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú. Đồng thời, thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên thỉnh giảng, đội ngũ cán bộ này đã thực hiện nhiệm vụ tự đào tạo để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý tại Trường Chính trị Trần Phú đang đặt ra nhiều khó khăn: Khó lựa chọn nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp các vị trí, chức danh công tác và hiệu quả của quá trình đào tạo, bồi dưỡng vì đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được thường xuyên bổ sung quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm và luân chuyển vị trí công tác, một số đồng chí trong một nhiệm kỳ có thể được luân chuyển qua những vị trí khác nhau; một số chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức còn nặng về lý luận, số lượng các chuyên đề kỹ năng xử lý tình huống trong thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý còn ít, một số chuyên đề chưa thật sự phù hợp với vị trí công tác của học viên và tình hình thực tiễn của địa phương

Hà Tĩnh; chất lượng truyền giảng của một số giảng viên chưa đạt được kỳ vọng; công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có thời điểm chưa đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan tham mưu; công tác đánh giá chất lượng các khóa bồi dưỡng chưa được chú trọng, đặc biệt chưa chú trọng gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng và quá trình tự học của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý với các khâu của công tác cán bộ, nhất là trong công tác đánh giá cán bộ; công tác đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng chưa được quan tâm đúng mức; một bộ phận cán bộ thiếu ý thức học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ...

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nói riêng góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tham gia, phối hợp thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và toàn hệ thống chính trị về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; vị trí, tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nói riêng. Từ đó, tạo sự đồng thuận, quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tham gia phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 03-NQ/TU; nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ về những yêu cầu mới về trình độ, năng lực, kỹ năng công tác, qua đó từng bước khắc phục bệnh lười học lý luận chính trị và những biểu hiện xác định không đúng mục tiêu của việc tham gia các chương trình đào tạo,

bồi dưỡng, học để phổ cập bằng cấp, chứng chỉ, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh...

Thứ hai, phối hợp tham mưu ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tạo thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng năm và theo từng giai đoạn. Mặt khác, ngay từ đầu nhiệm kỳ, chủ động phối hợp xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng cho từng nhóm đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý cho cả nhiệm kỳ. Trên cơ sở đó, hằng năm, phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cán bộ được quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Thứ ba, chủ trì phối hợp tham mưu từng bước hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng mềm, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, trình độ ngoại ngữ, tin học... Cần đặc biệt quan tâm đến bồi dưỡng năng lực tư duy, tầm nhìn chiến lược cho đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là tư duy, tầm nhìn trong xây dựng, hoạch định chủ trương, chính sách ở các địa phương, đơn vị. Việc xác định nội dung chương trình và cách thức triển khai thực hiện cần tiến hành quá trình khảo sát, lấy ý kiến để nắm bắt nhu cầu của từng nhóm đối tượng cán bộ cần để lựa chọn trang bị những khối kiến thức, kỹ năng phù hợp, thiết thực. Mặt khác, nội dung chương trình và các chuyên đề khi đưa vào giảng dạy, cập nhật cần bám sát mục tiêu, quan điểm và chương trình hành động thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ đó. Từ việc xác định nội dung chương trình phù hợp với từng nhóm đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện đề xuất đội ngũ giảng viên, báo cáo viên thực sự có chất lượng tham gia giảng dạy, báo cáo cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ tư, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đánh giá chất lượng sau đào

trào, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Kết hợp với công tác đánh giá cán bộ thường xuyên, cấp ủy, chính quyền các cấp cần tiến hành thường xuyên công tác đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng đánh giá sự chuyên biến nhận thức, tư duy chiến lược, hiệu quả thực thi công vụ gắn với thái độ, bản lĩnh chính trị, tính tự giác trau dồi phẩm chất đạo đức, tư cách người cán bộ đảng viên theo những chuẩn mực đạo đức cách mạng trong giai đoạn mới được đề ra tại Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị. Mặt khác, cần gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức với các khâu còn lại trong công tác cán bộ, kết quả tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và sự chuyên biến sau đào tạo, bồi dưỡng cần được xem là một trong những tiêu chí quan trọng làm căn cứ cho quá trình đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Thứ năm, tham mưu triển khai xây dựng khung năng lực của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý làm căn cứ cho việc xây dựng khung chương trình, lựa chọn nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng cán bộ. Đồng thời, tạo môi trường, cơ hội khuyến khích đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tham gia sâu vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ sáu, tập trung xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn theo quy định gắn với việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương và văn hoá Trường Đảng, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nói riêng. Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; chủ động tham mưu phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên thỉnh giảng./.

VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH THỜI KỲ ĐỔI MỚI

✧ TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ
UVBCH Đảng bộ tỉnh - Hiệu trưởng

✧ Ths. PHAN BÁ LINH
Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi, là cái bất biến trong trong toàn bộ hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh. Với dân tộc Việt Nam, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu, vừa là con đường, là quy luật phát triển tất yếu, là ngọn cờ bách chiến, bách thắng. Đối với Hà Tĩnh - địa phương giàu truyền thống văn hóa, cách mạng, trong thời kỳ đổi mới, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Hà Tĩnh tiếp tục phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội hướng tới phồn vinh, hạnh phúc.

1. Về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong lịch sử Việt Nam, dân ta vốn có một lòng nồng nàn yêu nước. Từ khi thực dân Pháp xâm lược, phong trào yêu nước đã dâng lên mạnh mẽ, nhưng vấn đề độc lập dân tộc vẫn không được giải quyết. Với hoài bão “làm sao cho đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾, năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước. Đến

với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người nhận ra: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁽²⁾. Đó là thời điểm đánh dấu bước ngoặt vĩ đại quyết định Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo quỹ đạo của cách mạng vô sản.

Bản chất của con đường cách mạng vô sản trong điều kiện của một dân tộc thuộc địa và phong kiến, lấy nhiệm vụ giải phóng dân tộc làm nhiệm vụ cao hơn hết thì đó chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Con đường cách mạng đó do Đảng tiên phong của giai cấp

công nhân lãnh đạo, trước hết nhằm đánh đổ đế quốc, phong kiến giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến hành làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *Chính cương vắn tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và trình bày tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) đã chủ trương: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁽³⁾.

Trong mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, là tiền đề để đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của độc lập dân tộc. Đặc biệt, với những đặc trưng bản chất: Dân được ăn no, mặc ấm; là sung sướng, tự do; là dân giàu, nước mạnh, văn minh, hạnh phúc; một xã hội dân chủ, công bằng, đoàn kết, hữu nghị, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao... Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những cơ sở bảo đảm chắc chắn và bền vững nhất cho độc lập thật sự và phát triển dân tộc. Chủ nghĩa xã hội sẽ xóa bỏ nguyên nhân kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người, triệt để giải phóng con người, phát triển lực lượng sản xuất, tạo bước phát triển chưa từng có cho dân tộc. Chủ nghĩa xã hội thực hiện cách mạng về kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cao, văn hóa phát triển - Những nhân tố cơ bản để thực hiện củng cố, giữ vững độc lập dân tộc. Bản chất của chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh đây là chiếc chìa khóa vạn năng để xây dựng xã hội mới ở Việt Nam - Xã hội xã hội chủ nghĩa với sức mạnh kỳ diệu của nhân dân là chủ và biết làm chủ xã hội. Sức mạnh kỳ diệu này là cơ sở để củng cố, giữ vững độc lập dân tộc, biết cách tự bảo vệ và phát triển.

Để hiện thực hóa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, điều kiện tiên quyết là phải tăng cường và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng phải thường xuyên chỉnh đốn, củng cố Đảng về tổ chức, tăng cường đoàn kết thống nhất, nâng cao bản lĩnh, sức chiến đấu của Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, thực sự gương mẫu. Đó là điều kiện, đồng thời là “bài học lớn” nhất mà mỗi cán bộ và đảng viên “cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi”⁽⁴⁾.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam là con đường từ độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng chính là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành nhiệm vụ xuyên suốt toàn bộ đường lối chiến lược, sách lược của Đảng ta, cũng như toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam.

2. Kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Hà Tĩnh thời kỳ đổi mới

Kể từ ngày Đảng bộ Hà Tĩnh được thành lập (Tháng 3/1930), kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phát huy, khơi dậy các giá trị, sức mạnh văn hóa, lịch sử, con người, Đảng bộ Hà Tĩnh đã lãnh đạo Nhân dân giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ ngày tái lập tỉnh Hà Tĩnh (1991), đứng trước muôn vàn khó khăn, Đảng bộ và Nhân dân Hà

Tỉnh đã biết vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhất là về vai trò của chủ nghĩa xã hội trong việc tạo ra những cơ sở để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, Hà Tĩnh sớm xác định phát triển kinh tế - xã hội trở thành nhiệm vụ trọng tâm, vừa là cơ sở để bảo vệ, giữ vững những thành quả cách mạng trong thời kỳ cùng cả nước đấu tranh giành độc lập dân tộc; vừa là nền tảng không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, xây dựng, phát triển tỉnh nhà theo định hướng con đường, mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, đến nay Hà Tĩnh “đạt được những kết quả có tính lịch sử; từ một tỉnh nghèo, điểm xuất phát thấp đã vươn lên đứng trong tốp các tỉnh dẫn đầu khu vực”⁽⁵⁾, thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Chú trọng phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất cho Nhân dân.

Sau hơn 30 năm tái lập tỉnh, kinh tế Hà Tĩnh tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1991 - 2023 đạt gần 10%. Quy mô nền kinh tế đến năm 2023 đạt gần 100.000 tỷ đồng, xếp thứ 30/63 cả nước, thứ 3 Bắc Trung bộ. GRDP bình quân đầu người lên trên 77 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm mạnh tỷ trọng nông nghiệp. Sản xuất công nghiệp trở thành động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế. Nhiều dự án lớn được cấp phép như Khu liên hợp Gang thép và Cảng Sơn Dương Formosa, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I, II, các nhà máy pin của Vingroup tại Khu kinh tế Vũng Áng, các nhà máy sợi, may mặc, các dự án điện mặt trời... Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển khá toàn diện. Chương trình

xây dựng NTM làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn hiện đạt hơn 40 triệu đồng. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh được Trung ương chọn thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM. Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá nhanh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng, bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc.

Tổng thu ngân sách Hà Tĩnh giai đoạn 1991 - 2023 đạt gần 387.000 tỷ đồng, trong đó năm 2023 đạt 17.966 tỷ đồng. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư được chú trọng, toàn tỉnh hiện có 1.500 dự án trong và ngoài nước với quy mô hơn 22 tỷ USD, đứng thứ 9 cả nước về thu hút FDI. Hà Tĩnh là một trong 20 địa phương đầu tiên của cả nước thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp tỉnh; xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh từ thứ 60 năm 2006 tăng lên thứ 18 năm 2022; các chỉ số cải cách hành chính duy trì trong nhóm khá cả nước.

Các loại hình doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong từng giai đoạn phát triển. Khu vực kinh tế tư nhân đóng góp hơn 50% thu ngân sách nội địa, 53% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giải quyết việc làm cho gần 60.000 lao động. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng cao, chiếm 1,4% tổng số lượng doanh nghiệp toàn tỉnh và 72,9% tổng vốn sản xuất kinh doanh, đóng góp trên 30% GRDP. Kinh tế tập thể từng bước hoạt động thực chất, hiệu quả, tạo việc làm ổn định cho hơn 46 nghìn lao động.

Thứ hai: Chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân.

Văn hóa, thể thao không ngừng phát triển, tạo được những dấu ấn quan trọng.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm chú trọng. Toàn tỉnh hiện có trên 1.800 di tích lịch sử - văn hoá, trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt, 87 di tích cấp quốc gia và 577 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Có 05 di sản được UNESCO vinh danh (Dân ca Ví - Giặm Nghệ Tĩnh, Ca Trù Cổ Đạm, Mộc bản trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ, Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu). Có 2/7 danh nhân thế giới người Việt Nam (Đại thi hào Nguyễn Du và Danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác).

Giáo dục đào tạo phát triển khá toàn diện, đồng bộ trên các mặt. Hà Tĩnh tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện, quy hoạch lại hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước có sự thay đổi căn bản. Đến nay, bộ máy y tế được quy hoạch phù hợp, sắp xếp tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên; hệ thống mạng lưới y tế dự phòng được tổ chức và hoạt động hiệu quả từ tuyến tỉnh đến tuyến xã; các chương trình mục tiêu y tế được triển khai đầy đủ, đồng bộ.

Giải quyết việc làm, chính sách an sinh xã hội được triển khai tích cực và hiệu quả. Đến năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%. Giai đoạn 2011 - 2023, bình quân giải quyết việc làm cho 23.000 người/năm; lao động làm việc ở nước ngoài hàng năm từ 8.000 - 9.000 người. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2023 giảm còn 3,01% theo chuẩn nghèo đa chiều mới; không còn huyện nghèo, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, thôn đặc biệt khó khăn miền núi. Hà Tĩnh là tỉnh dẫn đầu cả nước về phong trào xóa nhà tranh tre dột nát đặc biệt là ở miền

núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Khoa học và công nghệ có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tổng ngân sách đầu tư cho khoa học, công nghệ là 292,5 tỷ đồng. Hoạt động thông tin truyền thông bám sát nhiệm vụ chính trị, từng bước đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Hạ tầng viễn thông, Internet, truyền dẫn phát sóng và tần số vô tuyến điện đã có những bước tiến đáng kể; hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, nhiều ứng dụng có quy mô lớn bắt đầu được triển khai, xếp hạng chuyên đổi số của tỉnh hiện đứng thứ 37 cả nước.

Thứ ba: Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Hà Tĩnh đã tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, nắm chắc mọi diễn biến tình hình, đấu tranh hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; xây dựng lực lượng công an ngày càng chính quy, tinh nhuệ. Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều chuyên đề đấu tranh với các đường dây, ổ nhóm tội phạm nguy hiểm.

Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được nâng cao. Củng cố và làm sâu sắc mối quan hệ với các tỉnh của nước bạn Lào, nhất là hai tỉnh tiếp giáp biên giới là Bolykhămxay và Khăm Muộn. Tô chức tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài với mục tiêu quảng bá môi trường đầu tư, thu hút FDI vào Hà Tĩnh tại các nước như Đức, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Hoa Kỳ... Ký kết các Thỏa thuận hợp tác quốc tế với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam; Công ty TNHH Danvit Express (Séc); Thành phố Pocheon (Hàn Quốc); Bộ Kinh tế - Y tế - Lao động của Bang MV (Đức); Vùng tự trị Trnava (Slovakia). Tích

cực vận động nguồn vốn ODA đầu tư kết cấu hạ tầng; tranh thủ nguồn vốn NGO cho các lĩnh vực y tế, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch... Đổi mới phương thức tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh Hà Tĩnh đến với bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào ở nước ngoài.

*Thứ tư: Không ngừng đổi mới và chinh
đón Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến
đấu của Đảng bộ - đảm bảo điều kiện tiên
quyết trong xây dựng, phát triển kinh tế -
xã hội thời kỳ đổi mới.*

Qua hơn 30 năm tái lập tỉnh, từ hơn 62.000 đảng viên năm 1992, đến nay Đảng bộ đã có 99.903 đảng viên sinh hoạt ở 4.161 chi bộ thuộc 624 tổ chức cơ sở đảng (424 đảng bộ cơ sở, 200 chi bộ cơ sở) của 17 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (13 đảng bộ huyện, thành phố, thị xã và 4 đảng bộ cơ quan, đơn vị).

Đảng bộ thường xuyên quan tâm công tác chính trị, tư tưởng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất; phát huy tinh thần, trách nhiệm trong cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị các cấp, tạo niềm tin và sự đồng thuận của Nhân dân. Coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên.

Chú trọng đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị tư tưởng. Gắn việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về tăng cường xây dựng, chinh đón Đảng với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

và các quy định về nêu gương ngày càng sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

Đảng bộ đã tập trung kiện toàn, sắp xếp bộ máy cán bộ từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện việc bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển cán bộ gắn với tăng cường quản lý, rèn luyện, giáo dục, đánh giá và phân loại đảng viên;... Đến nay, tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã được sắp xếp, kiện toàn theo lộ trình, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy quản lý có bước trưởng thành qua mỗi thời kỳ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thường xuyên được quan tâm. Chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp ngày càng được nâng lên, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Toàn tỉnh hiện có 35.846 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó 1.338 đồng chí có trình độ lý luận chính trị cao cấp và 7.364 đồng chí có trình độ lý luận chính trị trung cấp. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ các cấp ngày càng được nâng lên, trong đó: tiến sĩ: 100 đồng chí; thạc sĩ: 2.915 đồng chí; đại học: 27.031 đồng chí; cao đẳng: 3.239 đồng chí.

Chú trọng việc xây dựng chương trình, kế hoạch và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng có nhiều đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác. Các cấp ủy đảng đã từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo đối với công tác dân vận theo hướng đi vào chiều sâu,

hiệu quả rõ nét, kịp thời. Triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; tăng cường quản lý kinh tế, ngân sách Nhà nước, tài sản công và các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường hiệu quả công tác đối thoại trực tiếp với nhân dân góp phần hạn chế tiêu cực, tham nhũng ở các địa phương trong toàn tỉnh...

Trong bài viết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Xã hội trong tương lai mà chúng ta hướng tới “sự phát triển là thực sự vì con người”, “phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội”, “một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn”, “sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai”, “một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có”⁽⁶⁾... Đây chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Đối với Hà Tĩnh, những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong gần 40 năm qua là rất đáng trân trọng và tự hào, thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trên con đường thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Bước vào chặng đường mới, với quyết tâm đến năm 2030 xây dựng Hà Tĩnh “trở thành tỉnh khá” của cả nước, hơn bao giờ hết, trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, Hà Tĩnh khơi dậy, phát huy tiềm năng, thế mạnh, nhất là các giá trị, sức mạnh văn hóa, khát vọng vươn lên của người Hà Tĩnh xây dựng tỉnh nhà phát triển phồn vinh, hạnh phúc./.

Chú thích

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội 2011, t.4, tr.187.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội 2011, t.12, tr.562.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, 1930*, Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tr.2.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội 2011, t.14, tr.467.
5. Tỉnh ủy Hà Tĩnh: *Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Tĩnh - năm 2021, tr.61.
6. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc (Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2021 và toàn khóa*, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2021, tr.23-24.

PHÁT HUY TINH THẦN “HÃY GIỮ VỮNG CHÍ KHÍ CHIẾN ĐẤU” CỦA TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ TRONG THỰC THI CÔNG VỤ HIỆN NAY

✧ Ths. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Với 27 tuổi đời, hơn 8 năm hoạt động cách mạng, gần một năm giữ trọng trách Tổng Bí thư của Đảng, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trần Phú đã để lại cho Đảng, giai cấp công nhân và Nhân dân ta tấm gương cao đẹp về trí tuệ, đạo đức và khí phách kiên cường của người cộng sản mẫu mực, trọn đời phấn đấu, hy sinh cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Tên tuổi và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Trần Phú đã trở thành biểu tượng của lòng kiên trung, bất khuất và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, được các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân ta noi theo.

Ngày 18/4/1931, khi bị bắt và tra tấn dã man, nhưng đồng chí Trần Phú đã nêu cao tấm gương kiên trung, bất khuất, giữ vững khí phách của người cộng sản, kiên quyết không khai bí mật của Đảng. Lời nhắn gửi cuối cùng của đồng chí Trần Phú trước lúc hy sinh: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!” là lời nhắn gửi đầy tâm huyết và trách nhiệm của đồng chí đến các thế hệ mai sau: hãy kiên định mục tiêu và lý tưởng của Đảng, vì Nhân dân, vì đất nước, kiên định thực hiện sự nghiệp cách mạng mà thế hệ cha ông đã gây dựng. Sự nghiệp cách mạng dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, chông gai, nhưng nhất định thắng lợi.

Nhìn lại chặng đường gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một nền kinh tế lạc hậu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam

đã vươn lên trở thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu phát triển đáng ghi nhận. Theo đó, quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên rất nhanh. Năm 1986, khi bắt đầu thực hiện đổi mới đất nước, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam chỉ khoảng 8 tỷ USD, xếp thứ 9/10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2023, GDP Việt Nam đã đạt hơn 430 tỷ USD, tăng khoảng hơn 53 lần; GDP bình quân đầu người đạt mức gần 4.300 USD, tăng 58 lần so với những năm đầu đổi mới. Đặc biệt, giai đoạn 1986 - 2022, Việt Nam lọt top 5 nước có quy mô kinh tế tăng nhiều nhất thế giới.

Trên bình diện hội nhập quốc tế, gần 40 năm đổi mới cũng là một chặng đường hội nhập quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức của Việt Nam. Theo đó, Việt Nam hiện đã thiết lập quan hệ ngoại

giao với hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ; có quan hệ kinh tế, thương mại với hơn 230 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 300 tổ chức quốc tế; Việt Nam đã ký rất nhiều hiệp định thương mại song phương, hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới, phủ rộng khắp các châu lục. Với việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đã giúp Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 35 trên thế giới, quy mô thương mại quốc tế nằm trong top 20 của thế giới và là một trong những nền kinh tế được đánh giá là năng động, có độ mở cao nhất thế giới. Có thể thấy rằng, sau gần 40 năm đổi mới, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như hôm nay.

Hiện nay, đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới, từng bước hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Sự nghiệp cách mạng đang đặt chúng ta trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Bên cạnh cơ hội đưa đất nước trở thành một nước phát triển và đứng vào hàng của các nước có thu nhập cao vào năm 2045; cơ hội để đưa đất nước cùng sánh vai với các bè bạn năm châu..., sự nghiệp đổi mới và yêu cầu của việc hội nhập quốc tế cũng đang đặt chúng ta trước những khó khăn và thách thức mới. Đó là việc thay đổi quá nhanh của tình hình thế giới và khu vực; những thách thức trong hội nhập kinh tế thế giới; những vấn đề đặt ra của việc hoàn thiện và phát triển một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, trong điều hành quản lý nhà nước và thực thi công vụ những năm qua cho thấy, có không ít cán bộ, kể cả cán bộ trung, cao cấp, nắm giữ những trọng trách lớn trong bộ máy nhà nước nhưng vì không giữ vững được “chí khí chiến đấu” đã dẫn đến suy thoái về tư tưởng, chính

trị, đạo đức, lối sống. Một bộ phận cán bộ, đảng viên đã không nhận thức được rằng, khi thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao là họ đang nhân danh quyền lực công, quyền lực chính trị, quyền lực Nhà nước, nhân danh Đảng, nhân danh Nhà nước họ phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật. Họ không thể tự cho mình cái quyền đứng ngoài pháp luật, xem thường lợi ích của Đảng, Nhà nước, lợi ích của xã hội, đặc biệt là lợi ích của Nhân dân để tư lợi, sa vào chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, tham danh trục lợi, quan liêu, mệnh lệnh, vô cảm với Nhân dân, đồng bào, tự cao tự đại, coi thường tập thể, thiếu tôn trọng Nhân dân... Không “giữ vững chí khí chiến đấu” còn biểu hiện ở thiếu giáo dục lý tưởng cách mạng, sống không có lý tưởng hoài bão, bản lĩnh chính trị thiếu vững vàng, không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ; là vi phạm chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên, thiếu tính chiến đấu, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, đồng lõa với thói hư tật xấu, bao che cho những hành vi phi pháp làm hại đến Nhân dân, làm mất niềm tin của Nhân dân với Đảng.

Khi không “giữ vững chí khí chiến đấu”, cán bộ, đảng viên sẽ thiếu niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Nhân dân đã lựa chọn, kéo bè kết cánh gây mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, làm phương hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; là bất chấp quy định, thiếu tính gương mẫu, tiếp tay cho lực lượng thù địch xuyên tạc, kích động và chống phá Đảng, chống phá nhà nước, làm hoen ố danh dự của người đảng viên.

Trước thực trạng đó, “giữ vững chí khí chiến đấu” là một yêu cầu không thể

thiếu đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Trước hết đó là nâng cao nhận thức đạo đức cách mạng, biến nhận thức đạo đức thành hành vi đạo đức trong thực thi công vụ và trong thực tiễn điều hành, quản lý xã hội hiện nay ở nước ta. Theo đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn tự ý thức được trách nhiệm của mình trước Đảng, trước Nhà nước và Nhân dân; nâng cao lòng yêu nghề, tinh thần tận tụy với công việc; có thái độ tôn trọng Nhân dân, tận tâm phục vụ Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân; thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư trong hoạt động công vụ; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; thượng tôn pháp luật; có tinh thần hợp tác, quan hệ tốt với đồng nghiệp.

Đề “giữ vững chí khí chiến đấu”, điều cốt lõi mỗi cán bộ, đảng viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm, tự học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng theo Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị, cụ thể: Điều 1. Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong mỗi quan hệ với Đảng - Nước - Dân. Thể hiện nội hàm về lòng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân. Điều 2. Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập, thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong mỗi quan hệ với cơ quan, tổ chức, cộng đồng, xã hội. Thể hiện sự năng động, sáng tạo, ý chí, quyết tâm vươn lên trong học tập và công tác, lao động sản xuất, xây dựng, phát triển cơ quan, tổ chức, cộng đồng xã hội, quốc gia giàu mạnh. Điều 3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thể hiện chuẩn mực mang phẩm chất lõi của cán bộ, đảng viên trong mỗi quan hệ với công việc. Là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng, thể hiện nội hàm năng lực trong bảo đảm thực thi, hoàn thành nhiệm vụ, trọng trách Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Điều 4. Đoàn

kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong mỗi quan hệ với đồng chí, đồng nghiệp, vừa khẳng định tính tổ chức, tính pháp lý, vừa thể hiện đạo lý truyền thống tương thân, tương ái, đoàn kết, chung sức, đồng lòng của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Điều 5. Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời, thể hiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong mỗi quan hệ với bản thân. Thể hiện vai trò gương mẫu, đi đầu trong công tác, lối sống, tu dưỡng, rèn luyện, học tập, giữ gìn bản thân trong sạch, không ngừng hoàn thiện bản thân. Mỗi cán bộ, đảng viên cần tiếp tục hun đúc bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân.

Hơn 90 năm kể từ ngày Tổng Bí thư Trần Phú anh dũng hy sinh, nhưng khí tiết cách mạng, ý chí chiến đấu của Đồng chí luôn tỏa sáng, soi rọi, động viên, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, kiên định con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn, nỗ lực phấn đấu vươn lên giành những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Học tập, noi theo khí phách kiên cường, bất khuất, tinh thần chiến đấu, hy sinh trọn đời cho lý tưởng cách mạng, niềm tin của Đảng, độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của Nhân dân của đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú, những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải thường xuyên trau dồi phẩm chất chính trị, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, tuân thủ đầy đủ những quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, giữ vững bản lĩnh chính trị, chí khí chiến đấu, đoàn kết nhất trí, thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng và Nhân dân giao phó./.

MÔ HÌNH LẬP PHÁP Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

✧ TS. NGUYỄN DUY LONG
Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Lập pháp là hoạt động quan trọng nhất đối với mỗi quốc gia; một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ sẽ bảo đảm sự bền vững và ổn định của một quốc gia. Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã không ngừng xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ và toàn diện để điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội. Tuy nhiên, nhiều vấn đề trong tư duy lập pháp đã không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu mô hình lập pháp một số nước ở trên thế giới, rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam là rất cần thiết nhằm đổi mới tư duy, quy trình lập pháp phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội hiện nay ở Việt Nam.

Trong lịch sử chính trị pháp lý thế giới, hoạt động lập pháp được rất nhiều các nhà tư tưởng bàn tới, điển hình là quan điểm của J. Rousseau, Montesquieu. Trong cuốn “Bàn về tinh thần pháp luật”, Montesquieu đã viết: “Trong một nước tự do, mọi người đều được xem như có tâm hồn tự do, thì họ phải được tự quản; như vậy, tập đoàn dân chúng phải có quyền lập pháp. Nhưng trong một nước lớn thì không thể mỗi công dân đều làm việc lập pháp. Trong một nước nhỏ, việc này cũng rất khó khăn; cho nên dân chúng thực hiện quyền lập pháp bằng cách giao cho các đại biểu của mình làm mọi việc mà cá nhân công dân không thể tự mình làm lấy được”. Theo đó “quyền lập pháp thể hiện ý chí chung của quốc gia”.

Việc nghiên cứu hoạt động lập pháp và mô hình lập pháp của các quốc gia trên thế

giới có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động lập pháp ở Việt Nam. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam tham gia rất sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế, đòi hỏi hệ thống pháp luật phải phù hợp và không trái với các điều ước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

1. Mô hình lập pháp ở một số nước trên thế giới

Thứ nhất, về thể chế lập pháp.

Ở đa số các nước trên thế giới, Hiến pháp trao thẩm quyền lập pháp cho Nghị viện hoặc Quốc hội. Khoản 1, Điều 1 Hiến pháp Hoa Kỳ quy định: “Toàn bộ quyền lực lập pháp được thừa nhận tại bản Hiến pháp này sẽ được trao cho Nghị viện Hoa Kỳ. Nghị viện gồm có Thượng viện và Hạ viện”. Hiến pháp Hàn Quốc quy định ở Điều 40: “Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội”. Khoản 1, Điều 34 Hiến pháp

Cộng hòa Pháp năm 1958 quy định: “Luật do Nghị viện thông qua”. Như vậy, thẩm quyền lập pháp được giao cho nghị viện nhưng nghị viện không thực hiện tất cả các công việc trong quy trình lập pháp. Ở nhiều nước trên thế giới, đa số sáng kiến lập pháp do chính phủ đề xuất, soạn thảo dự án luật trình nghị viện thông qua. Sau đó, nguyên thủ quốc gia (chủ tịch nước hoặc tổng thống) có quyền công bố luật.

Về quy trình thông qua luật, Hiến pháp của Nhật Bản quy định tại Điều 59 như sau: “Dự thảo luật sẽ trở thành luật nếu được cả hai Viện thông qua trừ những trường hợp đặc biệt được ghi trong Hiến pháp. Nếu Thượng nghị viện không đồng ý với một dự thảo luật mà Hạ nghị viện đã thông qua thì văn kiện đó sẽ trở thành đạo luật nếu Hạ nghị viện biểu quyết lần thứ hai với đa số 2/3 đại biểu có mặt thông qua”. Hiến pháp Hoa Kỳ tại đoạn 2, khoản 7, Điều 1 quy định: “Mỗi dự luật đã được thông qua tại Hạ viện và Thượng viện trước khi trở thành luật đều phải đệ trình lên Tổng thống Hoa Kỳ. Nếu tán thành, Tổng thống sẽ ký nhận, nếu không Tổng thống sẽ trả lại Viện đưa ra dự luật đó cùng với ý kiến không tán thành. Viện này sẽ thông báo rộng rãi ý kiến không tán thành trong nội san và tiến hành xem xét lại dự luật. Nếu sau khi xem xét lại và hai phần ba thành viên của Viện đó đồng ý thông qua dự luật, thì nó sẽ được gửi cho Viện kia, kèm theo ý kiến không tán thành. Và Viện đó cũng sẽ xem xét. Nếu được hai phần ba thành viên của Viện đó phê chuẩn, thì nó sẽ trở thành một đạo luật.

Như vậy, dự thảo luật chỉ trở thành luật khi được nghị viện xem xét thông qua; không có sự thông qua của nghị viện thì không có các đạo luật.

Thứ hai, thiết chế lập pháp.

Về mô hình tổ chức nghị viện: Hiện nay, trên thế giới có hai mô hình nghị viện: chế độ nghị viện một viện và chế độ nghị viện hai viện. Một số nước tiêu biểu cho chế độ nghị viện hai viện bao gồm Anh, Hoa Kỳ, Canada, Braxin, Cộng hòa Séc... Các nước khác xây dựng mô hình nghị viện một viện như: Trung Quốc, Thụy Điển, Bulgari, Cộng hòa dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Costa Rica, Cuba... Các nhà nước liên bang thường áp dụng chế độ nghị viện hai viện. Nhà nước đơn nhất thường thiết lập chế độ nghị viện một viện. Tuy nhiên, một số nhà nước đơn nhất có nghị viện hai viện như: Malaysia, Tây Ban Nha, Thái Lan, Nhật Bản...; các tiểu vương quốc Ả rập là nhà nước liên bang nhưng tổ chức theo mô hình nghị viện một viện.

Trong số 245 nước trên thế giới hiện nay có 163 nước và vùng lãnh thổ thiết lập chế độ nghị viện một viện, trong đó có 115 nước là thành viên của Liên hợp quốc, 35 nước không có chủ quyền và vùng lãnh thổ, 13 nước, vùng lãnh thổ không phải là thành viên của Liên hợp quốc. Trong số 82 nước, vùng lãnh thổ có nghị viện hai viện, 76 nước là thành viên của Liên hợp quốc, 05 nước không có chủ quyền, vùng lãnh thổ, 01 nước không phải là thành viên của Liên hợp quốc.

Tên gọi của thượng viện được Hiến pháp các nước quy định khác nhau. Ví dụ: Viện Nguyên lão (Ba Lan, Mỹ, Nhật Bản, Pháp); Hội đồng liên bang (Đức, Liên bang Nga); Hội đồng bang (Ấn Độ); Hội đồng tổng (Thụy Sĩ); Thượng nghị viện (Anh). Hạ viện có tên gọi là Quốc hội (Pháp và đa số những quốc gia châu Phi thuộc Pháp trước đây); Hội đồng Dân tộc (Áo, Thụy Sĩ, Slovakia); Viện Đại biểu (Braxin, Mỹ,

Italia, Indonesia, Nhật Bản, Rumani, Cộng hòa Séc); Viện Nhân dân (Ấn Độ); Viện Bình dân (Anh). Hiến pháp của một số nước sử dụng tên gọi riêng. Ví dụ: Duma quốc gia (Liên bang Nga); Sejm (Ba Lan); Bundestag (Đức).

Về cách thức thành lập nghị viện, nhiệm kỳ của nghị viện: Nghị viện một viện, hạ viện của nghị viện hai viện của đại đa số các nước do Nhân dân bầu ra thông qua cuộc bầu cử phổ thông, trực tiếp. Ở một số nước, Quốc hội do Nhân dân gián tiếp bầu ra, ví dụ Trung Quốc; hai trong số 545 thành viên của Viện Nhân dân của Nghị viện Ấn Độ đại diện cho cộng đồng Anh - Ấn do Tổng thống bổ nhiệm; ở Indonesia, 100 trong số 500 thành viên của Viện Nhân dân do các sĩ quan, binh lính quân đội bầu ra.

Hiến pháp của các nước quy định nhiệm kỳ của nghị viện theo các cách khác nhau: 2 năm (Mỹ); 3 năm (Thụy Điển, Philippines); 4 năm (Argentina, Áo, Ba Lan, Bỉ, Bulgari, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Thái Lan); 5 năm (Ấn Độ, Campuchia, Trung Quốc, Pháp); 6 năm (Ai Cập). Hết nhiệm kỳ, toàn bộ số thành viên của nghị viện (hạ viện) được bầu lại. Tuy nhiên, có một số trường hợp ngoại lệ, chẳng hạn ở Argentina cứ 2 năm một nửa số thành viên của hạ viện được bầu mới một lần.

Cách thức thành lập thượng viện đa dạng hơn so với thành lập hạ viện. Có các phương pháp thành lập thượng viện như sau:

Thứ nhất, bầu cử trực tiếp: 100 thành viên của Thượng viện Mỹ do Nhân dân các bang trực tiếp bầu ra, mỗi bang bầu hai đại biểu; toàn bộ 100 thành viên của Thượng viện Ba Lan do Nhân dân trực tiếp bầu ra;

các nước Argentina, Italia, Mexico, Thụy Sĩ cũng áp dụng phương pháp này.

Thứ hai, bầu cử gián tiếp: Thành viên của Viện Nguyên lão Nhật Bản, Pháp do Nhân dân gián tiếp bầu ra thông qua đại diện cử tri.

Thứ ba, bổ nhiệm: 30 thành viên của Thượng viện Jordan do nhà vua bổ nhiệm.

Thứ tư, kết hợp giữa bầu và bổ nhiệm: Trong số 250 thành viên của Thượng viện Ấn Độ, 12 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm, 138 do Nhân dân các bang trực tiếp bầu ra; 38 trong tổng số 47 thành viên Thượng viện Chile do Nhân dân bầu trực tiếp, còn lại do Tổng thống bổ nhiệm, các cựu Tổng thống là thượng nghị sĩ đương nhiên.

Thứ năm, các hình thức khác: 68 thành viên của Bundestag (Đức) đại diện cho các bang, do chính phủ các bang cử ra; 178 thành viên của Hội đồng Liên bang Nga là những người đứng đầu cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp của các chủ thể liên bang.

2. Những giá trị tham khảo cho Việt Nam

Việc thiết lập chế độ nghị viện một viện hay nghị viện hai viện và quy trình lập pháp như thế nào tùy thuộc vào chính thể, cấu trúc nhà nước, chế độ chính trị, truyền thống pháp luật, quan điểm của các nhà chính trị... Cho dù là chế độ một viện hay hai viện thì lập pháp đều phải đáp ứng những yêu cầu căn bản của chế độ dân chủ. Nghiên cứu mô hình lập pháp ở một số quốc gia trên thế giới có thể rút ra một số giá trị có thể tham khảo ở Việt Nam như sau:

Một là, Quốc hội phải là cơ quan đại diện cho toàn thể Nhân dân, đại diện cho ý

chí, lợi ích của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội và lợi ích của các địa phương.

Hai là, hoạt động lập pháp của Quốc hội phải đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ cho lợi ích cộng đồng, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhân dân và lợi ích của quốc gia.

Ba là, quy trình lập pháp phải gồm nhiều công đoạn, thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong quy trình đó phải được xác định rõ ràng, chặt chẽ để bảo đảm chất lượng văn bản.

Bốn là, cần thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lập pháp của Quốc hội, bảo đảm ngăn ngừa và xử lý kịp thời hành vi vi phạm Hiến pháp, vi phạm pháp luật của Quốc hội. Việc thành lập cơ quan bảo vệ hiến pháp chuyên trách sẽ góp phần kiểm soát có hiệu quả việc thực thi quyền lực Nhà nước nói chung, hoạt động lập pháp của Quốc hội nói riêng.

Tóm lại, mô hình và quy trình lập pháp ở mỗi quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo để hoạt động lập pháp có thể được tiến hành đồng bộ, khoa học và thường xuyên. Quy trình lập pháp huy động sự tham gia của tất cả các cơ quan, tổ chức trong nước và các công dân vào hoạt động lập pháp của Quốc hội, nhằm đảm bảo tính dân chủ và đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Hoạt động lập pháp là tổng thể các hoạt động thực tế diễn ra trong quy trình lập pháp. Trong khi đó, quy trình lập pháp là định hướng đối với các hoạt động lập pháp, nhằm tạo ra sự liên kết giữa các chủ thể và hoạt động lập pháp riêng lẻ để văn bản luật có thể được ban hành. Việc nghiên cứu mô hình lập pháp một số nước ở trên thế giới, rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam là rất cần thiết nhằm đổi mới tư duy, quy

trình lập pháp phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội hiện nay và đúng với mục tiêu, bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Nhà nước và pháp luật Việt Nam* (Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị), Nxb. Lý luận chính trị, H.2021.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, t.I, II.
3. Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, H.2005.
4. Quốc hội: *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021.
5. Quốc hội: *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2020.
6. Tào Thị Quyên (Chủ biên): *Lập pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Lý luận chính trị, H.2020.
7. Trần Ngọc Đường, Ngô Đức Mạnh: *Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, Chính phủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2008.
8. Charles Louis Montesquieu: *Bàn về tinh thần pháp luật*. Nxb. Lý luận chính trị, H.2006.
9. Đào Trí úc (Chủ biên): *Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, H.2007.
10. Jean-Jacques Rousseau: *Bàn về khế ước xã hội* (Tái bản lần thứ hai), Nxb. Chính trị - Hành chính, H.2013.

TÍNH TÍCH CỰC CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

✧ Ths. CHU THỊ THU HUYỀN
Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Trong dòng chảy lịch sử dựng nước và giữ nước đầy vẻ vang và tự hào của dân tộc Việt Nam, phụ nữ luôn đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Họ đánh giặc từ thời Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh chống Mỹ, cứu nước. Hiếm có một dân tộc nào mà hình ảnh người phụ nữ lại gắn liền với hình ảnh dân tộc như Việt Nam. Giai đoạn 1945 - 1975 là một trong những trang lịch sử hào hùng nhất của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và cũng là giai đoạn mà hình ảnh người phụ nữ Việt Nam nổi lên như biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí quật cường, kiên trung, bất khuất, góp phần quan trọng vào thắng lợi của 30 năm chiến tranh cách mạng.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, trong bản Tuyên ngôn độc lập của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt quốc dân đồng bào tuyên bố với cả thế giới rằng: Việt Nam là một nước tự do độc lập. “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”⁽¹⁾. Thực hiện lời thề dân tộc và quyền công dân của một nước độc lập, ngày 06/01/1946, phụ nữ Việt Nam đã hăng hái tham gia cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của một nước độc lập. Đây là sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện quyền chính trị của phụ nữ và cũng là lần đầu tiên phụ nữ Việt Nam có quyền bình đẳng cầm lá phiếu bầu người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước.

Tuy nhiên, cũng ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ đã phải cùng lúc đối phó với nhiều kẻ thù; “thù trong, giặc ngoài”, nạn đói hoành hành, ngân khố cạn kiệt, hơn 90% dân số mù chữ... Chưa bao giờ cách mạng Việt Nam lại rơi vào tình thế vừa khó khăn vừa cấp bách như vậy. Lúc này, vận mệnh dân tộc “ngàn cân

treo sợi tóc”. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào thi đua yêu nước, “Diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm” góp phần xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Đây là giai đoạn mà vai trò của phụ nữ và của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thể hiện khá rõ nét qua việc vận động bầu cử Quốc hội; vận động thi đua tăng gia sản xuất; vận động phụ nữ trong vùng địch tạm chiếm; tăng cường hoạt động quốc tế; cải thiện đời sống phụ nữ và bảo vệ nhi đồng; cứu tế xã hội; vận động phụ nữ tham chính; củng cố và phát triển Hội... góp phần xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, giải phóng phụ nữ và bảo vệ hòa bình, dân chủ.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, lực lượng phụ nữ được tập hợp trong các đoàn thể, đã tích cực tham gia phong trào “Tăng gia sản xuất và tiết kiệm”, “Ngày đồng tâm” và “Hũ gạo cứu quốc”, để giải quyết nạn đói; tham gia tích cực trong phong trào bình dân học vụ xóa nạn mù chữ; tham gia và ủng hộ Nam bộ kháng chiến. Ngoài ra, đây là thời kỳ mà người đàn ông phải ra trận, vì vậy, phụ nữ vừa tham gia kháng chiến lại vừa làm việc thay người ra trận. Những phong trào “Phụ nữ học cày, học bừa”, “Phụ nữ chức nghiệp”,

“Chống bắt lính”, “Vận động binh sĩ trở lại quê hương”, “Tầm vong diệt giặc”, phong trào của nữ du kích Hoàng Ngân “Đòn gánh đánh càn”..., đã tạo nên một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trên cả hai miền Nam Bắc, vừa sản xuất vừa chiến đấu.

Trong những ngày đầu xây dựng chính quyền, hưởng ứng lời kêu gọi “Tuần lễ vàng” của Chính phủ, nhiều người phụ nữ trong cả nước đã tự nguyện đem cả nữ trang, hồi môn, nhẫn cưới, thậm chí nhiều người đã đem cả mâm vàng, lư hương, đèn thờ... ủng hộ chính phủ kháng chiến. Kết quả, Chính phủ thu được 370 kg vàng, 20 triệu vào “quỹ độc lập”, 40 triệu vào “quỹ đảm phụ quốc phòng”, tiêu biểu như bà Tổng Minh Phương ủng hộ 200 cây vàng. Đây là một thành công lớn của Chính phủ, không chỉ vì số lượng vàng mà quan trọng hơn là thức dậy ý thức, tinh thần, trách nhiệm của người dân, trong đó phần lớn là phụ nữ.

Phong trào “Thi đua ái quốc”, diệt “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm” là một trong những phong trào chính trị rộng lớn, vừa có tính cấp bách trước mắt vừa có tính chiến lược lâu dài của Đảng, Chính phủ ta tiếp sức cho ý chí quyết tâm của cả dân tộc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, hàng triệu phụ nữ đã vượt khó, tăng gia sản xuất “không bỏ một tấc đất hoang”. Kết quả, năm 1946 đã thu được 1.935.000 tấn thóc; 617 tấn màu, gấp 3 lần mùa thu hoạch bình quân các năm 1940 - 1944, nạn đói kịp thời được dập tắt. Sau khi Cách mạng tháng Tám, 95% mù chữ là một thách thức lớn đối với chính quyền. “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, dốt cũng là một loại giặc nguy hiểm không kém giặc đói và giặc ngoại xâm, hơn nữa, trong số đó 2/3 là nữ, vì vậy, “diệt giặc dốt” cũng là “ái quốc” và mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

Như vậy, bên cạnh chính thức công nhận quyền công dân và quyền bình đẳng phụ nữ thông qua pháp luật, Đảng ta và Chủ tịch Hồ

Chí Minh còn quan tâm đến tạo và duy trì những cơ sở cần thiết bảo đảm cho phụ nữ có và có thể phát huy tối đa những phương tiện tự giải phóng mình và tham gia tích cực vào đời sống chính trị quốc gia, vì hơn ai hết Người hiểu rằng: “Kẻ dốt nát thì đứng ngoài chính trị”, phụ nữ là một nửa xã hội, vì vậy, nếu không diệt được dốt thì có nghĩa là “phần nửa xã hội” đứng bên lề của sự phát triển.

Trong phong trào “diệt giặc dốt”, phụ nữ đã tích cực tham gia học và dạy học. Việc tích cực, tự giác tham gia vào phong trào cách mạng được thể hiện bằng nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đến năm 1946, có 2 triệu phụ nữ đã thoát nạn mù chữ. Năm 1948, con số đó đã tăng lên 4 triệu phụ nữ. Năm 1949, có 70% phụ nữ đã biết đọc, biết viết. Bên cạnh đó, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện phong trào “Diệt giặc ngoại xâm”, phụ nữ đã có mặt trên nhiều lĩnh vực, cả hậu phương và tiền tuyến, cả chiến đấu và phục vụ chiến đấu, điển hình như tham gia Dân quân du kích (Bắc Trung bộ có 840.000 chị; Nam bộ: 140.000 chị, trong đó, nữ du kích Hoàng Ngân có 7.365 chị); Hội mẹ chiến sĩ có 500.000 bà mẹ. Tổng cộng 18 chiến dịch có 9.578.000 công phụ nữ tham gia dân công tiền tuyến, trong đó hơn 2 triệu ngày công phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhiều phụ nữ tham gia vào đội dân quân tập trung, công tác binh vận, đấu tranh giữ vững khí tiết cách mạng... Để chống lại âm mưu và thủ đoạn thâm độc “dùng người Việt, đánh người Việt”, bắt thanh niên làm bia đỡ đạn, phụ nữ đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ chồng con, phong trào “chống bắt lính” đã thu được nhiều thành công. Chỉ trong năm 1952 các cuộc đấu tranh chống bắt lính đã giữ lại được 18.482 thanh niên khỏi phải đi đỡ đạn cho giặc. Phụ nữ đã dùng mọi hình thức tuyên truyền, thuyết phục, đấu tranh và đã góp phần quan trọng làm cho hàng ngũ địch tan rã. Ở Hà Tây, 12 phụ nữ cùng lực lượng quần chúng vận động được 7.320 lính nguy. Ở Bến Tre, 7 tháng đầu năm 1952 phụ nữ đã vận động được 400 lính Nguy trở về với Tổ quốc. Riêng Bắc Bộ trong chiến dịch Đông Xuân

1953 - 1954, phụ nữ đã vận động được 17.000 Ngụy binh bỏ hàng ngũ trở về⁽²⁾. Ở một số địa phương như Hà Tĩnh, giai đoạn này dưới sự tổ chức của tỉnh hội, phụ nữ tham gia tích cực vào phong trào “đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tự lực cánh sinh” nhằm chi viện nhiều nhất cho tiền tuyến và đủ sức nuôi sống hậu phương. Trong phong trào “chia lửa cho Bình Trị Thiên”, tổng sản phẩm lúa và màu quy thành thóc trong hai vụ chiêm mùa 1948 đã đạt gần chục vạn tấn, chuyển vào chi viện cho mặt trận Bình Trị Thiên 358 tấn thóc, 449 tấn gạo, 33 tấn ngô. Tham gia vào chiến trường, riêng trong chiến dịch Hòa Bình, Hà Tĩnh có 9.602 dân công hỏa tuyến, trong đó nữ chiếm 68%, trực tiếp làm nhiệm vụ trên đất Lào có 28.300 người, phụ nữ chiếm 50%⁽³⁾. Ghi nhận công lao của phụ nữ, Đảng ta đã phong tặng nhiều danh hiệu cao quý cho phụ nữ như “Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân” cho Đội Nữ du kích Hoàng Ngân và 2 phụ nữ là Nguyễn Thị Chiên, Mạc Thị Bưởi và nhiều huân chương ghi nhận công lao của cá nhân và tập thể nữ.

Sau năm 1954, ở miền Nam, Đảng chuyển hướng toàn diện vào hoạt động bí mật. Đoàn thể phụ nữ cũng như các đoàn thể quần chúng khác đều tự giải tán, chuyển sang tổ chức quần chúng, hoạt động theo chuỗi, rẽ, thực hiện chủ trương của Đảng, một số cán bộ nữ được bố trí hoạt động hợp pháp. Giai đoạn này, cách mạng miền Nam chủ yếu đấu tranh chính trị, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Phụ nữ miền Nam cùng nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, phản đối cuộc “trung cầu dân ý” giả mạo và đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ. Chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp phong trào trong biển máu. Trong chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng” và bình định miền Nam với phương châm “bắt nhảm còn hơn bỏ sót” chúng đã thẳng tay bắt bớ, chém giết đồng bào ta. Chúng xây dựng hàng trăm nhà tù lớn nhỏ để giam cầm như ở Chí Hòa, Phú Lợi, Biên Hòa, riêng một trại giam Thủ Đức nhốt đến 4.000 phụ nữ. Số chị em bị bắt vào tù, bị đày ra Côn Đảo, từ tháng 3 đến tháng

7 có tới 350 người⁽⁴⁾. Ở Côn Đảo, bọn chúng dùng nhiều thủ đoạn để lôi kéo, thuyết phục phụ nữ đứng về phía Quốc gia, nhưng đã vấp phải sự đấu tranh quyết liệt của phụ nữ với một tinh thần và ý chí thép; một số phụ nữ đã cải trang làm những người bán hàng, người dân địa phương để tiếp tục hoạt động trong lòng địch. Trước những đòn tra tấn cả thể xác và tinh thần, các nữ chiến sĩ vẫn động viên nhau giữ vững ý chí, quyết tâm không chịu ra học (tổ cộng), quyết tâm không chào cờ ngụy quyền và trả lời danh thép: Mỗi người có một con đường để đi, chúng tôi đã chọn lá cờ để chào.

Ở miền Bắc, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phụ nữ toàn miền Bắc đã sôi nổi bắt tay vào việc kiến thiết đất nước. Đây là một trong những giai đoạn thể hiện vai trò to lớn của phụ nữ: “cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thành công với sự tham gia của phụ nữ và nhất định lôi cuốn được quần chúng phụ nữ tham gia”⁽⁵⁾. Năm 1961, Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ III đã phát động phong trào thi đua 5 tốt với các nội dung: Đoàn kết sản xuất, tiết kiệm tốt, chấp hành chính sách tốt, tham gia quản lý tốt, học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật tốt, xây dựng gia đình nuôi dạy con tốt. Phong trào “Ba đảm đang” (3/1965) với các nội dung: Đảm đang sản xuất và công tác, đảm đang gia đình, đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam kêu gọi toàn thể phụ nữ hãy cùng toàn dân chống Mỹ cứu nước, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Phong trào “Ba đảm đang” vừa phát động trong một thời gian ngắn đã thành phong trào quần chúng rộng khắp thể hiện rõ nét tinh thần cách mạng to lớn của phụ nữ Việt Nam. Với một khí thế sôi nổi thi đua sản xuất chiến đấu, quyết tâm “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, phụ nữ sẵn sàng thay nam giới làm bất cứ việc gì. Nửa tháng sau khi phong trào phát động, “tỉnh Hà Tây có trên 22.000 lá đơn gửi lên bộ quốc phòng xin cho chồng, con nhập ngũ hoặc tái nhập ngũ, ở Khoái Châu (Hải Hưng), trong một đợt đã có hơn

4.000 lá đơn tình nguyện. Nhiều đôi nam, nữ thanh niên tự nguyện hoãn ngày cưới để lên đường làm nhiệm vụ⁽⁶⁾. Với phong trào “Ba đảm đang”, đã có 42 chị và 9 tập thể được tuyên dương Anh hùng, 5.000 chiến sỹ thi đua, 1.718 chị được thưởng huy hiệu Bác Hồ và gần 4 triệu chị em đạt danh hiệu “Ba đảm đang”. Phong trào “không những phát huy truyền thống yêu nước của phụ nữ nước ta mà còn phát huy cao độ nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa và khả năng to lớn của phụ nữ miền Bắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội⁽⁷⁾”.

Song song với “ba đảm đang”, phong trào “ba sẵn sàng” ở đoàn viên thanh niên với khẩu hiệu: “sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhập ngũ đánh thắng Đế quốc Mỹ xâm lược; sẵn sàng hy sinh bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì Đảng và nhân dân yêu cầu mà không đòi hỏi đãi ngộ”. Với một tinh thần sục sôi cách mạng, một khí thế trẻ “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” của đại bộ phận thanh niên, trong đó có lực lượng nữ, một phong trào rực lửa của tuổi trẻ, của tinh thần và niềm tự hào thanh niên Việt Nam, họ tiến ra tiền tuyến như “triều dâng thác đổ” trên mọi mặt trận: tiền tuyến Miền Nam, chảo lửa khu Bốn, biên cương, hải đảo... phong trào là niềm tự hào của một thế hệ vàng nam nữ thanh niên Việt Nam có tác động lớn đến mọi thành phần xã hội và có tiếng vang trên thế giới. “Ba đảm đang” và ảnh hưởng của nó, một lần nữa khẳng định vai trò, vị thế của phụ nữ trong đời sống chính trị và cách mạng Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Phong trào “Đồng Khởi” và “Đội quân tóc dài” ra đời, mở đầu bằng “ba mũi giáp công” chính trị, binh vận, võ trang đã trở thành một làn sóng mạnh mẽ, tỏ rõ khí thế cách mạng của phụ nữ miền Nam anh hùng. Không thể kiểm soát được thế tiến công của cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ đã lập “Áp chiến lược”, mục đích là tách phong trào đấu tranh của nhân dân với cơ sở cách mạng. Nhưng phong trào đấu tranh chính trị của phụ nữ miền Nam càng tiến lên dồn dập, mãnh liệt

trở thành phong trào đấu tranh rộng lớn trên toàn Miền Nam. Phong trào Đồng Khởi đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam; làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm; đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và làm thất bại chiến lược “chiến tranh đơn phương” của Mỹ - Diệm.

Tháng 3/1965 Phong trào thi đua 5 tốt đã được phát động khắp miền Nam với nội dung: Đoàn kết đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận tốt; lao động sản xuất, tiết kiệm tốt; chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh; học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn tốt; rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Phong trào nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của toàn thể chị em phụ nữ thuộc mọi tầng lớp. Thời kỳ này, phụ nữ miền Nam luôn đứng trên tuyến đầu chống Mỹ. Nơi nào khó khăn, phụ nữ đều có mặt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Càng khó khăn càng làm nổi bật vai trò của phụ nữ Miền Nam là lực lượng quần chúng đông đảo, mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong cả đấu tranh chính trị và đấu tranh võ trang. Không chỉ ở hậu phương mà họ còn trực tiếp tham gia chiến đấu, là lực lượng rất cơ bản, chiếm số đông trong dân công hoả tuyến, chuyển vận lương thực, tải đạn, tải thương... Ghi nhận những đóng góp lớn lao đó, phụ nữ Miền Nam được vinh dự nhận tám chữ vàng “Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang” và được tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng Nhất. Rất nhiều cán bộ xuất sắc của Hội đã được tuyên dương anh hùng, dũng sĩ diệt Mỹ và dũng sĩ quyết thắng. Hàng ngàn cán bộ khác được tặng thưởng Huân chương giải phóng, bằng khen vì những thành tích đấu tranh chính trị. Trên một vạn hội viên đạt danh hiệu Phụ nữ 5 tốt. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ của toàn dân chống đế quốc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai phụ nữ miền Nam là lực lượng xung kích, là “đội quân tóc dài” trên mặt trận đấu tranh chính trị; trong đấu tranh vũ trang, phụ nữ miền Nam cũng không kém nam giới về mưu trí và lòng dũng cảm.

Phong trào phụ nữ miền Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước là một cuộc vận động cách mạng sâu sắc và rộng lớn nhất của giới nữ, thể hiện được sự kết hợp hài hòa giữa ba mặt: Dân tộc, giai cấp và giới; là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng rộng lớn của nhân dân Việt Nam, đấu tranh cho mục tiêu thống nhất nước nhà. Có thể nói, trong mọi hoạt động của đất nước, người phụ nữ Việt Nam đã hiện lên như một biểu tượng quật cường của dân tộc. Hình ảnh Mẹ Suốt ở tuổi 60 vẫn tinh nguyện chèo đò chở cán bộ, thương binh và vũ khí qua sông, giữ vững thông tin liên lạc giữa hai bờ trong mưa bom bão đạn, dưới cả những trận oanh tạc của quân thù; “nụ cười chiến thắng” của chị Võ Thị Thắng, khi nghe tòa án quân sự Sài Gòn kết án 20 năm tù Chị đã tuyên bố đồng ý, đây mĩa mai và thách thức: “Liệu chính quyền các ông có tồn tại đến 20 năm để bỏ tù tôi không?”; hình ảnh của bà mẹ xã Cẩm Đường khi chính quyền nguy dọa sẽ đốt nhà nếu không vào áp chiến lược đã đứng trên các quả mìn của địch đồng ý nói: “Người ta chỉ chết một lần, thà chết nơi đây, không đi đâu hết, bà con có đồng ý không?”, câu nói có sức mạnh hơn ngàn lời dọa dẫm và hòng súng của kẻ thù, nhân dân quyết tâm ở lại, giữ đất, giữ nhà.

Trên mặt trận ngoại giao, phụ nữ Việt Nam cũng gặt hái nhiều thành công như bà Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Chon, Đỗ Duy Liên, Nguyễn Ngọc Dung... những phái đoàn của chính phủ lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đi công tác, những đại biểu nữ hoạt động ở nước ngoài, dự các hội nghị Quốc tế... trong đó nổi bật có nữ chiến sĩ cách mạng - nhà ngoại giao Nguyễn Thị Bình - người phụ nữ có mặt trong suốt chiều dài của cuộc cách mạng dân tộc và có đóng góp quan trọng với nhiều cương vị khác nhau và trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Có thể nói, không có trận địa nào mà không có bóng dáng người phụ nữ, dù có khó khăn nguy hiểm đến đâu họ đều vượt qua và ghi danh nơi họ từng đến.

Trong giai đoạn này, phụ nữ hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược nhưng họ đều thể hiện được vai trò, vị trí của mình trong đời sống chính trị đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, họ tham gia một cách tích cực, có hiệu quả vào các mặt trận, các phong trào. Tổng thư ký Liên đoàn phụ nữ dân chủ quốc tế đã nói: “Chị em phụ nữ Việt Nam đang viết bằng mồ hôi và máu của họ, một trang sử chưa từng có trong đời sống của nhân loại và đang thúc đẩy sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới”⁽⁹⁾.

Có thể nói, giai đoạn 1945 - 1975 là một trong những trang lịch sử hào hùng nhất của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và cũng là giai đoạn mà hình ảnh người phụ nữ Việt Nam nổi lên như biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí quật cường, kiên trung, bất khuất; giai đoạn ghi nhận sự phát triển lớn mạnh của phụ nữ Việt Nam không chỉ là phong trào cách mạng mà cả tinh thần, tư duy và khả năng cách mạng; là minh chứng rõ nhất cho khẳng định của Hồ Chí Minh: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cùng già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”⁽¹⁰⁾.

Chú thích:

1. *Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các hiến pháp Việt Nam* (2007), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.10.
2. Nguyễn Thị Thập (chủ biên) (1980), *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội. tr.129 - 130.
3. Hội Liên hiệp phụ nữ Hà Tĩnh (2000), *Lịch sử phong trào phụ nữ Hà Tĩnh 1930-1945*.tr107; tr112.
4. Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ (2006), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr191.
5. (9). Lê Thị Nhâm Tuyết (1973), *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. tr12.
6. Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam, *Báo cáo của Hội LHPN giải phóng miền Nam Việt Nam tại Đại hội Phụ nữ Việt Nam lần thứ IV*.
7. Phạm Văn Đồng (1961), *Phụ nữ và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội*, tập 1, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
8. Website: hoilhpn.
10. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.432.

NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ CỦA BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP ĐỂ NÂNG CAO CẢNH GIÁC ĐỐI VỚI NHỮNG DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG MÀU HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN QUỲNH ANGA

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đồng bào đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trải qua 79 năm, những tư tưởng bất hủ của Tuyên ngôn Độc lập vẫn giữ nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới diễn biến hết sức phức tạp. Tình trạng bạo loạn lật đổ, cách mạng màu đang rung lên hồi chuông cảnh tỉnh đối với nền hòa bình, độc lập và ổn định, phát triển của nhiều quốc gia. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần tiếp tục nhận thức rõ hơn nữa những giá trị lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập để nâng cao cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Trong lịch sử truyền thống hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã chứng kiến sự ra đời của nhiều bản Tuyên ngôn Độc lập. Trong đó có ba bản Tuyên ngôn tiêu biểu, tương ứng với mỗi giai đoạn khác nhau, khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự chủ của dân tộc, gồm: Nam quốc sơn hà (1076) của Lý Thường Kiệt; Bình Ngô đại cáo (1428) của Nguyễn Trãi; Tuyên ngôn Độc lập (1945) của Hồ Chí Minh.

Sau 15 năm ra đời, Đảng ta đã lãnh đạo thực hiện Cách mạng Tháng Tám thành công. Đây thắng lợi vĩ đại đầu tiên của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, mở ra kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ngày 02/9/1945, thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam

Á; chấm dứt ách đô hộ hơn 80 năm của thực dân Pháp đối với nước ta, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên tên nước Việt Nam có tên trong bản đồ thế giới, từng bước chủ động xác lập các mối quan hệ ngoại giao với tư cách và vị thế của một quốc gia, dân tộc có độc lập, có chủ quyền.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 với 49 câu, 1.013 từ, là “Áng văn lập quốc vĩ đại” thể hiện đầy đủ trí tuệ, khí phách, văn hiến, nhân văn, ý chí và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới - Thời đại Hồ Chí Minh. Tuyên ngôn hàm chứa giá trị lịch sử bền vững và giá trị hiện thực sâu sắc. Kế thừa những tinh hoa, tiến bộ trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Cách mạng Pháp, ngay từ câu mở đầu, Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã khẳng định chân lý lịch sử: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có

thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽¹⁾. Đó là khẳng định rõ ràng về quyền của con người, cho dù con người đó được sinh ra từ đâu, vào thời điểm nào thì họ đều bình đẳng về quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Đây là “những lẽ phải không ai chối cãi được”⁽²⁾.

Từ sự khẳng định chân lý về quyền của mỗi người, của mọi người, trong Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã “suy rộng ra”, nâng lên tầm cao mới: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽³⁾. Đây là điểm đặc sắc mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh với tầm nhìn thời đại, đã vượt lên trên các bản tuyên ngôn trước đó trong tư tưởng về nhân quyền - Quyền của mỗi người nâng lên thành quyền dân tộc. Chính điều này đã thể hiện sâu sắc giá trị thời đại của Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, đồng thời đưa bản Tuyên ngôn của dân tộc Việt Nam trở thành tuyên ngôn về quyền độc lập, tự do của tất cả các dân tộc bị áp bức, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Có thể khẳng định, Tuyên ngôn Độc lập thực sự là một văn bản pháp lý rất hiện đại, một đạo luật mới của nhân dân thế giới, khẳng định quyền tự do, độc lập, bất khả xâm phạm của các dân tộc trên thế giới, kể cả những dân tộc nhỏ, yếu, đang bị áp bức. Trước Nhân dân Việt Nam và thế giới, Tuyên ngôn Độc lập đã lên án mạnh mẽ hành động cướp nước, chế độ thống trị hà khắc của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với dân tộc Việt Nam. Chúng đã nguy hiểm cho hành động xâm lược của mình, chà đạp và cướp đi quyền con người, quyền của một dân tộc khác; tước đoạt quyền tất yếu của người dân Việt Nam. Khi phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, thực dân Pháp đã dâng nước ta cho Nhật, đặt Nhân dân

ta vào tình cảnh “một cô hai chồng”, trực tiếp dẫn đến nạn đói thảm khốc chưa từng có trong lịch sử, cướp đi tính mạng của hai triệu đồng bào ta. Hoàn cảnh đó cùng với sự lãnh đạo của Đảng làm cho Nhân dân ta hiểu được cách mạng thì sống, không cách mạng thì chết. Tận dụng thời cơ “ngàn năm có một” dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã đứng lên chớp thời cơ, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi, lập nên Nhà nước độc lập, tự do của dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đây là thành quả vĩ đại của toàn thể dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã đánh đổ các xiềng xích của thực dân, phong kiến để dựng nên nước Việt Nam độc lập và chế độ dân chủ cộng hòa.

Trong lời kết, Tuyên ngôn Độc lập đã danh thếp khẳng định: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽⁴⁾. Đó là ý chí, quyết tâm của dân tộc, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để bảo vệ quyền độc lập, tự do, quyền tồn tại của một dân tộc, quốc gia độc lập. Với ý chí quyết tâm và khát vọng theo đuổi cho nên độc lập, tự do trọn vẹn ấy của dân tộc, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã kiên trì thực hiện cuộc trường chinh 30 năm (1945 - 1975) đầy hy sinh, gian khổ và anh dũng để chiến đấu đánh bại hai đế quốc lớn Pháp và Mỹ, giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Tiếp đó lại kiên cường chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam cũng như công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Ý chí quyết tâm và khát vọng theo đuổi nên độc lập, tự do trọn vẹn cho dân tộc trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã được cụ thể hóa bằng tinh thần bất diệt: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”; “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.”

Đã 79 năm trôi qua, nhưng ý nghĩa lịch sử và giá trị thời đại của Tuyên ngôn Độc lập đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đến nay vẫn còn nguyên giá trị, những tư tưởng bất hủ của Tuyên ngôn Độc lập tiếp tục định hướng cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, trước những thách thức mới của thời đại.

Hiện nay, diễn biến của tình hình thế giới ngày càng phức tạp với chiến tranh khu vực; bạo loạn lật đổ; diễn biến hòa bình; cách mạng màu... tàn khốc và hậu quả không dự tính được. Điều đó càng khẳng định giá trị của hòa bình, độc lập và thống nhất. “Cách mạng màu”, hay còn gọi “cách mạng nhung”, “cách mạng đường phố”, là thuật ngữ chỉ các cuộc bạo loạn phi vũ trang, bạo lực chính trị có tính chất nhằm lật đổ chính quyền nhà nước đương nhiệm, đồng thời lập ra bộ máy cầm quyền mới của lực lượng đối lập được các thế lực thù địch, phản động hậu thuẫn. Các thế lực bên ngoài cấu kết với những đối tượng đối lập, “cơ hội chính trị” trong nước vạch kế hoạch thực hiện đấu tranh dưới chiêu bài tuyên truyền tạo ra chính phủ mới tốt đẹp hơn, ảo tưởng về một xã hội văn minh hơn. Phương thức của các thế lực thù địch khi tiến hành “cách mạng màu” tại một quốc gia là tác động đến các lĩnh vực của đời sống xã hội như tôn giáo, dân tộc, khiếu kiện, tranh chấp đất đai, tham nhũng... gây nên hiện tượng tiêu cực, mâu thuẫn cục bộ, hành động biểu tình, gây bạo loạn chính trị rồi dẫn đến hành động biểu tình chiếm chính quyền. Điểm chung của thủ đoạn “cách mạng màu” là nhen nhóm lên những bất mãn, mưa dầm thấm lâu, tạo những “đóm lửa” phá hoại để tổ chức kích động, bạo loạn, thế lực thù địch bên ngoài đóng vai trò “đạo diễn”, lực lượng bên trong giữ vai trò “thực thi”. Một số quốc gia đang hiện hữu “Cách mạng màu”, “Cách mạng

đường phố” nhằm lật đổ chế độ đương thời như Myanmar, Venezuela, Bangladesh, Ukraina làm cho các quốc gia này chìm sâu trong bất ổn, hậu quả khôn lường.

Đối với nước ta, sau khi đất nước được hòa bình, thống nhất, giang sơn thu về một mối, Việt Nam chủ trương muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới. Quan hệ ngoại giao của nước ta ngày càng mở rộng, đó là cơ hội rất lớn để chúng ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào môi trường quốc tế để sớm “sánh vai cùng cường quốc năm châu”. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội là những khó khăn, thách thức. Từ rất sớm, chúng ta đã nhận thức được âm mưu của các thế lực thù địch là “cái gì không giành được bằng súng ống thì sẽ giành lại bằng đôla”; các thế lực thù địch, bọn phản động sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược “Diễn biến hoà bình”, tạo ra những nguy cơ “Cách mạng màu”. Thực tế cho thấy, từ khi Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch gia tăng với những phương thức, thủ đoạn ngày càng thâm độc, quy mô lớn, tác động tiêu cực đến đời sống an ninh xã hội. Mục tiêu của chúng là xây dựng lực lượng, nhân tố và điều kiện và tạo ra thời cơ để tiến hành cách mạng màu gây bạo loạn, xúi giục nhân dân biểu tình, kích động chống đối chính quyền, tìm mọi cách lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng. Diễn hình như các cuộc tụ tập đông người phản đối Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ô nhiễm môi trường xảy ra tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình năm 2016, 2017; biểu tình phản đối Luật An ninh mạng và dự thảo Luật Đặc khu tại Bình Thuận, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018; sự việc hô hào can thiệp vũ trang khi Trung Quốc kéo giàn khoan HD 981 vào lãnh hải nước ta và những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự mang bóng dáng của “bất bạo động”. Các thế lực

thù địch vẫn triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động ly khai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Các luận điệu xảo trá mà chúng tuyên truyền là “đất Tây Nguyên là của người Thượng”, kích động người dân tộc thiểu số “đuôi người Kinh về đồng bằng” vì “người Kinh cướp đất của đồng bào trên chính quê hương của mình”... Với thủ đoạn mưa dầm thấm lâu, các luận điệu xảo trá này đã gây ra mơ hồ, ngộ nhận trong một bộ phận dân tộc thiểu số và sự “ủng hộ” trong dư luận quốc tế và trong nước để lừa bịp, lôi kéo sự nhẹ dạ, cả tin của quần chúng. Đặc biệt, vụ việc xảy ra tại xã Ea Ktur và Ea Tiêu, huyện Cư Kuin ngày 11/6/2023 vừa qua gây hậu quả nghiêm trọng về tính mạng con người, ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự tại địa phương, kéo theo nhiều hệ lụy trong xã hội, nhất là tư tưởng của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số bị lung lay, mất niềm tin vào chính quyền cơ sở.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình thường thông qua các kênh đầu tư giáo dục, các loại học bổng của các tổ chức phi chính phủ, báo chí truyền thông, dư luận xã hội trên mạng xã hội...; thông qua những đội ngũ có học vị cao, những người có ảnh hưởng lớn trong xã hội để thực hiện. Gần đây chúng ta biết đến vụ việc ở trường Đại học Fulbright, sự chống phá chủ trương của Đảng, Nhà nước trên danh nghĩa hội yêu cây, yêu rừng, rồi sự lợi dụng hình ảnh Thích Minh Tuệ để lôi kéo, tập hợp quần chúng gây phức tạp, ảnh hưởng an ninh trật tự tại nhiều địa phương; một số ca sĩ, diễn viên, nghệ sĩ có những phát ngôn thiếu chuẩn mực, xây dựng hình ảnh phản cảm trên các nền tảng mạng xã hội; hành vi ngụy sử, lật sử và tẩy trắng lịch sử...

Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc về quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội

nghị Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, có Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có những cảnh báo về “cách mạng màu”: “Sự chống phá điên cuồng và quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động. Âm mưu cơ bản, lâu dài của chúng là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh...”

Tình hình thế giới, khu vực sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và cách mạng nước ta. Trước tình hình đó, lời thề “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” lại vang vọng, thúc giục các thế hệ hôm nay phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện trọn vẹn mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới bằng những hành động thiết thực. Quán triệt và kế thừa giá trị lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập, trước yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, mỗi cán bộ, đảng viên, người dân cần nâng cao tinh thần cảnh giác, tinh táo trước các hoạt động tuyên truyền, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, các đối tượng chống phá để bảo vệ nền độc lập, hòa bình, ổn định và phát triển mà phải khó khăn lắm chúng ta mới có được. Thời gian càng làm cho những giá trị lịch sử và hiện thực của Tuyên ngôn Độc lập thêm sâu đậm, tiếp tục định hướng cho dân tộc Việt Nam kiên định phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Chú thích:

1,2,3,4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, t. 4, tr. 1, 2, 4.

5. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO “CÂY TRE VIỆT NAM” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA, GIỮ NƯỚC TỪ KHI NƯỚC CHƯA NGUY

✧ Ths. PHAN CHÍ QUYẾT

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Hình ảnh của cây tre luôn gắn bó với con người, làng quê, cũng như gắn chặt với truyền thống dân tộc, đặc biệt là bản sắc nền ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Tác phẩm “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam” là sự chặt chẽ, đúc kết từ nghiên cứu lý luận sâu sắc và hoạt động thực tiễn cách mạng phong phú của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về đối ngoại và hội nhập quốc tế; khẳng định thành tựu, ý nghĩa lịch sử và vai trò tiên phong của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước; là kế sách quan trọng, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy.

Tháng 10/2023, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có tác phẩm quan trọng về trường phái đối ngoại, ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”; vừa kiên định về nguyên tắc, vừa uyển chuyển về sách lược; mềm mại, khôn khéo, nhưng cũng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo, nhưng rất bản lĩnh, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của Nhân dân; đoàn kết, nhân ái, nhưng luôn luôn kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Tác phẩm “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”” gồm 3 phần, thể hiện tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của người đứng đầu Đảng ta về đường lối đối ngoại, ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ mới.

Phần thứ nhất: Khẳng định vai trò quan trọng và đóng góp to lớn của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: Việt Nam là một quốc gia đang phát triển mạnh mẽ, có vị trí địa chiến lược quan trọng trong những chuyển dịch hiện nay của thời đại. Trong thế giới biến động và khó lường, thách thức luôn đan xen với cơ hội, rủi ro luôn đi kèm với thời cơ. Để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển của đất nước đến năm 2025, 2030 và 2045, Tổng Bí thư yêu cầu phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”: gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển; trong đó, “tiên phong trước hết cần thể hiện trong tư duy, nhận thức; tiên phong trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; tiên phong trong kiến tạo cơ hội để thúc đẩy lợi ích quốc gia -

dân tộc; tiên phong trong kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhất là gắn kết sức mạnh cộng đồng người Việt Nam trong và ngoài nước”.

“Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân”⁽¹⁾. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đối ngoại là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước; sự gắn kết chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, giữa đối ngoại chính trị, đối ngoại kinh tế, đối ngoại văn hóa, đối ngoại quốc phòng, đối ngoại an ninh và đối ngoại trong các lĩnh vực khác”⁽²⁾. Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân gắn bó chặt chẽ và hỗ trợ cho nhau, cùng hướng tới mục tiêu chung là lợi ích quốc gia - dân tộc. Việc thực hiện đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa ba trụ cột đối ngoại tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền ngoại giao Việt Nam. Đây vừa là truyền thống quý báu, vừa thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của nghệ thuật đối ngoại, ngoại giao cách mạng Việt Nam, được Tổng Bí thư phân tích, lý giải và định hướng cụ thể bằng nhãn quan chính trị sâu sắc và tầm tư duy chiến lược. Đây là bước phát triển về tư duy đối ngoại Việt Nam, vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa có ý nghĩa lâu dài, đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần thứ hai: Đối ngoại Việt Nam vì độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tác phẩm thể hiện quan điểm, chủ trương đối ngoại trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Việt Nam đã có quan hệ hợp tác rộng mở cả song phương

và đa phương với các đối tác, trong các lĩnh vực, ở tất cả các cấp, các ngành, đưa các quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả, thực chất, gia tăng tin cậy chính trị và đan xen lợi ích; huy động và kết hợp hiệu quả các nguồn lực bên ngoài với nội lực trong nước nhằm chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chung của cộng đồng quốc tế trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Tổng Bí thư nhấn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam “luôn coi trọng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, với các đảng cộng sản, công nhân và bạn bè truyền thống”. Tổng Bí thư luôn dành sự quan tâm và tình cảm tới cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người dân nước sở tại, luôn tích cực giới thiệu hình ảnh đất nước Việt Nam hòa bình, hòa hiếu, thân thiện, mến khách, năng động và phát triển trong con mắt của bạn bè quốc tế.

Phần thứ ba: Dấu ấn đối ngoại, ngoại giao. Đây là sự tổng kết những bài học kinh nghiệm có giá trị của công tác đối ngoại, ngoại giao Việt Nam, thể hiện bước phát triển tư duy chiến lược của Đảng ta, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, góp phần định hướng mục tiêu, nhiệm vụ của công tác đối ngoại, ngoại giao trong giai đoạn mới. Tác phẩm đã đúc kết những tư tưởng cốt lõi của đối ngoại, ngoại giao Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã sớm hình thành nên nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam vừa tinh tế, linh hoạt, đa dạng, vừa gắn với truyền thống và bản sắc độc đáo, đề cao hòa bình, hòa hiếu, hữu nghị, trọng lẽ phải, đấu tranh vì chính nghĩa, kiên quyết gìn giữ nền độc lập, bảo vệ bờ cõi Tô quốc, tổng kết đậm nét công

tác đối ngoại, ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”.

Nội dung của tác phẩm “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam” là sự chặt chẽ, đúc kết từ nghiên cứu lý luận sâu sắc và hoạt động thực tiễn cách mạng phong phú của đồng chí Tổng Bí thư; góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về đối ngoại và hội nhập quốc tế; là “cẩm nang” rất cần thiết giúp các cấp ủy, tổ chức đảng, các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên nắm vững và triển khai có hiệu quả công tác đối ngoại trong thời gian tới. Tác phẩm khẳng định thành tựu, ý nghĩa lịch sử và vai trò tiên phong của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong gần 40 năm đổi mới; làm sáng tỏ sự hình thành, phát triển của trường phái đối ngoại, ngoại giao “cây tre Việt Nam”; chỉ rõ những mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng cho công tác đối ngoại trong tình hình mới.

Hình ảnh của cây tre luôn gắn bó với con người, làng quê, cũng như gắn chặt với truyền thống dân tộc, đặc biệt là bản sắc nền ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua các giai đoạn cách mạng, ngoại giao Việt Nam đã đạt được thành tựu đáng tự hào, bất chấp những thay đổi của thời cuộc. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia; thành viên Liên hợp quốc, trong đó có quan hệ đối tác hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện là Lào, Campuchia và Cuba; 6 nước “đối tác chiến lược toàn diện”; 18 nước “đối tác chiến lược” và 12 nước “đối tác toàn diện”. Trên bình diện đa phương, Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng, thành viên của Tổ

chức Thương mại thế giới (WTO)... Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân và đối ngoại của các ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp ngày càng mở rộng, chủ động, tích cực và đi vào chiều sâu. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, bao gồm 90 đảng cộng sản và công nhân quốc tế, các đảng cầm quyền và tham chính có vai trò quan trọng. Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia, thường xuyên tham gia tích cực các diễn đàn nghị viện quốc tế quan trọng. Hoạt động đối ngoại của Chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội được đẩy mạnh, góp phần tăng cường sự tin cậy chính trị và đan xen lợi ích với các đối tác. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hữu nghị của Nhân dân cũng đã triển khai đối ngoại thiết thực, góp phần củng cố quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước, quảng bá sâu rộng công cuộc đổi mới, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, “ngoại giao cây tre” góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tổng Bí thư nêu ba thông điệp rất quan trọng ứng với ngành ngoại giao đó là uyển chuyển, linh hoạt nhưng đặc biệt phải khiêm tốn. Cây tre Việt Nam sinh sôi, bám chắc ở mọi vùng đất, từ đất phù sa tới những nơi cằn cỗi, khắc nghiệt. Ngoại giao “cây tre Việt Nam” bén rễ từ nền văn hóa Việt Nam với truyền thống hòa hiếu nhưng cũng rất quật cường. “Thân tre gầy guộc”, hàm ý chỉ các nhà ngoại giao khiêm tốn, không khoa trương hình thức mà đi vào thực chất. Trước bối cảnh quốc tế có nhiều biến động phức tạp, khó lường, ngoại giao không chỉ ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, mà còn góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, phát hiện sớm vấn đề để dự báo sớm,

cảnh báo sớm những nguy cơ, thách thức và cả cơ hội. Ngoại giao phải ngày càng đa dạng, toàn diện, hiện đại; mềm mại, khôn khéo, nhưng kiên cường, quyết liệt. Sự mềm mại, khôn khéo thể hiện ở chỗ, là làm sâu sắc thêm quan hệ với các nước láng giềng, cân bằng quan hệ với các nước lớn và giữ vững quan hệ với các nước bạn bè truyền thống; chủ động tham gia các diễn đàn đa phương; phối hợp, tổ chức giao lưu hữu nghị quốc phòng, biên giới, tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, nhất là trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Trên bình diện đa phương, đối ngoại Việt Nam phát triển ngày càng sâu rộng. Đối ngoại mềm mại, khôn khéo của Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ. Song, đối ngoại luôn kiên quyết, kiên trì giải quyết các bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; chủ động, quyết liệt ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh. Việt Nam nhất quán và kiên quyết thực hiện nguyên tắc “bốn không”, đó là: Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong duy trì và giữ gìn môi trường hòa bình; đồng thời, là đóng góp tích cực của Việt Nam vào hòa bình, ổn định chung của khu vực và trên thế giới, được các nước tin tưởng, đánh giá cao. Qua đó, khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam.

Đối ngoại linh hoạt, sáng tạo, nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân; kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng

định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...”⁽³⁾. Đây là luận điểm hết sức quan trọng, định hướng cho đối ngoại. Kiên quyết, kiên trì trở thành bài học kinh nghiệm giữ nước quý báu của dân tộc ta. Đứng trước tình hình thế giới, khu vực liên tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhất là biên giới, biển, đảo vẫn đang đặt ra những thách thức mới. Đối ngoại đã góp phần quan trọng “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”⁽⁴⁾.

Những thành tựu to lớn của đối ngoại Việt Nam đã khẳng định: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là một bộ phận quan trọng của đối ngoại quốc gia, một trụ cột quan trọng của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, góp phần vào việc xây dựng lòng tin giữa Việt Nam và các nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ đất nước “từ sớm, từ xa”, “giữ nước từ khi nước chưa nguy”; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước trong mọi tình huống; thể hiện tinh thần “biết thời, biết thế, biết mình, biết người, biết tiến, biết thoái”, “tùy cơ ứng biến”, “lạt mềm buộc chặt”. Sự nhất quán trong chủ trương, mục tiêu hợp tác, đối ngoại thể hiện minh bạch trong Sách trắng Quốc phòng Việt Nam: “thiết lập và phát triển quan hệ giao lưu, hợp tác trên cơ sở bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau với lực lượng vũ trang các nước khác”⁽⁵⁾. Tiếp nối tư duy đó, Sách trắng Quốc phòng Việt Nam (năm 2019) nhấn mạnh: Việt Nam

chủ trương phát triển quan hệ hợp tác quốc phòng với tất cả các nước và sẵn sàng mở rộng quan hệ hợp tác quốc phòng trên cơ sở không phân biệt sự khác nhau về chế độ chính trị và trình độ phát triển. Tuy nhiên, “Việt Nam không chấp nhận quan hệ hợp tác quốc phòng dưới bất kỳ điều kiện áp đặt hoặc sức ép nào”⁽⁶⁾ và “Việt Nam tăng cường hợp tác quốc phòng đa phương nhằm góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia”⁽⁷⁾.

Với phương châm “biết thời, biết thế; biết mình, biết người” và mong muốn “thêm bạn, bớt thù”, Việt Nam chủ trương tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các nước, tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, sẵn sàng tham gia giải quyết những thách thức an ninh chung trên cơ sở tôn trọng, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế; luôn nhất quán: “Việt Nam xem xét tham gia các cơ chế hợp tác quốc phòng, an ninh đa phương và cơ quan pháp lý quốc tế khác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia”⁽⁸⁾.

Kiên định đường lối đối ngoại theo tư tưởng “Ngoại giao cây tre Việt Nam” góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, nắm vững nguyên tắc “ngoại giao cây tre”, công tác đối ngoại luôn đổi mới tư duy, mạnh dạn đột phá, sáng tạo, tìm ra cách làm mới, mở rộng ra các lĩnh vực mới, tìm kiếm các đối tác mới, hướng đi mới. Vì vậy, cần phải chủ động, thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, nắm chắc diễn biến tình hình khu vực, thế giới và các mối quan hệ quốc tế để kịp thời đề xuất các

giải pháp thích hợp. Vì vậy, đòi hỏi cán bộ ngoại giao “phải nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần chủ động tiến công, dám vượt ra khỏi khuôn khổ những tư duy cũ, những lĩnh vực quen thuộc để có suy nghĩ và hành động vượt tầm quốc gia, đạt tới tầm khu vực và quốc tế”⁽⁹⁾. Đổi mới cần nắm vững nguyên tắc “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, trên cơ sở “giữ vững nguyên tắc, chắc chắn, thận trọng, kiên định mục tiêu và chân thành, khiêm tốn”, mang đậm bản sắc cây tre Việt Nam “thân gầy guộc, lá mong manh” nhưng đầy bản lĩnh, kiên cường, “lạt mềm buộc chặt”.

Hai là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; tăng cường hợp tác, tiếp tục tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, ngăn ngừa xung đột, tránh đối đầu, bị cô lập, phụ thuộc vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Mục tiêu bao trùm của công tác đối ngoại hiện nay là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chính đáng phù hợp với luật pháp quốc tế. Luôn kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt, khôn khéo, xử lý đúng đắn các mối quan hệ đối ngoại.

Ba là, chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương nhằm nâng tầm công tác đối ngoại đa phương, coi đây là một định hướng chiến lược quan trọng. Phát huy các kết quả quan trọng của các diễn đàn đa phương mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là phối hợp với các đối tác thúc đẩy việc thực hiện các sáng kiến đã được thông qua của Việt Nam. Cần thể hiện vai trò nòng cốt trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN và tiếp tục tham gia tích cực trong

khuôn khổ hoạt động của Liên hợp quốc, nhất là trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Bốn là, mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là hợp tác kinh tế, văn hóa và hợp tác trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng với các nước; tiếp tục đưa các mối quan hệ với các đối tác, trước hết là các nước láng giềng và các nước lớn, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả; “ưu tiên duy trì ổn định và giữ đà quan hệ, tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, đồng thời xử lý các khác biệt và vấn đề nảy sinh trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, kiểm soát bất đồng, dựa trên luật pháp quốc tế và thông lệ khu vực”⁽¹⁰⁾.

Năm là, coi trọng, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược, tập trung đánh giá đúng xu hướng vận động trong chính sách và quan hệ giữa các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực, các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội trên thế giới và khu vực, nhất là trước tác động như của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và sự tác động của nguy cơ an ninh phi truyền thống. Nghiên cứu, dự báo các kịch bản về những biến đổi trong trật tự thế giới, khu vực và chủ động chuẩn bị các phương án để ứng phó. Nhận thức rõ những điểm mạnh, điểm yếu của mình; tỉnh táo xác định giá trị và vị trí chiến lược của đất nước trong tình hình mới để hoạch định chiến lược, chính sách phù hợp.

Gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, kế thừa những truyền thống, kinh nghiệm vô cùng quý báu từ các bậc tiền bối, thấm nhuần triết lý ngoại giao “cây tre Việt Nam”, với bản lĩnh vững vàng, tự tin và khôn khéo, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoại giao Việt Nam đã

đóng góp quan trọng với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, góp phần làm cho đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Ngoại giao “cây tre Việt Nam” là niềm vinh dự, tự hào to lớn và là nhiệm vụ, yêu cầu mà Đảng, Nhà nước, Nhân dân giao phó, tiếp tục phấn đấu, nỗ lực hơn, quyết tâm xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam tiên phong, toàn diện, hiện đại, theo tư tưởng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng./.

Chú thích:

1. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 162.

2. Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023. tr. 47- 48.

3,4. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Sđđ*, tr.184, 181.

5. Bộ Quốc phòng: *Quy chế tổ chức và quản lý các hoạt động đối ngoại quân sự (sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 60.

6,7,8. Bộ Quốc phòng: *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 28, 28, 29.

9. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Sđđ*, tr. 193.

10. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Sđđ*, tr.195.

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Trong suốt cuộc đời hoạt động và lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chăm lo xây dựng và phát triển lực lượng Công an Nhân dân. Tư tưởng của Người về Công an Nhân dân là nền tảng cho mọi hoạt động, là một trong những nhân tố quan trọng quyết định mọi thắng lợi của lực lượng Công an Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đồng thời, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Công an Nhân dân còn là chuẩn mực về đạo đức, nhân cách để mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an Nhân dân tu dưỡng, rèn luyện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Kế thừa những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nhân loại và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân và xây dựng lực lượng chuyên chính bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Nhân dân. Từ đó, Người đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo việc sáng lập, xây dựng và rèn luyện lực lượng Công an Nhân dân.

Trong những ngày Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho các ban khởi nghĩa đánh chiếm ngay hai cơ quan chuyên chính của chính quyền thực dân Pháp và tay sai là các sở, ty cảnh sát và các sở, ty Liêm phóng ở Bắc Bộ, Hà Nội và các địa phương, đồng thời cử ngay cán bộ tiếp quản và thực hiện nhiệm vụ duy trì công tác an ninh, trật tự. Ngày 19/8/1945, cuộc tổng khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội, cùng với việc thiết lập chính quyền cách mạng, ở các tỉnh Bắc Bộ đã lập Sở

Liên phóng, Trung Bộ lập Sở Trinh sát, Nam bộ lập Quốc gia tự vệ Cuộc. Tuy tên gọi ở ba miền khác nhau, nhưng các tổ chức đầu tiên của Công an Nhân dân đều có chung nhiệm vụ trấn áp phản cách mạng, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân. Ngày 12/12/2005, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Lệnh số 30/2005/L-CTN công bố Luật Công an Nhân dân, trong đó quy định: “Ngày 19 tháng 8 hằng năm là Ngày truyền thống của Công an Nhân dân và là Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”⁽¹⁾.

Không chỉ là người sáng lập lực lượng Công an Nhân dân về mặt tổ chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đặt nền móng cho phương châm công tác, nghiệp vụ toàn diện của Công an Nhân dân thông qua Sáu điều dạy Công an Nhân dân của Người:

“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

*Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.
Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.*

Đối với Nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”⁽²⁾.

Sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân tuy ngắn gọn, nhưng dễ hiểu, dễ nhớ, mang tính cách mạng và chứa đựng giá trị lý luận, nhân văn sâu sắc, trong đó chỉ rõ phương châm hành động của lực lượng công an cách mạng. Lời dạy của Người là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của lực lượng Công an Nhân dân trong mọi thời kỳ cách mạng, đặc biệt có ý nghĩa chỉ dẫn cho lực lượng Công an Nhân dân vừa mới ra đời thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Nhân dân trong điều kiện thiếu con người, chưa được đào tạo bài bản, thiếu kinh nghiệm công tác và phương tiện chiến đấu.

Sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân hàm chứa đầy đủ yêu cầu trong các mối quan hệ của người công an cách mạng: Đối với tự mình, phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện để có các đức tính “cần, kiệm, liêm, chính”; phải có tính thân ái giúp đỡ đồng chí đồng đội; phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng, sự nghiệp cách mạng của Đảng, trung thành với Chính phủ, với Tổ quốc; phải kính trọng, lễ phép với Nhân dân và vì Nhân dân phục vụ; phải tận tụy, toàn tâm, toàn ý hết lòng vì công việc, vì nước quên thân, vì dân phục vụ; phải cương quyết khôn khéo với địch. Đây là những phẩm chất không thể thiếu của mỗi cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. Sáu điều Bác Hồ dạy Công an Nhân dân là lẽ sống, chuẩn mực đạo đức, phương châm hành động, thái độ ứng xử và là mục tiêu, phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện trong suốt cuộc đời của mỗi cán bộ, chiến sĩ công

an dù bất kỳ ở cương vị, hoàn cảnh công tác nào; đồng thời nhanh chóng lan tỏa và trở thành phong trào “Công an Nhân dân học tập và làm theo 6 điều Bác Hồ dạy”. Từ đó, trong mỗi giai đoạn cách mạng đều xuất hiện những gương điển hình tiên tiến chiến đấu dũng cảm, kiên cường, xả thân vì độc lập, tự do, vì bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

Bên cạnh việc quan tâm xây dựng bản chất chính trị tốt đẹp của Công an Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm chăm lo công tác đào tạo, huấn luyện Công an Nhân dân về nguyên tắc, phương pháp đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Người nêu rõ: “Công an phải tránh được những khuyết điểm ấy và phải: Nhận rõ nhiệm vụ của công an là bảo vệ và phục vụ Nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền Nhân dân; để làm tròn nhiệm vụ, thì phải luôn luôn đoàn kết nội bộ, nâng cao cảnh giác, chớ chủ quan, khinh địch, tự mãn; phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ; phải gần gũi Nhân dân, dựa vào lực lượng của Nhân dân, xa rời Nhân dân thì tài tình mấy cũng không làm gì được”⁽³⁾.

Để lực lượng Công an Nhân dân thực sự là công cụ chuyên chính của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, chăm lo đến xây dựng bản chất chính trị tốt đẹp của Công an Nhân dân, đó là bản chất cách mạng, có tính Đảng, tính Nhân dân sâu sắc. Người khẳng định: “Công an là một bộ máy để thực hiện chuyên chính dân chủ Nhân dân, bảo vệ nền chuyên chính của Nhân dân đối với các thế lực phản động khác”⁽⁴⁾. Bản chất cách mạng của Công an Nhân dân thể hiện ở chỗ: “Công an phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng từ trên xuống”, “Công tác công an phải gắn chặt với đường lối chính trị của Đảng. Nếu thoát ly đường lối chính trị của Đảng, thì dù khéo mấy cũng không kết quả”⁽⁵⁾. Trong

lần đến thăm và huấn thị tại Trường Công an Trung ương tháng 01/1957, Người tiếp tục khẳng định: “Là một bộ phận của cả bộ máy Nhà nước Nhân dân chủ chuyên chính tiến lên chủ nghĩa xã hội, công an phải bảo vệ dân chủ của Nhân dân và thực hiện chuyên chính với những kẻ chống lại dân chủ của Nhân dân”⁽⁶⁾. Trải qua các giai đoạn cách mạng, bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của lực lượng Công an Nhân dân ngày càng được duy trì và phát triển. Công an Nhân dân thực sự trở thành đội quân tiên phong, nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Nhân dân.

Với tư tưởng “dân là gốc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến cội nguồn, nhân tố của mọi thắng lợi của Công an Nhân dân, đó là: xây dựng tính Nhân dân của Công an Nhân dân. Trong thư gửi đồng chí Giám đốc Sở Công an Khu XII ngày 11/3/1948, Người chỉ rõ “Công an của ta là công an Nhân dân, vì dân mà phục vụ và dựa vào Nhân dân mà làm việc”⁽⁷⁾. Theo Người, Công an Nhân dân muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ khi biết dựa vào dân, gần dân, kính trọng dân và cần phải nhận thức rõ vai trò lịch sử to lớn của Nhân dân đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công an Nhân dân là con em của Nhân dân, từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân phục vụ. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Công an Nhân dân Việt Nam mang bản chất cách mạng, gắn bó máu thịt với Nhân dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự Đảng và phụng sự Nhân dân; đồng thời đề ra nguyên tắc, phương châm hoạt động, giúp lực lượng Công an Nhân dân từng bước phát triển, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc. Trong quá trình chăm lo, rèn luyện, giáo dục Công an Nhân dân, Người luôn

quan tâm đến xây dựng tư cách đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ Công an Nhân dân và nhiều lần khẳng định Đảng, Chính phủ rất chú ý đến công tác của công an và đến việc giáo dục cán bộ công an.

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, lực lượng Công an Nhân dân phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, các cấp, các ngành, làm tốt vai trò nòng cốt, xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh, trật tự, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định cuộc sống của Nhân dân. Trong thời kỳ đổi mới, lực lượng Công an Nhân dân đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cho Đảng và Nhà nước những chủ trương có ý nghĩa chiến lược về bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định. Hiện nay, đất nước đang trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh những yếu tố thuận lợi cũng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức: âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây dựng, tập hợp lực lượng, bạo loạn lật đổ chế độ của các thế lực thù địch, phản động ngày càng nguy hiểm; tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp... Bối cảnh đó, việc quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về Công an Nhân dân là một yêu cầu tất yếu của lực lượng Công an Nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Lực lượng Công an Nhân dân cần khẳng định bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành và là công cụ bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Để thực hiện điều đó, trong thời gian tới, lực lượng Công an

các cấp cần phải thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với lực lượng Công an. Lực lượng Công an Nhân dân cần tiếp tục quán triệt đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an Nhân dân. Tập trung xây dựng lực lượng Công an Nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, trong đó tập trung công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống, đề cao trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật cho cán bộ, chiến sỹ.

Thứ hai, đẩy mạnh phong trào “Công an Nhân dân học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, của Bộ Chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII của Đảng; đẩy mạnh phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sỹ. Bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao, năng lực toàn diện. Xác định công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng Công an Nhân dân trong sạch, vững mạnh, với mục đích đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Đặc biệt cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp thường xuyên chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống cách mạng, xây dựng bản lĩnh chính trị, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với

Nhà nước, với Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy lực lượng Công an chính quy, hiện đại theo hướng “Bộ tinh gọn, tinh vững mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”, tăng cường cho lực lượng trực tiếp chiến đấu, hướng về cơ sở, tiếp tục chính quy hóa lực lượng công an xã, thị trấn, vì dân mà phục vụ và dựa vào Nhân dân để làm việc.

Thứ năm, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp của Đảng, Nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng thể trận an ninh Nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân, phát huy vai trò Nhân dân cùng tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới./.

Chú thích:

1. Điều 6, Chương I, Luật Công an Nhân dân 2018.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.498-499.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.259-260.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1 1, tr.598.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.140.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1 1, tr.247.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.498.

PHÁT HUY VAI TRÒ CẤP ỦY CƠ SỞ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. TRẦN THỊ QUỲNH NGA

Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Cấp ủy cơ sở có vai trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Do đó, bên cạnh việc lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy cơ sở cần tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng và đường lối cách mạng, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

1. Vai trò của cấp ủy cơ sở trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Với tư cách là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ đại hội, cấp ủy cơ sở có nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, trong đó có công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng và đường lối cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Trong thời gian vừa qua, các thế lực thù địch trong và ngoài nước tăng cường các hoạt động móc nối, liên kết để tiếp tục hình thành thêm các hội, nhóm, tổ chức phản động kích động, chống phá, lôi kéo người dân phủ nhận đường lối, chủ trương của Đảng, phản đối chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các thế lực thù địch đã chia sẻ, lan truyền những thông tin có tính chất phản động, chống đối, nhất là các vấn đề có tính nhạy cảm trên mạng xã hội, làm cho người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ dễ có cái nhìn lệch lạc về lịch sử, xã hội và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ đó bị lung lạc niềm tin và có những hành động đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc. Trước sự diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế các thế lực thù

địch ngày càng hoạt động tinh vi, nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta.

Để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, cấp ủy đảng cơ sở đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị. Bên cạnh việc quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cấp ủy cơ sở đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, đơn vị để đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch; thường xuyên tổ chức sinh hoạt chi bộ với các tình huống thực tế để giúp cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc Nghị quyết 35. Qua đó cán bộ, đảng viên được trang bị kiến thức để đấu tranh với các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo tinh thần Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, mỗi cán bộ, đảng viên luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là “kim chỉ nam” cho mọi hành động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, đấu tranh chống lại các quan điểm tư tưởng sai trái và phản động, các biểu hiện mơ hồ, ảo tưởng, hoài nghi, dao động, lơ là mất cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ. Cùng với đó, cấp ủy cơ sở đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc của Đảng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát góp phần ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần quan trọng giúp tổ chức Đảng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng việc nắm bắt và định hướng dư luận xã hội là vô cùng quan trọng. Vì vậy, các

cấp ủy cơ sở đã thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát dư luận để nắm tâm bất tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đồng thời, chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời trên các phương tiện truyền thông để định hướng dư luận, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” và đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trở thành công việc thường xuyên, hàng ngày của mỗi tổ chức, cá nhân, đơn vị với nhiều nội dung phong phú, thiết thực, gắn với chức trách, nhiệm vụ của từng cán bộ, đảng viên đã giúp cho cán bộ, đảng viên có những chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, tự giác rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực công tác, đẩy lùi tự diễn biến, tự chuyển hóa, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Ngoài ra, việc cấp ủy cơ sở đã chủ động đổi mới phong cách làm việc, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm, xây dựng và triển khai các tiêu chí đánh giá, kiểm tra việc thực hiện quy định này. Nhờ đó, ý thức trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên đã được nâng cao rõ rệt, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh, tạo được sự đồng thuận và tin tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần

quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện được các nội dung trên các cấp ủy cơ sở còn gặp những khó khăn, thách thức. Trước hết, do nhận thức của số ít cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, thiếu cố gắng vươn lên, động cơ phấn đấu chưa rõ ràng; do sức ỳ, nếp nghĩ ăn sâu, bám rễ vào con người; vai trò nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên có lúc, có việc chưa cao; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có người đứng đầu chưa thật sự tiên phong, gương mẫu...

2. Một số giải pháp phát huy vai trò của cấp ủy cơ sở trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thời gian tới

Để tiếp tục triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cơ sở cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cấp ủy cơ sở cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị to lớn của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền tảng tư tưởng của Đảng; lựa chọn Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn của lịch sử, là sự bắt nhịp xu hướng thời đại và đã được kiểm định bởi lịch sử dân tộc ta. Nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân giúp họ nhận thức sâu sắc, toàn diện về nền

tảng tư tưởng của Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng, về chế độ xã hội chủ nghĩa, về con đường tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cấp ủy cơ sở cần tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Kết luận số 01 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05 CT/TW; các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên và quy định về những điều đảng viên không được làm và Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị trong tình hình mới bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể, sát với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của từng cấp, ngành, địa phương, đơn vị. Cùng với việc khẳng định giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam thực sự là nền tảng tư tưởng của Đảng, nền tảng tinh thần vững chắc trong đời sống xã hội, cấp ủy cơ sở cần thường xuyên tuyên truyền vạch trần mọi âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, đẩy mạnh xây dựng “thế trận lòng dân”, trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xây dựng “thế trận lòng dân” trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là làm cho các tầng lớp nhân dân luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Qua đó, quy tụ, tập hợp, khơi dậy, phát huy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí vươn lên của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, cấp ủy cơ sở thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, gắn

với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội; đẩy mạnh thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Qua đó, tạo sự đồng thuận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường niềm tin của Nhân dân với Đảng, với Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Cấp ủy cơ sở cần thường xuyên phổ biến, quán triệt và chỉ đạo cán bộ, đảng viên nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; tăng cường công tác quản lý đảng viên về lịch sử chính trị, chính trị hiện nay, về phẩm chất đạo đức, lối sống, về thực hiện nhiệm vụ được giao, mối quan hệ của đảng viên nơi công tác và nơi cư trú; đề cao vai trò thực hành nêu gương của cán bộ, đảng viên trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; thực hiện tốt việc kiểm điểm đảng viên để đánh giá chính xác gắn với công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật; thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hồ sơ, lý lịch,

kịp thời cập nhật, bổ sung hồ sơ đảng viên hàng năm theo quy định; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội để quản lý tốt đảng viên.

Thứ tư, chú trọng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông qua tổ chức đảng, tổ chức quần chúng và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên là những người tiên phong đưa Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị vào cuộc sống; là những người trực tiếp tiên hành công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục quần chúng, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình, phê phán những suy nghĩ, quan điểm, tư tưởng sai trái, lệch lạc, chấn chỉnh những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cùng những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Chỉ đạo cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW vào hoạt động quản lý nhà nước, vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua sinh hoạt chi bộ, hoạt động chuyên đề của cấp ủy cơ sở phải tập trung tuyên truyền âm mưu, phương thức, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, các dấu hiệu “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” của các thế lực thù địch nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên dù công tác ở cương vị nào cũng nêu cao trách nhiệm và nâng cao cảnh giác, bảo đảm “giữ vững bên trong là chính”. Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng giảm tính “hàn lâm” mà tăng tính “bình dân”, gần gũi để dễ tiếp cận với đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm tăng tính tương tác. Khi xuất hiện các vụ việc, sự kiện “nóng”, “nhạy cảm” cần tích cực, khẩn trương, chỉ đạo thống nhất, đồng loạt công tác đấu tranh phản bác trên mạng xã hội và các công cụ truyền thông. Kịp thời phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng những cán

bộ giới, có năng lực và thông qua các tổ chức của chính quyền như bộ phận truyền thông hoặc các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên để viết bài đấu tranh, phản bác có hiệu quả trên mạng xã hội. Thông qua tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên cung cấp thông tin có định hướng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân qua kênh báo cáo viên, tuyên truyền miệng, báo chí, truyền thông, sinh hoạt chi bộ định kỳ hằng tháng. Tập huấn định kỳ hoặc đột xuất cho cán bộ tuyên giáo, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, nhất là các đồng chí trực tiếp tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ năm, thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các tổ chức cơ sở đảng và của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết là một khâu rất quan trọng trong quy trình lãnh đạo của Đảng, nhằm bảo đảm nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp ủy đảng về đấu tranh tư tưởng được thực thi trên thực tế. Sơ kết, tổng kết để nhìn ra ưu điểm và hạn chế, nguyên nhân và cách khắc phục. Đồng thời thông qua sơ kết, tổng kết còn giúp cấp ủy phát hiện điển hình tiên tiến, những mô hình hay, cách làm tốt kịp thời động viên, nhân rộng, làm lan tỏa những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trên mặt trận đấu tranh tư tưởng. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng phải được duy trì thành nề nếp, thường xuyên, có hiệu quả thiết thực, định kỳ hằng năm, nửa năm hoặc qua các đợt đấu tranh cao điểm, qua từng nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng cụ thể. Từ những mô hình hay, những điển hình tốt, những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế là cơ sở để cấp ủy cơ sở xây dựng nghị quyết, chỉ thị về lãnh đạo đấu tranh tư tưởng thu được thắng lợi lớn hơn.

Trong những năm qua, các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách thức, với những âm mưu, thủ đoạn hết sức tinh vi chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng dẫn tới sụp đổ chế độ. Vì vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch vừa là nhiệm vụ cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên, phát huy vai trò của cấp ủy cơ sở là hết sức quan trọng và cần thiết. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao hơn nữa vai trò của cấp ủy cơ sở đấu tranh nhằm bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương, Quy định 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”.
2. Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.
3. Ban Chấp hành Trung ương, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm.
4. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.
5. Bộ Chính trị Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

MỘT SỐ KỸ NĂNG TRONG VIẾT BÀI CHÍNH LUẬN LUẬN ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH NHẪM BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



Ths. THÁI THỊ HIỀN

Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải huy động sức mạnh tổng hợp của tất cả các lực lượng trong xã hội, nhưng trước hết, mỗi cá nhân phải tự xác định đúng vai trò, trách nhiệm, thái độ, động cơ của bản thân đối với nhiệm vụ này, từ đó bằng nhiều phương thức và trên các mặt trận khác nhau phát huy tối đa trí tuệ, tiềm năng, thế mạnh, lòng nhiệt huyết của mình, tạo “bức tường thành” vững chắc để ngăn chặn những quan điểm sai trái, thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng.

1. Sự cần thiết phải viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”⁽¹⁾. Sự khẳng định này không chỉ đảm bảo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, mà còn thể hiện rõ ý chí kiên quyết đấu tranh với những luận điệu sai trái, thù địch đi ngược lại tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên trì, kiên định nền tảng tư tưởng và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, khi Đảng ta đang lãnh đạo Nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới, trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lợi dụng những khó khăn đang đặt ra do tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường và những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; tình trạng ô nhiễm môi trường và các vụ việc phức tạp liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền..., các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để ra sức chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta với nhiều âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp và hết sức xảo quyệt.

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải phát huy vai trò của các lực lượng và sử dụng tổng hợp các biện pháp để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn các quan điểm đó tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm củng cố niềm tin, nâng cao nhận thức, bồi đắp lý tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, từ đó ra sức bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Muốn vậy, cần phải làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong mọi thời đại; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào đời sống nhân dân, thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc trong đời sống nhân dân. Chủ thể thực hiện nhiệm vụ này là toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó cơ quan báo chí các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân lao động.

Xuất phát từ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cũng như thực tiễn âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân phải phát huy vai trò, trách nhiệm của mình để không ngừng sáng tạo, tìm ra các phương thức, trên các mặt trận khác nhau, sẵn sàng đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Vì vậy, việc nghiên cứu viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đăng trên các báo, tạp chí, các trang thông tin điện tử, các diễn đàn mạng xã hội hay tham gia các cuộc thi là một trong những giải pháp có giá trị thực tiễn hết sức thiết thực, hiệu quả; là mặt trận thu hút đông đảo lực lượng tham gia và theo dõi; là phương thức đấu tranh tạo hiệu ứng và sức lan tỏa rất lớn, từ đó góp phần điều chỉnh nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi tích cực của mọi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

2. Một số kỹ năng trong viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực

tiễn phục vụ cho công tác xây dựng chính đôn Đảng nói chung và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói riêng là hết sức quan trọng. Vì vậy, thông qua từng vị trí công tác khác nhau, mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia viết bài về chủ đề bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, qua đó góp tiếng nói của mình, tạo sức lan tỏa trong xã hội về thái độ, trách nhiệm cá nhân trước nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả đó, khi viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần quan tâm đến một số kỹ năng sau:

Thứ nhất, xác định vai trò, trách nhiệm, thái độ, động cơ của cá nhân đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó đưa ra phương thức đấu tranh, phản bác chống lại sự xuyên tạc, phá hoại của các thế lực thù địch.

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải sử dụng tổng thể các lực lượng, các biện pháp, các hình thức chống lại sự xuyên tạc, phá hoại và cả những nhận thức sai trái của các lực lượng bên ngoài và bên trong nhằm giữ gìn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò chủ đạo của nền tảng tư tưởng này trong đời sống tinh thần của xã hội. Vì vậy, trên từng vị trí công tác, với chức năng, nhiệm vụ được giao mỗi người phải ý thức được vai trò, trách nhiệm, thái độ, động cơ của bản thân trong việc viết bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Phải xác định nhiệm vụ này như là nhu cầu tự thân của mỗi cán bộ, đảng viên, của một công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, để hướng đến mục đích cao cả là bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc, cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân.

Khi xác định được trách nhiệm, thái độ, động cơ của bản thân, thì người viết bài sẽ có những cách nhìn sáng tạo, có tinh thần tìm tòi, phát hiện những kẽ hở, những điểm yếu mà các thế lực thù địch đang lợi dụng để

chống phá. Từ đó, mới xuất hiện cảm xúc, hình thành và phát triển tư duy để viết ra tác phẩm đấu tranh, phản bác bằng cả tâm huyết, sự say mê như bốn phận tự nhiên của mình trong việc bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng của Nhân dân; viết bằng sự biết ơn chân thành đối với Đảng và các thế hệ đi trước đã hy sinh xương máu để Tổ quốc ta có được cơ đồ, tiềm lực như ngày hôm nay; viết bằng sự căm phẫn đối với các thế lực thù địch và bọn phản cách mạng đang chống phá Đảng, Nhà nước và lợi ích của Nhân dân ta. Chính những cảm xúc đó sẽ nuôi dưỡng trí tuệ, năng lực và tư duy của tác giả để viết ra tác phẩm đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đầy tính chiến đấu và thuyết phục.

Thứ hai, hình thành ý tưởng, lựa chọn chủ đề viết bài chuyên luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là vấn đề lớn của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị; là vấn đề đã được nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ, đảng viên và người lao động quan tâm nghiên cứu và viết bài. Đặc biệt, sau bốn lần Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Đài truyền hình Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam phát động cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhiệm vụ này đã được triển khai sâu rộng ở các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc nhận được sự quan tâm nghiên cứu viết bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của tất cả các lực lượng trong xã hội đã minh chứng rằng đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần kíp; nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít khó khăn cho các tác giả khi hình thành ý tưởng, lựa chọn chủ đề viết bài. Vì vậy, để viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch yêu cầu tác giả phải hình thành được ý tưởng, lựa chọn được chủ đề vừa đảm bảo tính mới, tính

khoa học, tính chiến đấu và thuyết phục; vừa có thể truyền cảm hứng, lan tỏa cảm xúc cho mọi người trong công cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhưng lại không nhằm chán, cũ kỹ, cũng không quá cao siêu; phải là những vấn đề gần gũi, những vấn đề “nóng” đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ, để khi đọc lên mọi người đều nhận thức được bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ của mỗi người và của chính mình, nhiệm vụ đó cũng không ở đâu cao xa, mà hiện hữu ngay trước mắt và bằng những cách thức, biện pháp khác nhau, bất kỳ ai cũng có thể thực hiện được.

Thứ ba, khả năng nhận diện âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, để phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng và dân tộc ta, các thế lực thù địch đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn hết sức tinh vi và xảo quyệt, chúng lợi dụng triệt để mọi kẽ hở, mọi sai lầm, yếu kém của ta trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách; lợi dụng sự suy thoái về tư tưởng chính trị, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; sự thiếu hiểu biết của một bộ phận nhân dân; lợi dụng cả những thành tựu phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... để đưa ra những quan điểm sai trái, xuyên tạc, thêu dệt, bóp méo sự thật, đổi trắng thay đen, từ đó kích động, lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc, cô xúy cho những tư tưởng, hành vi tiêu cực, làm mất lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, với chế độ nhằm tìm mọi cách phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, để có thể phê phán, phản bác các quan điểm thiếu khách quan, lệch lạc về nhận thức cũng như bản chất sai lầm, phản khoa học trong các quan điểm sai trái, thù địch; vạch trần bản chất phản động, thù địch trong các luận điệu của các thế lực chống đối, những phần tử cơ hội chính trị, đòi hỏi bản thân người viết bài phải sáng suốt, nhạy bén, kịp thời nhận diện được hiện nay

các thế lực thù địch đang xuyên tạc, bịa đặt những quan điểm, chủ trương, chính sách gì? nội dung xuyên tạc, bịa đặt ra sao? Dựa trên những cơ sở, luận điểm, kê hở gì và điểm yếu nào của chúng ta? Muốn làm được điều đó, yêu cầu căn bản nhất đối với mỗi tác giả khi viết bài cần phải nghiên cứu và nắm một cách sâu sắc, toàn diện những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, để thấy được giá trị cốt lõi, sức sống trường tồn, cũng như những vấn đề cần bổ sung, phát triển do thực tiễn đặt ra đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay; nghiên cứu và nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; am hiểu thực tiễn sinh động, phong phú, đa dạng đang diễn ra ở địa phương cơ sở... Có như vậy, khi viết bài, trước các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch, tác giả mới có thể đưa ra những lý lẽ chặt chẽ, lập luận logic, dẫn chứng sát thực để phân tích tìm ra bản chất trong từng vấn đề mà các thế lực thù địch xuyên tạc, thêu dệt, từ đó đấu tranh, phản bác, đập tan âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Đồng thời lên án, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, những tư tưởng tiêu cực, nhận thức chưa phù hợp của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong quá trình thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Thứ tư, phát huy khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu và các thông tin thực tiễn đang diễn ra tại địa phương, cơ sở.

Để viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đòi hỏi mỗi tác giả phải nghiên cứu, phân tích, tổng hợp rất nhiều tài liệu liên quan đến các nội dung về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; những vấn đề liên quan đến quá trình thực hiện đường lối đổi mới; về xây dựng nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta... Từ đó có khả năng xây dựng được hệ thống lý luận thực sự sắc bén, đủ khả năng vạch rõ âm mưu, thủ đoạn, tính chất sai trái, phản khoa học, phi lịch sử, tính chất nguy hại... của các quan điểm sai trái, thù địch. Bên cạnh đó, cần phải nắm vững thông tin thực tiễn, cả về ưu điểm và hạn chế, thuận lợi và khó khăn, thách thức; cả những mặt tích cực và tiêu cực trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ ở địa phương cơ sở.

Thực hiện tốt kỹ năng này sẽ giúp tác giả hình thành bộ dữ liệu tổng hợp để từ đó hình thành ý tưởng, lựa chọn chủ đề, triển khai nội dung bài viết một cách khoa học, đưa ra luận cứ chặt chẽ, có căn cứ, có cơ sở cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đặc biệt trước mỗi luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, chống phá của các thế lực thù địch, tác giả không chỉ dùng những kiến thức lý luận để phản bác, mà còn minh chứng sinh động thông qua thực tiễn, lấy những điểm sáng, kết quả, thành tựu đạt được, những thành tích nổi bật để chứng minh cho tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, từ đó góp phần tuyên truyền, lan tỏa, phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch đầy tính thuyết phục và hiệu quả.

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải tuyên bá, lan tỏa được tinh thần, trách nhiệm ấy đến với mọi lực lượng trong xã hội. Vì vậy, viết bài chính luận đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đăng trên các báo, tạp chí khoa học uy tín ở Trung ương và địa phương, đăng trên các trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên các diễn đàn mạng xã hội đang là giải pháp góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay./.

Chú thích:

1. Điều lệ ĐCS VN được thông qua tại Đại Hội Đại biểu toàn quốc khóa XI.

NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ



Ths. PHAN THỊ ÁI VÂN

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược, lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Nội dung chính sách dân tộc được thực hiện theo nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển, hướng đến mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Tuy nhiên, hiện nay các thế lực thù địch, phản động luôn tìm cách thông tin sai lệch bản chất chính sách dân tộc nhằm ra sự gây hoài nghi, dao động, giảm sút niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước; kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về chính sách dân tộc là nhiệm vụ cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Quan điểm, chính sách dân tộc nói chung, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng của Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm này. Trong thời kỳ đổi mới, bên cạnh những thành tựu quan trọng, việc thực hiện chính sách dân tộc vẫn còn một số hạn chế nhất định. Lợi dụng điều này, các thế lực thù địch đã xuyên tạc đưa ra nhiều luận điệu sai trái nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Về kinh tế, lợi dụng sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa dân tộc Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số và những bất cập trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa

phương, các thế lực thù địch đã xuyên tạc rằng, Đảng, Nhà nước đối xử không công bằng, chỉ chăm lo cho người Kinh mà không chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số, khiến cho cuộc sống của đồng bào khó khăn, nghèo đói; nguồn lực của Nhà nước đem đầu tư ở vùng đô thị, đồng bằng nơi người Kinh sinh sống chứ vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất ít các dự án, công trình phát triển kinh tế. Chúng còn xuyên tạc rằng, Đảng, Nhà nước ta đã tạo điều kiện cho người Kinh cướp đất của đồng bào dân tộc thiểu số, do vậy, đồng bào mới thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất và mới đói nghèo; lợi dụng một số khó khăn trong đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, để đổ lỗi cho Đảng, cho Nhà nước và chế độ; vu cáo chính quyền Việt Nam kiểm soát chặt chẽ, cưỡng chế đất, không chế kinh tế khiến đồng bào dân tộc thiểu

số bị rơi vào tình trạng nghèo khó. Thậm chí, chúng còn rêu rao rằng chính quyền các tỉnh Tây Nguyên cố tình không cho con em đồng bào được đến trường; không cho con em đồng bào dân tộc thiểu số học cùng lớp với con em người Kinh; vu cáo Nhà nước hạn chế việc bảo tồn, truyền bá văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào các dân tộc thiểu số; vu khống chính quyền không cấp hộ khẩu cho bà con đồng bào để kích động sự hoài nghi, chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc.

Về chính trị, các thế lực thù địch, phản động liên tục rêu rao rằng, đồng bào dân tộc thiểu số không được tham gia bình đẳng vào đời sống chính trị của đất nước như người Kinh, đồng bào dân tộc thiểu số không có quyền hành gì đối với đất nước.

Về văn hóa, trước một số hạn chế trong việc bảo tồn, lưu giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc hoặc qua một số trường hợp cụ thể khi thực hiện các chính sách mà chưa chú ý đến đặc thù văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số (như chính sách di dân tái định cư khi xây dựng nhà máy thủy điện), các thế lực thù địch, phản động vu khống Đảng, Nhà nước Việt Nam không tôn trọng bản sắc, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, cố tình “đồng hóa về văn hóa” ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo văn hóa người Kinh để “Kinh hóa đồng bào dân tộc thiểu số”; “các dân tộc thiểu số đang bị đồng hóa, phân biệt đối xử vì khác biệt văn hóa”,...

Về xã hội, trước những khó khăn về y tế, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chúng rêu rao rằng, chính quyền của người Kinh ngược đãi đồng bào dân tộc thiểu số, không chú ý đến việc chăm sóc sức khỏe, nâng cao dân trí ở vùng dân tộc thiểu số để “dễ bề cai trị”.

Từ những luận điệu trên, các thế lực

thù địch kích động mâu thuẫn dân tộc, đẩy mạnh mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc chống đối lại chính quyền, tiến hành gây rối, biểu tình trái pháp luật, vượt biên trái phép, di cư tự do, gây ra bạo loạn và các bất ổn chính trị. Chúng tạo ra các điểm nóng, kích động đồng bào các dân tộc thiểu số biểu tình gây ra các sự kiện năm 2001, 2004 trên địa bàn Tây Nguyên, sự kiện Mường Nhé (Điện Biên) năm 2011... Đầu tháng 7 năm 2019, một số mục sư trong nước kết hợp một số mục sư nước ngoài đã đến Thủ đô Washington (Hoa Kỳ) tổ chức hoạt động rầm rộ gọi là “Vận động nhân quyền cho người dân tộc thiểu số Việt Nam”. Các đối tượng này đã vu cáo, xuyên tạc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cũng như tình hình thực tế đời sống đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam. Mục đích của các đối tượng nhằm kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ và các tổ chức quốc tế giúp đỡ để gây sức ép với Việt Nam, vu cáo, lu loa đòi chấm dứt tình trạng “đàn áp các sắc dân thiểu số”. Các đối tượng này vu cáo: Đồng bào thiểu số bị đàn áp một cách tàn bạo, người dân tiếp tục bị tước đoạt quyền làm người. Chúng xuyên tạc rằng, tình trạng này trở nên tồi tệ hơn nhiều kể từ đầu 2019 đến nay⁽¹⁾.

Những luận điệu của các thế lực thù địch về chính sách dân tộc là chủ quan, duy ý chí, hoàn toàn không có căn cứ cả về lý luận và thực tiễn. Thực tế cho thấy, từ khi thành lập cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm dành sự quan tâm đặc biệt đối với các dân tộc thiểu số. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc

đảm bảo tinh gọn. Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, công khai, minh bạch, công bằng, đúng pháp luật trong công tác giải phóng mặt bằng; phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các bộ phận trong quá trình thực hiện ở các dự án, giải quyết các vụ việc vướng mắc, tồn đọng. Quy trình bồi thường, giải phóng mặt bằng phải gắn liền với công bố, quản lý quy hoạch, quy trình thu hồi đất và thực hiện các thủ tục đầu tư. Nghiên cứu cho phép các tổ chức tư vấn, định giá, thẩm định giá độc lập hoạt động hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời.

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách về đất đai, bồi thường, hỗ trợ phù hợp với thực tiễn trên địa bàn Khu kinh tế; huy động các nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, Tỉnh để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm. Quan tâm đến công tác quy hoạch, lập dự án tái định cư và triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng các khu tái định cư trước một bước theo hướng hiện đại, đảm bảo đất ở và nhà ở tái định cư trước khi Nhà nước quyết định thu hồi đất để người dân an tâm, đồng thuận trong công tác giải phóng mặt bằng.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, các địa phương, các ngành trong thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, kiểm chế các vi phạm đến đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng, giảm thiểu các phát sinh phức tạp, làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án đầu tư và môi trường thu hút đầu tư. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm phát hiện, bổ sung kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Thứ năm: Tiếp tục bổ sung, xây dựng, hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng

đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế trong tình hình mới. Tiếp tục phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để sớm xây dựng hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh Hà Tĩnh; xúc tiến triển khai dự án đường sắt tuyến Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt - Lào. Mở rộng, nâng cấp các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn như: Quốc lộ 12C, Quốc lộ 8 để tăng năng lực thông hành của tuyến đường, kết nối thuận lợi với nước bạn Lào và vùng đông bắc Thái Lan với Khu kinh tế Vũng Áng. Xây dựng hoàn thành dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa, Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng, Dự án Đường trục chính nối quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh, Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn từ Thiên Cầm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8A từ Thị xã Hồng Lĩnh đến Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

Khai thác có hiệu quả khu bến cảng Vũng Áng, khu bến cảng Sơn Dương, hoàn thành xây dựng các bến số 4, số 5, số 6 thuộc khu bến cảng Vũng Áng. Nạo vét thông luồng các cửa biển, bảo đảm thuận lợi cho phương tiện vận tải đường thủy cũng như các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của nhân dân và bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển. Hoàn thành quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng lưới kết cấu hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với kết cấu hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển. Bảo đảm sự kết nối liên hoàn giữa cảng biển với mạng lưới giao thông quốc gia và hệ thống các cảng cạn, trung tâm phân phối hàng hóa, đầu mối logistics ở khu vực.

Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương nhằm tăng nguồn vốn ODA đầu tư cho các công trình trọng điểm; đẩy mạnh vận động các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp vốn ODA để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo đột phá lớn. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng các hình thức đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn theo hình thức xã hội hóa trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích của các chủ thể.

Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để hoàn chỉnh dịch vụ công ích đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch hạ tầng chung của tỉnh, đóng góp xứng đáng vào tổ chức không gian cũng như hoạt động của địa phương có khu kinh tế Vũng Áng (đô thị thị xã Kỳ Anh và vùng huyện Kỳ Anh trong dự kiến mở rộng khu kinh tế), góp phần để thị xã Kỳ Anh đáp ứng các yêu cầu trở thành thành phố trực thuộc tỉnh. Đầu tư xây dựng, phát triển các khu đô thị mới, đô thị thông minh, có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao; đồng thời quy hoạch và xây dựng các khu nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu về nơi ở cho lao động có thu nhập thấp; về lâu dài có thể hình thành Trung tâm tài chính – ngân hàng của khu vực miền nam của tỉnh.

Thứ sáu: Bổ sung, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư Khu kinh tế Vũng Áng theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công

tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Ban Bí thư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế. Phát huy mọi nguồn lực và lợi thế, chú trọng đối ngoại đa phương, đẩy mạnh hội nhập, giao lưu kinh tế - thương mại quốc tế, khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Nghiên cứu các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút nguồn vốn FDI. Bên cạnh các ưu đãi về thuế đang được áp dụng theo quy định khung, ở các địa phương và trong bối cảnh Việt Nam có thể sẽ áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu (15%) kể từ năm 2024, Hà Tĩnh cần nghiên cứu bổ sung các chính sách phi thuế hấp dẫn để có thể tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư; cần chú trọng hỗ trợ sau đầu tư giúp xây dựng mối quan hệ vững chắc tạo cơ hội tái đầu tư đối với nhà đầu tư cũ và thu hút nhà đầu tư mới; cần tập trung vào việc cải thiện môi trường đầu tư để giúp tăng cường năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, giảm thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ công; chủ động xúc tiến đầu tư có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia có trình độ công nghệ tiên tiến; tăng cường cơ chế đối thoại, đổi mới, mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư; xử lý dứt điểm, kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đang thực hiện; tập trung rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính, các giấy phép, các quy định không cần thiết nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí không thức cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Chủ động, tích cực triển khai chiến lược thu hút FDI phù hợp với lợi thế của địa phương. Tổ chức hiệu quả các chương

trình xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Trong thu hút đầu tư, cần lựa chọn các dự án phát triển toàn diện, bền vững, bao trùm, không quá phụ thuộc để tránh những khó khăn trước các biến động có thể xảy ra trong tương lai. Cần tập trung vào việc phát triển các lĩnh vực kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển dựa vào khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo. Khai thác tiềm năng và thế mạnh của địa phương để thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch và dịch vụ, nhất là du lịch biển, du lịch sinh thái, kết nối Khu kinh tế Vũng Áng với các điểm du lịch trong khu vực.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp lớn, trọng điểm, tạo mọi điều kiện để hai Nhà máy Pin của Tập đoàn VinGroup đi vào sản xuất và hoạt động theo kế hoạch. Tích cực thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và ngành công nghiệp sau thép, khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu; tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển dịch vụ logistics. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài của các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương các cấp, không để phát sinh khiếu kiện, tranh chấp; đảm bảo hiệu quả về kinh tế - xã hội, môi trường, phù hợp với quy hoạch, chặt chẽ về quy trình, thủ tục.

Thứ bảy: Phát huy thế mạnh, vị trí địa kinh tế, tập trung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành một trong những mắt xích quan trọng trong phát triển giao thương kinh tế, văn hoá Tiểu vùng Sông Mê Kông. Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh đảm bảo phát triển bền vững tại Khu kinh tế Vũng Áng. Phát triển dịch vụ hậu cần cảng biển và logistics, phát triển mạng lưới giao thông. Tăng cường

trao đổi, hợp tác với các cơ quan của Lào để cùng nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hàng hoá qua biên giới các nước (Lào - Thái, Lào - Việt); lấy đó làm cơ sở để xây dựng tuyến vận tải container qua cảng Vũng Áng kết nối với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan.

Xây dựng chính sách thúc đẩy và hỗ trợ tuyến vận chuyển container qua Cảng Vũng Áng từ đầu 2024 (tiếp nối Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND, ngày 28/4/2021 của HĐND tỉnh). Trong đó, tiếp tục có các chính sách mạnh mẽ để hỗ trợ các các hãng tàu biển duy trì các tuyến hiện hữu cũng như mở tuyến (nội địa và quốc tế) vận chuyển container và các đối tượng có hàng hoá vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng; không giới hạn doanh nghiệp trên địa bàn mà phải cho phép hỗ trợ các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong và ngoài tỉnh đều được hưởng chính sách hỗ trợ khi có hàng container qua cảng Vũng Áng. Nâng cao năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lớn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển gắn với nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa, đồng thời kêu gọi, thu hút đầu tư Cảng Vũng Áng nhằm khai thác tối đa hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cảng biển Vũng Áng. Tổ chức các hoạt động duy tu, nạo vét luồng hàng hải theo kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải của Bộ Giao thông Vận tải. Triển khai đầu tư xây dựng đề chắn sóng cảng Vũng Áng theo quy hoạch.

Xúc tiến triển khai dự án đường sắt tuyến Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt - Lào theo Quy hoạch được phê duyệt. Hình thành chuỗi giá trị có tính liên kết: Các dịch vụ cảng biển, khu đô thị cảng biển, dịch vụ phục vụ cho Khu kinh tế Vũng Áng với trọng tâm là cảng biển, công nghiệp gang

thép, khu đô thị du lịch. Tiếp tục xúc tiến thu hút đầu tư các nhà máy sản xuất vào các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Với tiềm năng đầu tư của Công ty Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP) vào Tỉnh Hà Tĩnh, cần xem xét vị trí thuận lợi để phát triển hàng hoá kết nối với cảng Vũng Áng dần hướng đến tăng nguồn hàng, phát triển thêm tuyến tàu nội và ngoại vào cảng Vũng Áng.

Tiếp tục đẩy mạnh liên kết vùng gắn với tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường liên kết với các tỉnh khác trong vùng nhằm nâng cao hiệu quả thu hút FDI; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn vùng để đảm bảo việc phân bổ thu hút đầu tư hiệu quả và cung cấp dữ liệu đa chiều cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư; xác định rõ lĩnh vực liên kết, các ngành liên kết, hình thành các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, chuỗi trải nghiệm trong vùng.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành logistics. Quan tâm phát triển chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng ngành logistics của Cảng Vũng Áng. Tiếp tục tạo điều kiện để các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vận tải hàng container phối hợp cùng các đơn vị giáo dục, đào tạo nghề nghiệp của tỉnh triển khai đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, cung ứng nguồn lao động về logistics (khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, quản lý chuỗi cung ứng,...) cho Cảng Vũng Áng.

Thứ tám: Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng cường công tác đào tạo nghề,

định hướng nghề nghiệp phục vụ lao động cho Khu kinh tế Vũng Áng. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đào tạo phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số; đổi mới cơ chế khuyến khích, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung đầu tư phát triển con người toàn diện về nhân cách, đạo đức, thể chất, trí tuệ, năng lực sáng tạo và khả năng hội nhập với thế giới.

Tổ chức điều tra về lao động, việc làm và xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động kỹ thuật của Khu kinh tế Vũng Áng nhằm xác định và cung cấp những thông tin chính xác, có căn cứ về nhu cầu của các ngành nghề cũng như về khả năng đào tạo, tạo cầu nối góp phần quan trọng trong việc giải quyết quan hệ giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực. Thông qua các cơ sở dữ liệu về cung và cầu lao động của Khu kinh tế Vũng Áng, dự báo nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực hàng năm của địa phương cho Khu kinh tế. Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực, việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, trình độ đào tạo, nhất là dự báo nguồn lao động có tay nghề phục vụ sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ tại Khu kinh tế Vũng Áng. Làm tốt công tác giới thiệu việc làm, tư vấn hướng nghiệp học nghề. Đặc biệt, đối với học sinh tốt nghiệp phổ thông hoặc vừa hoàn thành nghĩa vụ công an, quân sự và những lao động trẻ tuổi khác chưa có việc làm ổn định, cần có cơ chế khuyến khích học trung cấp, cao đẳng nghề theo năng lực và nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong Khu kinh tế.

Đẩy mạnh xã hội hoá trong giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các doanh

nghiệp trực tiếp tham gia đào tạo nguồn nhân lực. Thực hiện tốt mô hình liên kết 3 nhà: “Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp” trong đào tạo nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động. Quan tâm đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ các nhu cầu tối thiểu của người lao động về nhà ở, trường học, nhà trẻ, điện, nước, dịch vụ y tế, văn hóa, an toàn vệ sinh lao động nhằm không ngừng nâng cao điều kiện sống và đời sống tinh thần cho công nhân tại Khu kinh tế Vũng Áng. Chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn; quan tâm chăm lo lợi ích chính đáng của người lao động; gắn với tăng cường quản lý nhà nước về lao động, an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường quảng bá, vận động các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân tại Khu kinh tế Vũng Áng; khuyến khích xã hội hoá đầu tư, hoặc hỗ trợ trực tiếp một phần tiền thuê nhà cho công nhân. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Khu kinh tế Vũng Áng.

Thứ chín: Tập trung cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ công, bảo đảm an ninh trật tự phục vụ sự phát triển của Khu kinh tế. Chú trọng xây dựng, hoàn thiện cơ chế thúc đẩy Khu kinh tế Vũng Áng phát triển; thường xuyên sơ kết và tổng kết, rà soát các quy định hiện có về quản lý và hoạt động của Khu kinh tế để chỉ ra những bất cập, hạn chế, thiếu đồng bộ nhằm xây dựng các quy định; tham mưu xây dựng và hoàn thiện các quy định, chính sách áp dụng riêng cho các khu kinh tế nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, giải quyết triệt để sự chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa pháp luật và các văn bản dưới luật giúp các khu kinh tế phát huy được vai trò “hạt nhân đột phá” trong phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng

dịch vụ công thông qua quá trình chuyên đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Nâng cao năng lực quản trị đa văn hoá đối với các địa phương, đơn vị, các chủ thể sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách; đảm bảo sự tham gia của người dân, đề cao tính dân chủ theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”. Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp để đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật. Nâng cao cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại, phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể.

Tăng cường hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, có biện pháp khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự học tập và tự rèn luyện; đổi mới công tác bố trí, sử dụng, đánh giá, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức tạo cơ hội, điều kiện phát triển, nhất là cán bộ trẻ. Có chính sách tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ năng lực, khả năng phối hợp của cán bộ, chiến sĩ trong đảm bảo an ninh trật tự ở Khu kinh tế. Tăng cường, vận dụng linh hoạt các hình thức phối hợp xử lý dứt điểm các “điểm nóng” về an ninh, trật tự ở Khu kinh tế Vũng Áng./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH TRONG THỜI GIAN TỚI



Ths. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Công tác xúc tiến đầu tư có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền tỉnh Hà Tĩnh đã có những nỗ lực hoạt động xúc tiến đầu tư và thu được những kết quả đáng khích lệ. Để hiện thực hóa mục tiêu mà Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Hà Tĩnh lần thứ XIX và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đề ra, cần phải hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Xúc tiến đầu tư là những hoạt động của cơ quan có thẩm quyền nhằm thu hút các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước đến địa phương (nước) mình để đầu tư. Xúc tiến đầu tư có vai trò cực kỳ quan trọng, góp phần đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư; hình thành khu công nghiệp, khu chế xuất phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa lớn; tạo điều kiện đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Công tác xúc tiến đầu tư hiệu quả, thu hút các dự án chất lượng vào địa bàn tỉnh Hà Tĩnh sẽ góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, tạo nguồn lực để Tỉnh thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng tỉnh Hà Tĩnh trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh

khá, nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố có GRDP cao nhất cả nước. Mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt trên 9%/năm; đến năm 2030 GRDP bình quân đầu người đạt 170 triệu đồng; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 32,6%; giá trị xuất khẩu đạt khoảng 4 tỷ USD; mức thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng bình quân khoảng 14-15%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 từ 750.000 tỷ đồng đến 800.000 tỷ đồng...

Hà Tĩnh phấn đấu đến năm 2050 là tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững, trở thành một cực tăng trưởng của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước. Các khu - cụm công nghiệp phát triển xanh, công nghiệp sinh thái, thông minh; dịch vụ phát triển đa dạng, hiện đại; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị hiện đại, thông minh. Trong thời gian qua, công tác xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đạt được những kết quả tích cực:

Về tình hình thu hút đầu tư: Tình hình đăng ký doanh nghiệp, thu hút đầu tư có một số tín hiệu tích cực. Về thu hút đầu tư năm 2023, chấp thuận chủ trương đầu tư 23 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký hơn 2.365 tỷ đồng và 02 dự án đầu tư nước ngoài⁽¹⁾ với tổng vốn đăng ký 70 triệu USD. Về tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2023, thành lập mới 1.200 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; lũy kế đến nay toàn tỉnh có gần 13.000 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động, đóng góp 50% thu ngân sách nội địa.

Ngoài việc hỗ trợ các Nhà đầu tư thực hiện các dự án đã được chấp thuận, Tỉnh đang tiếp tục kết nối, hướng dẫn Nhà đầu tư hoàn thành hồ sơ thủ tục để thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư một số dự án lớn như: Tập đoàn Vingroup đề xuất dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vinhomes Vũng Áng; Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt đề xuất dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Hồng Lĩnh và Khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh...

Về hoạt động xúc tiến đầu tư đã thực hiện: Tổ chức thành công Hội nghị Công bố Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Xúc tiến đầu tư vào Hà Tĩnh với chủ đề “*Hà Tĩnh, hiện thực hóa tiềm năng và khát vọng*”. Tại Hội nghị, 14 dự án đã được trao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư 9.631 tỷ đồng; 25 Biên bản ghi nhớ hợp tác với các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đã được ký kết, với tổng mức đầu tư hơn 219.000 tỷ đồng. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư thông qua việc tham gia các Hội thảo, Hội nghị xúc tiến đầu tư của khu vực, Trung ương. Các hoạt động xúc tiến đầu tư khác được tỉnh tiếp tục kêu gọi, kết nối, làm việc, xúc tiến dự án đầu tư với các nhà đầu tư chiến lược. Tổ

chức các hội nghị phổ biến, tuyên truyền. Tổng hợp những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, nhà đầu tư để hỗ trợ khôi phục sản xuất, kinh doanh; kiến nghị, đề xuất trong lĩnh vực tài chính với Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh. Vận hành trang thông tin điện tử về hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư của Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Tĩnh năm 2023. Thông qua các nhà đầu tư (Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức...) đã có dự án đầu tư tại các khu kinh tế, khu công nghiệp nghiên cứu đánh giá tiềm năng, xu hướng và kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp hậu thép, công nghiệp công nghệ cao. Cung cấp tài liệu về tiềm năng, lợi thế, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, tình hình thu hút đầu tư của Hà Tĩnh cho các nhà đầu tư.

Trong những năm qua, Hà Tĩnh đã trở thành điểm đến của các doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài nước với các dự án quy mô lớn như: Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2, Nhà máy Sản xuất Pin VinES, Nhà máy Sản xuất Pin Lithium... Hà Tĩnh là một trong mười tỉnh đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có trên 1.500 dự án đầu tư trong nước với tổng mức đầu tư hơn 145.000 tỷ đồng và 72 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư hơn 16,2 tỷ USD. Các dự án đầu tư vào địa bàn đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế - xã hội và thay đổi diện mạo Hà Tĩnh. Đặc biệt, gần đây sự hiện diện của Khu Công nghiệp VSIP sẽ tiếp

tục khẳng định vị thế của Hà Tĩnh trên bản đồ thu hút đầu tư của cả nước. Khu Công nghiệp VSIP Bắc Thạch Hà, Hà Tĩnh với quy mô 190,41 ha định hướng đầu tư thành khu công nghiệp xanh, hiện đại, bền vững với hệ thống hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp. Với tổng vốn đầu tư Dự án VSIP hơn 1.555 tỷ đồng, dự kiến sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách hàng năm. Đồng thời, dự án sẽ tạo ra nhiều việc làm, thu nhập cho lao động và giải quyết tốt hơn các vấn đề an sinh xã hội (Dự kiến sẽ tạo việc làm cho hơn 30.000 lao động).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xúc tiến đầu tư tại Hà Tĩnh còn có những hạn chế như: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu chức năng...; công tác thu hút xã hội hóa đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế; công tác giải phóng mặt bằng còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án và thu hút đầu tư. Mặc dù có nhiều nhà đầu tư khảo sát, nghiên cứu đầu tư nhưng số lượng dự án đề xuất và được xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư còn chưa tương xứng, nhất là các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ, du lịch với quy mô lớn; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI từ các nước có thế mạnh về vốn và công nghệ như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia thuộc khu vực EU... Số lượng dự án triển khai, đi vào hoạt động còn chưa tương xứng; một số dự án triển khai chưa đảm bảo tiến độ cam kết; việc tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã, nhất là sản phẩm nông nghiệp còn gặp khó khăn. Việc thu hút các

dự án đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; nông lâm nghiệp, khoa học công nghệ, y tế hiệu quả chưa cao; quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng để thu hút các dự án đầu tư trọng điểm còn hạn chế... Hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thị trường, xu hướng đầu tư còn bị động, hiệu quả chưa cao... Các hoạt động xúc tiến đầu tư thực hiện đơn lẻ, chưa có nhiều chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư có tính liên vùng, liên ngành, gắn kết với xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch. Công tác xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tính dự báo chưa cao, chưa đáp ứng sát với nhu cầu đầu tư. Việc công bố và cung cấp thông tin về các quy hoạch của tỉnh trên trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành chưa cập nhật thường xuyên. Thủ tục hành chính về đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong điều kiện phát triển, hội nhập. Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh còn mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kinh nghiệm xúc tiến đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên trước hết là do trong thời gian qua tình hình kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; thời tiết không thuận lợi... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như hoạt động kêu gọi thu hút đầu tư; hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực chưa thống nhất, còn có sự chồng chéo, vướng mắc chưa phù hợp với thực tế; nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có hạn, chưa đáp ứng để đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó,

công tác xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và việc đồng bộ giữa các quy hoạch (xây dựng, sử dụng đất,...) còn chưa hoàn toàn thống nhất, một số trường hợp còn làm khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, lập hồ sơ đề xuất dự án; người đứng đầu một số sở, ngành, địa phương, đơn vị chưa xây dựng được phương án tối ưu để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; việc phối hợp giữa các ngành, địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án còn chưa thực sự chủ động, tích cực; công tác giải phóng mặt bằng chưa kịp thời dẫn đến kéo dài thời gian đưa dự án đi vào hoạt động; công tác phối hợp quản lý nhà nước giữa các ngành, các cấp đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư còn bất cập, hiệu quả chưa cao; một số nhà đầu tư chưa tuân thủ báo cáo các thông tin về tiến độ thực hiện án, nội dung đầu tư... dẫn đến việc xử lý, hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư chưa kịp thời.

Để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, đổi mới và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh hiện đại, minh bạch; đổi mới công tác lãnh đạo và điều hành. Nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư. Nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có tính đột phá vào Khu Kinh tế Vũng Áng; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, kết hợp với hoạt động xúc tiến đầu tư có trọng điểm, tạo động lực phát triển mới, tính lan tỏa cao. Thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định, chính sách thu hút đầu tư để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn. Ưu tiên thu hút các

dự án chế biến, chế tạo sau thép có công nghệ cao, thân thiện môi trường, suất đầu tư cao, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, định hướng đầu tư, sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Tăng cường vai trò kiến tạo của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn; khuyến khích đội ngũ cán bộ năng lực, đam mê và tâm huyết với sự nghiệp phát triển của tỉnh, phải có cách làm mới, thái độ làm việc thân thiện với doanh nghiệp và nhà đầu tư không phân biệt quy mô hay thành phần kinh tế; coi họ là khách hàng để phục vụ, là đối tác để cùng giải quyết vấn đề phát triển kinh tế.

Tiến hành cải cách hành chính tạo điều kiện và môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư. Cải thiện mạnh mẽ chỉ số PCI, đặc biệt cải thiện môi trường đầu tư cởi mở và hoạt động cạnh tranh thị trường minh bạch nhằm thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước, thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ hai, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy sự sáng tạo của các doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đồng thời nắm bắt xu hướng và tận dụng triệt để cơ hội từ cách mạng công nghiệp 4.0. Có chính sách khuyến khích (ưu đãi thuế, tín dụng, hỗ trợ vốn từ ngân sách địa phương...) các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ứng dụng công nghệ vào sản xuất, cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, việc tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ, kỹ thuật sản xuất từ các quốc gia phát triển hơn. Đẩy mạnh chuyên

đổi số, xây dựng hạ tầng số, thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, ứng dụng công nghệ số vào các ngành kinh tế - xã hội, chính quyền số, đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, hướng đến xã hội số.

Thứ ba, phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ. Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ cho các công trình dự án trọng điểm, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nông nghiệp và các đô thị, bao gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy; xây dựng hạ tầng chống thiên tai, xử lý chất thải và nước thải đáp ứng nhu cầu phát triển và bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên; nâng cấp mở rộng hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp 4.0, kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, làm tốt công tác nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thị trường, xu hướng, đối tác đầu tư. Kết nối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các tỉnh, thành phố trong cả nước để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế, các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phối hợp tạo môi liên kết vùng trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục làm việc, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam nhằm cập nhật thông tin, xu hướng đầu tư FDI vào Việt Nam và địa phương. Tham gia các hội nghị, hội thảo đầu tư quốc tế. Tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác của tỉnh với các nước, tập đoàn kinh tế, tài chính quốc tế; tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ, tri thức và các nguồn viện trợ

để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên các đối tác tiềm năng nước ngoài có thế mạnh về công nghệ cao, công nghệ nguồn, đứng đầu các chuỗi cung ứng.

Tiếp cận, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp, doanh nghiệp công nghệ có quy mô lớn, nhà đầu tư cơ sở vật chất khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội thu hút đầu tư nhằm thúc đẩy, cổ vũ làn sóng khởi nghiệp sáng tạo của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Thứ năm, xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư. Tiếp tục giới thiệu rộng rãi về Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; danh mục và thông tin cụ thể các dự án kêu gọi đầu tư tới cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và trong và ngoài nước trên các tài liệu, ấn phẩm xúc tiến đầu tư và trên Trang thông tin điện tử về xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá hình ảnh, đất nước con người và tiềm năng phát triển của tỉnh Hà Tĩnh đến với các nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước và bạn bè quốc tế nhằm thu hút sự quan tâm cũng như kêu gọi các nhà đầu tư vào tỉnh.

Thứ sáu, hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đang triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua tổng hợp kiến nghị doanh nghiệp; kết nối doanh nghiệp với các Ngân hàng thương mại...; tổng hợp và chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị, vướng mắc của các nhà đầu tư trong quá trình triển

khai thực hiện dự án, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát huy hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư “tại chỗ”, tạo động lực lan tỏa, thu hút các nhà đầu tư tiềm năng đến nghiên cứu cơ hội đầu tư tại địa bàn tỉnh.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo để triển khai, phổ biến đến doanh nghiệp, nhà đầu tư về các văn bản, chính sách pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hiệu quả của các Tổ Công tác liên ngành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Thứ bảy, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Thường xuyên cập nhật các định hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trên địa bàn của địa phương; các thông tin về tiềm năng, thế mạnh, định hướng thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư, công tác đối ngoại, các thông tin chuyên đề về các ngành, lĩnh vực ưu tiên kêu gọi đầu tư trên các kênh thông tin điện tử.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về đầu tư; thu thập, hệ thống hóa các số liệu về môi trường đầu tư, pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư. Hệ thống hóa, số hóa các dữ liệu về quy hoạch, cơ chế chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, đất đai, xây dựng...

Vận hành có hiệu quả các trang thông tin điện tử hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư. Thường xuyên kết nối, tổng hợp tình hình triển khai dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh, những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; điều hành quản trị tốt diễn đàn “Doanh nghiệp hỏi - Cơ quan Nhà nước trả lời”.

Thứ tám, xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, định hướng phát triển vùng kinh tế trọng điểm và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cập nhật danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nhằm điều chỉnh, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh mục những dự án đã có chủ đầu tư, những dự án không còn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Danh mục dự án kêu gọi đầu tư phải đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản về nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu.

Thứ chín, đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư. Tham gia các lớp bồi dưỡng về hội nhập kinh tế - quốc tế; tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, tình hình thu hút đầu tư, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quốc gia, cơ chế, chính sách. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư về kỹ năng xúc tiến đầu tư bao gồm: Nghiên cứu, học tập các địa phương đã thành công trong việc thu hút đầu tư các dự án trong lĩnh vực du lịch, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp nặng... về cách thức xây dựng tài liệu xúc tiến đầu tư, kinh nghiệm trong cải cách thủ tục hành chính, cách thức triển khai và giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và cấp sở ngành, huyện, thành phố, thị xã (DDCI), các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và phiên - biên dịch chuyên ngành xúc tiến đầu tư và lập, triển khai dự án./.

Chú thích:

1. Trong đó có Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Thạch Hà của Công ty cổ phần đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam Singapore VSIP có vốn đăng ký gần 65 triệu USD.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐẠT CHUẨN MỨC 1, GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

❄ Ths. NGUYỄN THẮNG MỸ
Trưởng phòng TC, HC, TT, TL

Tóm tắt: Thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, sau hơn 01 năm triển khai thực hiện, đến nay Trường Chính trị Trần Phú đã đạt được 47/55 chỉ tiêu của 6 nhóm tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1 và có 5 chỉ tiêu sắp hoàn thành. Có được kết quả trên là do có sự vào cuộc với tinh thần đoàn kết, chủ động và quyết tâm cao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, cán bộ, viên chức của nhà trường, trong đó người đứng đầu đã phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành một cách khoa học, sáng tạo, bám sát thực tiễn, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025.

Sau khi Ban Bí thư ban hành Quy định số 11-QĐ/TW, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG, ngày 06/9/2021 triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, công tác xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng triển khai thực hiện, trước hết là phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các sở ngành có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề án xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tiến hành rà soát các chỉ tiêu trong 6 tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1 để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

Theo quy định, trường chính trị chuẩn được chia thành 02 mức: “Trường chính trị chuẩn mức 1” là trường đạt 6 tiêu chí với 55 chỉ tiêu cụ thể; “Trường chính trị chuẩn mức 2” là trường đạt 6 tiêu chí với 65 chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học có chất lượng toàn diện mức độ cao hơn so với mức độ 1, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Qua rà soát cho thấy, Trường Chính trị Trần Phú đạt 50/55 chỉ tiêu cụ thể, 05/55 tiêu chí cụ thể chưa đạt, 01/3 phó trưởng khoa chưa đảm bảo chỉ tiêu giảng viên chính, giảng viên sau 07 năm công tác tại Trường phải học cao cấp; chưa triển khai việc thực hiện đánh giá

chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, đạt từ mức khá trở lên; chưa đảm bảo có ít nhất 3 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên (Hoặc 03 đề tài khoa học công nghệ) và xây dựng cơ sở vật chất.

Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025 theo Đề án số 02-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xứng tầm là cơ sở duy nhất đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ ở địa phương, thực hiện “công việc gốc” của Đảng bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng “đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, vì sự phát triển của tỉnh”¹, đến nay, một số chỉ tiêu đã và đang được triển khai hoàn thiện, đảm bảo 6 tiêu chí, cụ thể:

Về đội ngũ cán bộ, viên chức, các chỉ tiêu đang hoàn thiện, gồm: chỉ tiêu giảng viên sau 7 năm có cao cấp lý luận, chỉ tiêu này còn 01 đồng chí đang học lớp Cao cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung tại Hà Tĩnh.

Về tiêu chí hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: trước khi Ban Bí thư ban hành Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021, việc nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đăng ký các đề tài khoa học cấp tỉnh, việc nghiên cứu đề tài khoa học cấp Trường chưa được các khoa, phòng chuyên môn, cán bộ, giảng viên quan tâm đúng mức, nên hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở nhà trường chưa được

như mong muốn. Để triển khai xây dựng trường chính trị đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW và Đề án số 02-ĐA/TU, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, vừa đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn, đồng thời qua công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn góp phần nâng cao kiến thức lý luận, thực tiễn phục vụ tốt hơn trong hoạt động giảng dạy. Chính vì vậy, trong năm 2023 - 2024, Nhà trường đã đăng ký 02 đề tài khoa học cấp tỉnh, lựa chọn và tổ chức thành công 07 cuộc hội thảo khoa học cấp tỉnh; các khoa, phòng đã chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học cụ thể, thực hiện 09 đề tài khoa học cấp trường, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học, viết bài cho 9 số Thông tin lý luận và thực tiễn, các tạp chí Trung ương, địa phương, tham gia cuộc thi chính luận lần 2, lần 3 và lần 4 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Về tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, đây là một trong những tiêu chí khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, nhưng với quyết tâm cao, Trường Chính trị Trần Phú thường xuyên phối hợp với các sở, ngành để hoàn thiện lại quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, với diện tích 30.076m² và tích cực tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh về xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chí cơ sở vật chất đạt chuẩn.

Từ thực tiễn quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW và Đề án số 02-ĐA/TU của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy, bước đầu có thể đúc kết một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, sớm xây được quyết tâm cao và tinh thần chủ động trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường. Việc xây dựng trường đạt chuẩn mức 1 trong thời gian ngắn gặp nhiều khó khăn về xây dựng đội ngũ giảng viên, công tác tuyển sinh mở các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, về nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, về xây dựng cơ sở vật chất và áp lực về thời gian tiến độ thực hiện các tiêu chí... Tuy nhiên, quyết tâm cao và tinh thần chủ động của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, đứng đầu là đồng chí Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng đã tạo sức lan toả, đoàn kết, đồng thuận chung tay nỗ lực cố gắng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã phát huy được tinh thần, trí tuệ tập thể, xây dựng tầm nhìn, kế hoạch khả thi. Bắt đầu từ giai đoạn 2022 - 2025, Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch có tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển của Nhà trường trên cơ sở những dữ liệu tin cậy về dân số và mức độ phát triển của kinh tế - xã hội địa phương, thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của trường trong thời gian vừa qua. Trên cơ sở tầm nhìn và mục tiêu đã xác định, Hiệu trưởng huy động trí tuệ tập thể để xây dựng trường đạt chuẩn mức 1 với lộ trình và bước đi thích hợp, có tính khả thi cao, được cán bộ, giảng viên và các sở, ban, ngành đồng tình ủng hộ. Đây chính là kim chỉ nam, là cơ sở đầu tiên, quan trọng để xây dựng trường đạt chuẩn mức 1.

Thứ ba, làm tốt công tác tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự tham gia vào

cuộc của các sở, ngành có liên quan. Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan vừa là bước đi, vừa là giải pháp quan trọng cho nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn. Trên cơ sở kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn mức 1, có tính khoa học, tính thực tiễn, vì thế mà có tính khả thi cao của nhà trường, Hiệu trưởng cần tham mưu để nhận được sự ủng hộ, sự quan tâm, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự đồng thuận của các cấp, các ngành ở địa phương. Việc tham mưu phải thường xuyên, nội dung phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm của mỗi bên liên quan; địa phương phải có sự quan tâm lãnh đạo để huy động được các cấp, ngành vào cuộc, huy động mọi nguồn lực từ chính trị, tinh thần đến vật chất cho nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn mức 1, coi đó vừa là nhiệm vụ, vừa là vinh dự của địa phương mình; xây dựng trường đạt chuẩn mức 1 là xây dựng một môi trường giáo dục và học tập của cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể thực hiện quan điểm chỉ đạo của Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Trên cơ sở những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chịu trách nhiệm chính trong việc bố trí các nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất cho trường đạt chuẩn mức 1. Trong đó, cần quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên của nhà trường đạt các tiêu chí của trường chuẩn; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường nâng cao chất lượng dạy, và học và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được của Nhà trường theo mục tiêu và theo lộ trình đề ra để có sự chỉ đạo

kịp thời và đề ra những giải pháp thích hợp tiếp theo.

Thứ tư, huy động các nguồn lực cho việc xây dựng trường đạt chuẩn. Nguồn lực bao gồm cả quyết tâm chính trị của địa phương, cả tinh thần và vật chất. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đặc biệt đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường, trước hết là xây dựng đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, về bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về nâng ngạch giảng viên chính. Quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn giai đoạn 2024 - 2025, gồm 02 đề tài khoa học cấp tỉnh, 10 đề tài khoa học cấp Trường, 08 cuộc hội thảo khoa học cấp Trường, 02 kỷ yếu hội thảo khoa học cấp tỉnh, 08 kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, 09 số thông tin lý luận và thực tiễn, viết Lịch sử Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh 1945 - 2025 (chỉnh sửa, tái bản, bổ sung giai đoạn 2000 - 2025), xuất bản 01 cuốn sách “Trường Chính trị Trần Phú với công tác xây dựng Nông thôn mới ở Hà Tĩnh”. Huy động nguồn kinh phí để triển khai thực hiện việc xây dựng cơ sở vật chất, trong đó xây dựng phần mềm quản lý đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, xây dựng hội trường, nhà đa năng, các công trình phụ trợ, sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá và trang sắm thiết bị giảng dạy, học tập.

Để đạt mục tiêu đến năm 2025, Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư và Đề án số 02-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong một thời gian ngắn, Trường phải triển khai thực hiện đồng bộ

các tiêu chí trường chuẩn, vì vậy cần sự đồng thuận, vào cuộc quyết liệt của cán bộ, viên chức của nhà trường và sự đồng tình, ủng hộ của các cấp, các ngành và sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh./.

Chú thích:

1. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 (khóa XI) của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý.

2. Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

3. Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 20/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị Trần Phú và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố, thị xã.

4. Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 09/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xây dựng Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh đạt chuẩn mức 1, giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030.

5. Kết luận số 479-KL/HVCTQG ngày 26/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh “về xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học giai đoạn hiện nay”.

6. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Giảng viên Phòng QLĐT & NCKH

Tóm tắt: Sản xuất nông nghiệp hữu cơ đang là xu hướng phát triển tất yếu hiện nay nhằm đảm bảo an toàn các sản phẩm nông nghiệp, bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái tự nhiên và là một trong những giải pháp giúp nông nghiệp gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm. Tại Hà Tĩnh, trong những năm vừa qua, bên cạnh một số kết quả bước đầu, phát triển nông nghiệp hữu cơ đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức bởi thiên tai, khí hậu khắc nghiệt, hạ tầng phục trợ chưa hình thành,... Việc đưa ra các giải pháp để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là một yêu cầu bức thiết trong giai đoạn hiện nay.

Theo Liên đoàn Các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ quốc tế (IFOAM), nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hóa chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyên hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất. Các nguyên tắc sản xuất nông nghiệp hữu cơ được quy định trong tiêu chuẩn của IFOAM, với mục tiêu đảm bảo hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, tạo ra những sản phẩm có chất lượng an toàn với người sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế, duy trì và nâng cao độ màu mỡ của đất. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ yêu cầu không được sử dụng 05 nguồn vật liệu đầu vào gồm: Hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa học, chất kích thích tăng trưởng, sản phẩm đột biến gen và phân bắc. Canh tác hữu cơ sẽ cải thiện và duy trì cảnh quan tự nhiên và hệ sinh thái

nông nghiệp, tránh khai thác quá mức gây ô nhiễm môi trường trong tự nhiên, giảm thiểu sử dụng năng lượng và các nguồn không tái sinh để sản xuất ra lương thực mà không gây độc hại, có chất lượng cao, đồng thời đảm bảo, duy trì và làm tăng độ màu mỡ cho đất trong thời gian dài, củng cố các chu kỳ sinh học trong nông trại, đặc biệt là chu trình dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng dựa trên việc phòng ngừa thay cho cứu chữa, làm đa dạng mùa vụ và các loại vật nuôi sao cho phù hợp với điều kiện của địa phương.

Trong quá trình lãnh đạo phát ngành nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta đã sớm ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Ngày 03/6/2013 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Đẩy mạnh

cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm”. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” khẳng định: “Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tế của vùng”. Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về Nông nghiệp hữu cơ; Quyết định số 885/QĐ-TTg phê duyệt phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.

Nhận thức rõ xu hướng tất yếu về phát triển nông nghiệp hữu cơ hiện nay, trên cơ sở quán triệt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những năm vừa qua, việc phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ luôn được tỉnh Hà Tĩnh chú trọng. Các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ từ Trung ương đến địa phương được cụ thể hóa để phù hợp với điều kiện thực tế của Tỉnh. Chương trình hành động số 16-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: “Tiếp tục triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, thông minh... để đánh giá và triển khai nhân ra diện rộng” là định hướng xuyên suốt để đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh theo

hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến nay, ngành nông nghiệp Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tổng giá trị sản xuất toàn ngành năm 2023 ước đạt trên 14.250 tỷ đồng, trong đó nông nghiệp 11.530 tỷ đồng, lâm nghiệp 820 tỷ đồng, thủy sản 1.900 tỷ đồng; giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt trên 97,5 triệu đồng/ha; tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 53% giá trị sản xuất nông nghiệp; đã chủ động, lồng ghép các chính sách, chương trình để xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt, đảm bảo an toàn thực phẩm (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...). Về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, toàn tỉnh đã hình thành 357,18ha sản xuất hữu cơ và theo hướng hữu cơ trong đó: 277,93ha lúa, 11,55ha rau, 67,3ha cây ăn quả, 0,4ha chè (trong đó có 70,8ha được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ), 15 mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ với quy mô 118 con nái, 1.021 con lợn thịt (14 mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ liên kết với Tập đoàn Quế Lâm; 01 Tổ hợp tác chăn nuôi lợn rừng tuần hoàn theo hướng hữu cơ).

Nhìn chung các mô hình trồng trọt, chăn nuôi theo hướng hữu cơ bước đầu đã đi vào ổn định, đạt được những kết quả nhất định giúp mang lại giá trị cao trên diện tích sản xuất. Các mô hình từng bước thay đổi thói quen, tập quán của người sản xuất, chăn nuôi, tiếp cận với phương thức sản xuất, chăn nuôi hữu cơ; sản xuất, chăn nuôi an toàn, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Tuy nhiên, việc phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay đang phải đối diện với nhiều khó khăn: Các mô hình có quy mô sản xuất, chăn nuôi chủ yếu số lượng nhỏ, chưa được đầu tư nhiều về cơ sở hạ tầng, giao thông, đồng thời chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường; nhân lực có chuyên môn sâu về nông nghiệp hữu cơ tại các cơ sở sản xuất và cơ quan quản lý còn thiếu; chưa có các doanh nghiệp đầu kéo đủ mạnh, liên kết giữa doanh nghiệp với người

Bảng 1: Kết quả sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Hà Tĩnh

	Sản phẩm	Địa phương cấp huyện	Đơn vị phối hợp	Diện tích
Trồng trọt	Lúa	Kỳ Anh, Vũ Quang, Can Lộc, Hương Sơn, Cẩm Xuyên	Công ty CPTĐ Quế Lâm	126,8 ha
	Lúa - rươi	Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Đức Thọ	TT Khuyến nông tỉnh	124,33 ha
	Lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	Thành phố Hà Tĩnh		11,8 ha
		Huyện Thạch Hà	Viện khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	15 ha
	Rau các loại	HTX Thanh niên Thành Sen		4,3 ha
	Dưa hấu	Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Lộc Hà	Công ty CPTĐ Quế Lâm	2,5 ha
	Cây ăn quả	Hương Sơn, Vũ Quang	Công ty CPTĐ Quế Lâm	66,5 ha
	Trồng chè	Kỳ Anh	Công ty CPTĐ Quế Lâm	0,4 ha
Chăn nuôi	Chăn nuôi lợn	Vũ Quang, Can Lộc, Lộc Hà, Hương Sơn, Cẩm Xuyên	Công ty CPTĐ Quế Lâm	149 lợn nái, 1.390 lợn thịt
Thủy sản	Kết hợp trồng lúa - rươi, cáy	Đức Thọ		97,83 ha
	Kết hợp lúa, rau thủy sinh, tôm, cá và lúa - rươi, cua lông	Thành phố Hà Tĩnh		11,8 ha
	Lúa - rươi	Huyện Kỳ Anh, TX Hồng Lĩnh		23 ha

sản xuất còn lỏng lẻo nên chưa hình thành được chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ bền vững, hiệu quả chưa cao. Mặt khác, vốn đầu tư ban đầu để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất hữu cơ khá lớn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi quy trình sản xuất nghiêm ngặt, quy trình sản xuất đòi hỏi cần có thời gian dài trong khi đó quy định

chính sách hỗ trợ sau đầu tư nên chính sách chưa đủ sức hấp dẫn, chưa tạo được động lực, việc hấp thụ chính sách còn chậm.

Để phát triển nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thời gian tới cần tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm chuyển biến căn bản nhận thức về nông nghiệp hữu cơ. Đây mạnh công tác

thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ an toàn, bền vững. Các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị xã hội phải xác định việc phát triển nông nghiệp hữu cơ là một nội dung quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp của địa phương và của Tỉnh. Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; triển khai sâu, rộng cho người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng nắm bắt các nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030. Tuyên truyền, hướng dẫn thực thi các chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp hữu cơ như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Nghị định số 109/1018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025... Nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ. Đổi mới và đa dạng các hình thức tuyên truyền, xây dựng các chuyên đề, phóng sự hàng tháng phát trên các kênh sóng truyền hình, kịp thời biểu dương những mô hình làm tốt, cách làm hay để nhân rộng.

Thứ hai, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Khoa học công nghệ là then chốt trong phát triển nông nghiệp hữu cơ, do đó cần đầu tư có trọng tâm, trọng điểm khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ như đào tạo nguồn nhân lực, các đề tài khoa học có tính ứng dụng cao như công nghệ sinh học trong sản xuất hữu cơ, nghiên cứu quy trình canh tác, chăn nuôi hữu cơ phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, thuốc phòng chống dịch bệnh sinh học cho cây trồng, vật nuôi và thủy sản phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ. Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải nhà kính. Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu với dịch hại tốt, phù hợp với quy trình canh tác hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ, điều phối các hoạt động từ sản xuất, phân phối đến tiêu thụ sản phẩm...

Thứ ba, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm phù hợp. Tiếp tục đẩy mạnh dồn điền đổi thửa, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản hữu cơ, phát triển các mô hình điểm cửa hàng tiêu thụ sản phẩm hữu cơ gắn với sản phẩm OCOP; tái cơ cấu các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hiện có để đảm bảo đủ năng lực tổ chức sản xuất; hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã mới trên tinh thần tự nguyện, đúng bản chất, hợp tác liên kết với các doanh nghiệp để phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Định hướng sản xuất, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò vừa hỗ

trợ đầu vào vừa thu mua, bao tiêu, sơ chế, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu nông sản, khép kín chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; người nông dân là chủ thể xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mô hình chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của tỉnh để giới thiệu, khuyến khích các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia học tập, làm theo đồng thời đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; kết nối khách hàng, thị trường nông sản hữu cơ của tỉnh với chuỗi cung ứng nông sản hữu cơ trong và ngoài nước bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, phát huy các giải pháp ứng dụng thương mại điện tử trong giao thương, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ thông tin về chủng loại, chất lượng sản phẩm, giá cả, thị trường giữa người sản xuất với người kinh doanh và người tiêu dùng; kết nối, đưa sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lên các sàn thương mại điện tử, thiết lập kênh phân phối trực tuyến; lựa chọn các sản phẩm đặc sản, có lợi thế cạnh tranh để hỗ trợ xúc tiến, xuất khẩu sang một số thị trường khu vực, thị trường có tiềm năng. Hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích quảng bá, giới thiệu và tìm đầu ra cho sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ nông sản hữu cơ tại chỗ, trọng tâm là thông qua việc hợp đồng cung cấp nông sản hữu cơ cho các siêu thị lớn, chuỗi hệ thống cửa hàng Winmart+, Co.op. Food, cửa hàng tiện ích và các khách sạn, nhà hàng, trường học, bếp ăn bán trú... trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, tăng cường quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường quản lý trên lĩnh vực sản xuất, đảm bảo đúng đối tượng, quy trình, tiêu chuẩn, các loại vật tư đầu vào được sử dụng,... nhằm đảm bảo sản

xuất hữu cơ theo đúng theo quy định. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sản phẩm đã được chứng nhận theo quy định. Định kỳ, cơ quan chức năng tổ chức lấy mẫu đất, mẫu nước, mẫu sản phẩm để đánh giá sự chuyên hóa của chất lượng đất, nước và sản phẩm đảm bảo chất lượng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chính sách theo đúng quy định.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Nghị định số 109/1018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025... Trên cơ sở triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các lĩnh vực, đánh giá rút kinh nghiệm từ đó xây dựng, bổ sung hoàn thiện chính sách cho giai đoạn tới. Thường xuyên rà soát, đánh giá mức độ hấp thu chính sách, từ đó nghiên cứu đề xuất giải pháp sửa đổi chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn, thực sự mang lại hiệu quả./

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN Ở HÀ TĨNH SAU 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 19-NQ/HNDTW CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM KHÓA VI

✧ Ths. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Công tác tuyên truyền, vận động nông dân là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp hội nông dân. Trong 10 năm qua, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, công tác tuyên truyền của các cấp hội nông dân tỉnh Hà Tĩnh đã đổi mới về nội dung và hình thức giúp nông dân nâng cao nhận thức trên nhiều lĩnh vực; nắm bắt và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước nhất là những vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đề xuất những giải pháp để tiếp tục phát huy những hiệu quả từ công tác tuyên truyền, vận động nông dân Hà Tĩnh là một yêu cầu bức thiết, nhiệm vụ quan trọng hiện nay.

Sau khi Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam ban hành Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW, ngày 20/7/2014 về tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nông dân trong tình hình mới, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng kế hoạch tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết lồng ghép vào các đợt tập huấn công tác Hội, các lớp tập huấn tại cơ sở. Bám sát các chủ trương, quan điểm của Đảng và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, các cấp Hội thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tuyên truyền, vận động đổi mới về nội dung và hình thức tuyên truyền, vận động, giúp nông dân nâng cao nhận thức trên các lĩnh vực; nắm bắt và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh cũng đã thường xuyên lãnh

đạo, chỉ đạo các cấp Hội tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ Hội về công tác tuyên truyền, vận động trong tình hình mới; cử cán bộ về cơ sở, tham gia sinh hoạt, đối thoại với hội viên nông dân, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên nông dân phản ánh cho các cấp ủy Đảng, chính quyền giải quyết, nhất là những vấn đề vướng mắc trong thu hồi đất, giải phóng mặt bằng xây dựng các khu dân cư, khu kinh tế, cơ sở hạ tầng, đền bù, hỗ trợ cho người dân trong sự cố môi trường biển, xây dựng nông thôn mới...; tích cực tham gia vận động hội viên, nông dân tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Các cấp Hội từ tỉnh đến cơ sở đều chú trọng xây dựng lực lượng cốt cán tại các địa bàn có đông hội viên là tín đồ tôn giáo;

theo dõi tình hình, dư luận xã hội đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp với công tác tuyên truyền, vận động nông dân; đẩy mạnh phổ biến những chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân; gắn công tác tuyên truyền, vận động của Hội với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ; cổ vũ, động viên cán bộ, hội viên, nông dân vượt qua khó khăn, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của địa phương.

Trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW, toàn tỉnh tổ chức 43.450 buổi tuyên truyền, phổ biến cho 4.371.266 lượt cán bộ, hội viên, nông dân, góp phần tích cực đưa Nghị quyết vào cuộc sống, khơi dậy sức mạnh đoàn kết, tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin của nông dân với Đảng, Nhà nước, tổ chức Hội. Qua đó, cán bộ, hội viên, nông dân đã không ngừng rèn luyện về phẩm chất đạo đức, lối sống, giữ vững tư tưởng, bản lĩnh chính trị; thực hiện phong cách làm việc khoa học; phát huy dân chủ, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân; tận tụy, tâm huyết, năng động, đổi mới, sáng tạo trong công tác Hội và phong trào nông dân. Ngày càng xuất hiện nhiều mô hình, gương cán bộ, hội viên, nông dân tiêu biểu trong học và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là gương nông dân sản xuất

kinh doanh giỏi góp phần thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”.

Bên cạnh đó, Hội nông dân Hà Tĩnh đã chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, hiệu quả gắn với lợi ích của hội viên nông dân; đổi mới nội dung tuyên truyền tập trung vào các lĩnh vực liên quan mật thiết đến đời sống, sản xuất của hội viên, nông dân như thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; triển khai chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn, khai thác tiềm năng, lợi thế về nguồn vốn, đất đai, lao động; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tính cạnh tranh trên thị trường; chế độ, chính sách liên quan, tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Bình quân hàng năm có 92.798 hộ đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; nhiều nông dân tiêu biểu được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động, Thủ tướng Chính phủ, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, UBND tỉnh tặng Bằng khen; được Trung ương Hội trao tặng danh hiệu “Nông dân Việt Nam xuất sắc”. Những đóng góp của nông dân trong sản xuất kinh doanh đã góp phần tạo bước đột phá về cơ cấu nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của hội viên, nông dân.

Đối với phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”, Hội Nông dân Hà Tĩnh đã tích cực tuyên truyền, vận động nông dân tham gia bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả; tiếp tục vận động hội viên nông dân đóng góp nguồn lực, tham

gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi, công trình giao thông tại địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, chỉnh trang vườn hộ, xây dựng nhà vườn sinh thái, cụm dân cư sinh thái, làng sinh thái văn minh, khu dân cư mẫu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp bảo đảm an toàn; thực hiện hiệu quả chương trình “Một xã, một sản phẩm” (OCOP). Được UBND tỉnh giao đỡ đầu 05 xã về đích nông thôn mới, Hội Nông dân tỉnh đã có những hoạt động thiết thực như: hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, triển khai các dự án, xây dựng vườn mẫu, cải tạo vườn hộ, hỗ trợ cây giống, con giống... với tổng trị giá 3,206 tỷ đồng.

Đối với phong trào “Nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh”, các cấp Hội đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; vận động thanh niên và gia đình có con em trúng tuyển nghĩa vụ quân sự thực hiện tốt công tác nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu; tổ chức thăm hỏi tặng quà cho tân binh lên đường nhập ngũ. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các ngành chức năng xây dựng và củng cố các mô hình tự quản về an ninh trật tự, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực nông thôn, vận động bà con thực hiện tốt công tác tự quản, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, ngăn ngừa phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, trộm cắp tài sản,... cảnh giác trước những thông tin sai lệch, âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Bên cạnh đó, Hội Nông dân tỉnh Hà Tĩnh còn tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ hội viên nông dân tham gia giám sát, phản biện xã hội. Theo đó các cấp Hội đã bám sát các nội dung quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” và Quy định về “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các

đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” ban hành theo Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị. Ngoài giám sát theo chuyên đề, các cấp Hội đã chú trọng, quan tâm đúng mức đến giám sát thường xuyên. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã phát hiện được những tồn tại, yếu kém và kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn chấn chỉnh, khắc phục.

Bên cạnh một số kết quả đạt được, công tác tuyên truyền, vận động nông dân của Hội nông dân tỉnh Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/HNDTW vẫn còn một số hạn chế nhất định: Công tác tuyên truyền một số chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước; công tác giáo dục chính trị tư tưởng và vận động cán bộ, hội viên, nông dân có thời điểm chưa thường xuyên, chưa sâu rộng; việc nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, nông dân và dư luận xã hội trong các tầng lớp nhân dân có nơi, có lúc chưa kịp thời; chưa có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa việc nắm bắt dư luận của cán bộ, hội viên nông dân với công tác tuyên truyền, vận động và định hướng dư luận xã hội; việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tác động, hiệu quả công tác tuyên truyền của Nghị quyết đến cán bộ, hội viên, nông dân chưa thường xuyên; cán bộ Hội các cấp chưa tận dụng được hiệu quả công cụ truyền thông số, chưa vận dụng được tối đa sức mạnh của mạng Internet, trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội để tuyên truyền, lan tỏa đến hội viên, nông dân. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém chủ yếu do một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân hoạt động; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ Hội chưa được chú trọng; cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí phục vụ cho hoạt động của tổ chức Hội các cấp còn nhiều khó khăn, nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; trình độ cán bộ Hội các

cấp chưa đồng đều; công tác cập nhật thông tin, nhất là các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn chậm,...

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy tốt hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nông dân, các cấp Hội Nông dân Hà Tĩnh cần thực hiện tốt một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đảm bảo tính định hướng, phù hợp, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thông tin của hội viên, nông dân.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là các nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Quyết định số 182-QĐ/TTg, ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030,... gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước tạo chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động cho hội viên, nông dân.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục truyền thống của Đảng, của Hội và sứ mệnh vẻ vang của giai cấp nông dân; vai trò, vị trí, kết quả và những đóng góp của Hội Nông dân các cấp và giai cấp nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng Đảng, chính quyền; khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, phát huy ý chí, tự lực, tự cường, khát vọng phát triển, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý thức làm chủ, tích cực khai thác tiềm năng, thế mạnh của

địa phương Hà Tĩnh để tham gia phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn bền vững, hiệu quả và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Tuyên truyền kết quả công tác Hội và các phong trào thi đua của nông dân; lồng ghép hoạt động Hội với thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Tuyên truyền các mô hình hay, các cách làm hiệu quả, các tấm gương người tốt việc tốt, các kiến thức chuyên giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh.

Gắn công tác tuyên truyền, vận động với bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng, giải quyết lợi ích thiết thân của hội viên, nông dân trong hoạt động của Hội, nhất là sinh hoạt chi hội, tổ hội, câu lạc bộ ở cơ sở. Tuyên truyền về vai trò, trách nhiệm của Hội nông dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ, đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân.

Công tác tuyên truyền, vận động nông dân phải hướng mạnh về cơ sở, phù hợp với trình độ, phong tục tập quán vùng, miền, giới tính; phải gắn với phát động các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình; tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ nông dân, thăm quan, học tập, hướng mạnh về cơ sở.

Tiếp tục duy trì, đổi mới, phát huy và nâng cao vai trò tuyên truyền, giáo dục, vận động nông dân qua việc tổ chức các lễ tôn vinh, các lớp tập huấn, bồi dưỡng, các cuộc Hội thảo, tọa đàm, đối thoại của các cấp ủy, chính quyền, các chuyên gia, các nhà khoa học... với nông dân. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí ở địa phương nhằm mang lại hiệu quả cao, tạo sự lan tỏa những hành động tốt, việc làm tốt, tấm gương tiêu biểu, nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong cán bộ, hội viên và nông dân.

Cần phát huy hiệu quả các phương pháp tuyên truyền truyền thống kết hợp đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác tuyên truyền, vận động nông dân. Chủ động khai thác hiệu quả tính năng mạng xã hội như Zalo, Facebook, lập các nhóm để trao đổi, tiếp nhận thông tin. Đẩy mạnh hoạt động kết nối giữa Hội với hội viên, nông dân thông qua Internet, mạng xã hội; xây dựng, phát triển các nhóm hội viên nòng cốt, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, cung cấp thông tin chính thống, định hướng cho hội viên, nông dân. Kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các nền tảng mạng xã hội với tuyên truyền miệng. Tích cực thông tin hai chiều, tăng cường đối thoại, lắng nghe, đặc biệt thông tin từ cơ sở lên thông qua App Nông dân Việt Nam.

Thứ ba, tăng cường công tác tham mưu cho cấp ủy, làm tốt công tác phối hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng bộ của hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động nông dân.

Chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và thành viên khi thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nói chung và nông dân nói riêng, nhằm tạo sự đồng thuận xã hội.

Phối hợp làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của nông dân, giáo dục nông dân cảnh giác, ngăn chặn, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, từ đó thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; không bị các thế lực thù địch lôi kéo. Tăng cường tuyên truyền để nông dân hiểu và tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh theo Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, suy thoái, tự diễn biến; phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, chống phá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, gây chia rẽ đoàn kết nội bộ.

Thứ tư, nâng cao trình độ, kỹ năng tuyên truyền, vận động cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tuyên truyền của Hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cấp Hội. Định kỳ cung cấp thông tin, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy vai trò, trách nhiệm và nâng cao năng lực tuyên truyền, vận động cho cán bộ Hội các cấp nhất là cơ sở Hội, cán bộ chi, tổ hội nông dân, các chi hội trưởng, chi hội phó Hội Nông dân nghề nghiệp, ban chủ nhiệm các câu lạc bộ nông dân, tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp...

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo, các phóng viên, biên tập viên báo chí của Hội, kể cả đội ngũ cán bộ quản lý báo chí. Quan tâm đề xuất đầu tư phương tiện kỹ thuật hiện đại và cơ chế chính sách cho đội ngũ làm công tác tuyên giáo ở cơ sở, nhất là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, các hội viên nòng cốt, các chi, tổ hội trưởng...

Thứ năm, đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp Hội, đội ngũ cán bộ Hội các

Xem tiếp trang 89

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN TẠI CHI BỘ PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TỈNH



Ths. NGUYỄN THỊ LAN ANH

Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Công tác quản lý đảng viên có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Công tác quản lý đảng viên giúp cấp uỷ, chi bộ kịp thời phát hiện, ngăn ngừa đảng viên vi phạm các quy định của Đảng. Công tác quản lý đảng viên tốt sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ đảng. Ngược lại, nếu quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ, chất lượng không cao sẽ làm cho các nguyên tắc của Đảng thực hiện không nghiêm, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ đảng bị giảm sút. Vì vậy, để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao cần quan tâm đúng mức, không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên.

Trong hệ thống tổ chức của Đảng, chi bộ có một vai trò, vị trí quyết định, góp phần đảm bảo sự lãnh đạo cách mạng của Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt”⁽¹⁾. Người còn dạy rằng: “Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng”⁽²⁾. “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt”⁽³⁾. “Muốn chi bộ phát triển tốt, thì cần chú trọng đến việc nâng cao chất lượng chi bộ”. Vì vậy, “Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ cho tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng”⁽⁴⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở trong quần chúng, chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều tiến bộ không ngừng, ngược lại nếu chi bộ kém thì công việc không trôi chảy”. Trong buổi nói chuyện với đồng

bào và cán bộ xã Đại Nghĩa (Hà Đông) Người lưu ý: “Đảng mạnh là do mỗi một chi bộ mạnh. Chi bộ mạnh là do mỗi một đảng viên ra sức làm trọn 10 nhiệm vụ đã ghi trong Điều lệ Đảng”, đồng thời Người cũng căn dặn: “Mỗi đảng viên tốt, mỗi chi bộ tốt là Đảng được mạnh lên một phần; đảng viên kém, chi bộ kém là những khâu yếu của Đảng”. Để có “một chi bộ mạnh”, “Mỗi đảng viên tốt” thì mỗi chi bộ cần thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên.

Công tác quản lý đảng viên có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Qua công tác quản lý đảng viên, giúp cấp uỷ, chi bộ kịp thời phát hiện, ngăn ngừa đảng viên vi phạm các quy định của Đảng. Từ đó, thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, có trình độ, năng lực công tác tốt, tư duy sáng tạo, luôn gương mẫu đi đầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời,

qua quản lý, tổ chức đảng có đủ cơ sở xây dựng, phát triển đội ngũ đảng viên cả về số lượng và chất lượng.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý đảng viên, trong những năm vừa qua, Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đã quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên. Chi bộ đã nắm bắt khá đầy đủ, kịp thời diễn biến tư tưởng, nhận thức chính trị của các đảng viên; quản lý khá chặt chẽ các hoạt động của đảng viên, nhất là hoạt động chuyên môn; chế độ sinh hoạt định kỳ của chi bộ luôn được duy trì với số lượng đảng viên tham gia đầy đủ; luôn tạo điều kiện để đảng viên được học tập nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn. Chính vì vậy trong thời gian qua chất lượng đội ngũ đảng viên của chi bộ khá tốt, không có các diễn biến tư tưởng phức tạp, tiêu cực, đảng viên luôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở mức cao nhất. Tuy vậy, công tác quản lý đảng viên của chi bộ vẫn còn bộc lộ một số hạn chế ở các khâu: Quán triệt, triển khai các Nghị quyết của Đảng cấp trên và nhiệm vụ của đơn vị chưa sâu sắc, kịp thời; một số nghị quyết còn chung chung, thiếu biện pháp cụ thể; giao việc cho đảng viên chưa rõ ràng, không có cơ sở để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao để xếp loại đảng viên; các nội dung quản lý đảng viên thực hiện chưa đầy đủ, thiếu toàn diện; công tác chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức lối sống cho đảng viên còn có lúc hình thức, chiếu lệ; việc nắm bắt diễn biến tư tưởng và các mối quan hệ xã hội của đảng viên còn thiếu chủ động.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý đảng viên tại Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, trước mắt cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho chi bộ và đảng viên về tầm quan trọng của

công tác quản lý đảng viên. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, xuyên suốt trong quá trình quản lý đảng viên của cấp ủy, chi bộ, đảng viên. Vì khi chi bộ, đảng viên nhận thức đúng, đầy đủ yêu cầu, nội dung, phương thức quản lý đảng viên mới có cơ sở nêu cao ý thức tự giác để hành động một cách hiệu quả; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, khắc phục được nhận thức lệch lạc, không đầy đủ, thiếu chủ động về công tác này. Để nâng cao nhận thức cho đảng viên về tầm quan trọng của công tác quản lý đảng viên, cần làm cho đảng viên thấy rõ vị trí, trách nhiệm của từng đảng viên trong chi bộ. Cấp ủy chi bộ cần xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu chi bộ về công tác quản lý đảng viên, nhất là công tác kiểm tra, giám sát; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với tự phê bình và phê bình của đảng viên.

Thứ hai, thực hiện có chất lượng các nội dung của công tác quản lý đảng viên. Để làm tốt công tác quản lý đảng viên, cấp ủy chi bộ phải nắm rõ lịch sử chính trị của từng đảng viên, về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, nhiệm vụ cụ thể được phân công, phong cách lối sống, mối quan hệ tại cơ quan và nơi cư trú. Chi bộ phải nắm chắc diễn biến tư tưởng, ý thức chấp hành chế độ sinh hoạt, phải hiểu điều kiện, hoàn cảnh gia đình và các mối quan hệ của đảng viên, phát hiện những khó khăn, biểu hiện lệch lạc sai sót để uốn nắn kịp thời. Đặc biệt, phải hướng dẫn cụ thể cho đảng viên thực hiện những quy định của Trung ương về công tác quản lý đảng viên, quy định những điều đảng viên không được làm...; theo dõi chặt chẽ, nghiêm túc về việc tham gia sinh hoạt, đóng đảng phí của đảng viên; tăng cường tính nghiêm minh, chất lượng trong phê bình, tự phê bình, đánh giá, xếp loại đảng viên. Chi bộ quản lý chặt chẽ về công tác đào tạo, tự đào tạo, trình độ, năng lực, sở trường trong công tác, sinh hoạt gắn

với phân công nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi đảng viên.

Thứ ba, đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ và sinh hoạt chuyên đề gắn với phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Sinh hoạt chi bộ là phương cách để phòng bệnh từ sớm, từ xa. Sinh hoạt chi bộ là trường học để rèn luyện đảng viên. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của mỗi cấp ủy viên, đảng viên đều được biểu hiện và được rèn luyện, chỉnh sửa, uốn nắn trong sinh hoạt chi bộ. Sinh hoạt chi bộ giúp cho đảng viên có điều kiện để rèn luyện, phấn đấu, từng bước giữ gìn, nâng cao phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, lập trường cách mạng. Do vậy, chất lượng sinh hoạt chi bộ là một trong những yếu tố quyết định sức sống, sự phát triển của chi bộ. Chất lượng sinh hoạt chi bộ tốt thì năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ sẽ cao và ngược lại. Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bí thư chi bộ phải duy trì nền nếp sinh hoạt và thực hiện đúng hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng; quan tâm đúng mức đến công tác điều hành, nêu gương của người đứng đầu chi bộ. Cấp ủy cần lựa chọn những nội dung phù hợp để tổ chức sinh hoạt chuyên đề. Thông qua sinh hoạt chi bộ cần biểu dương những tấm gương học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ tư, nâng cao ý thức tự quản lý của mỗi đảng viên. Tự quản lý của đảng viên có tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác quản lý đảng viên. Các biện pháp quản lý của chi bộ dù chặt chẽ đến đâu, nhưng đảng viên ý thức tổ chức kỷ luật kém, thì cũng không thể bao quát hết các quan hệ xã hội của từng đảng viên. Để nâng cao tự quản lý của đảng viên, cần nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên. Từng đảng viên cần phải kiên định lập trường chính trị, tích cực, kiên quyết, nhạy bén trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kịp thời đấu tranh, phản bác, ngăn chặn những quan điểm lệch

lạc, sai trái, thù địch; tích cực tham gia các hoạt động để tự hoàn thiện mình. Chi bộ, chi ủy phải chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định rõ nội dung, yêu cầu, chỉ tiêu, biện pháp phấn đấu, rèn luyện của từng đảng viên. Mỗi đảng viên phải xây dựng kế hoạch phấn đấu và chương trình tự quản lý, rèn luyện để chi bộ kiểm tra, giám sát thực hiện.

Thứ năm, kết hợp chặt chẽ công tác quản lý với công tác giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống cho đảng viên. Đây là nội dung cơ bản trong công tác xây dựng đội ngũ đảng viên, đảm bảo cho đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chi bộ cần thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lý học tập và tự học tập của đảng viên. Bởi vì phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực công tác là những yếu tố không tự nhiên có, mà phải thông qua học tập, rèn luyện thường xuyên, bền bỉ của đảng viên. Từng đảng viên lập kế hoạch học tập, tự học tập sát thực và tự giác thực hiện nghiêm túc. Chi bộ đôn đốc kiểm tra và giúp đỡ đảng viên thực hiện kế hoạch, đấu tranh khắc phục các biểu hiện ngại học, học một cách hình thức, kém hiệu quả. Đồng thời chi bộ phải tăng cường giáo dục, rèn luyện đảng viên thông qua thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đơn vị. Làm tốt việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, kết hợp với sơ kết, tổng kết các mặt công tác trong đơn vị.

Thứ sáu, chi bộ thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát và phân tích chất lượng đảng viên. Thực tiễn cho thấy, có kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao thì chi bộ mới xem xét, đánh giá, phân tích, kết luận chính xác về trình độ, năng lực của đảng viên; thông qua kiểm tra, giám sát chi bộ có thể nắm được ý thức và trình độ hiểu biết về Đảng của đảng viên. Qua phân tích, đánh giá phân loại chất lượng đảng viên, chi bộ nắm chắc và toàn diện cả

về phẩm chất, đạo đức, lối sống, trình độ, năng lực của từng đảng viên trong chi bộ. Từ đó làm cơ sở cho việc đề ra những biện pháp quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên phù hợp, cần tránh lối kiểm tra, giám sát qua loa, hình thức và nhận xét, đánh giá chung chung.

Thứ bảy, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Đảng ủy Nhà trường đối với công tác quản lý đảng viên. Đảng ủy Nhà trường cần quan tâm bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng Đảng nói chung và công tác quản lý đảng viên nói riêng cho bí thư các chi bộ, bảo đảm có đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của chi bộ, nắm vững chủ trương, đường lối, nguyên tắc và các quy định của Trung ương về công tác quản lý đảng viên. Đồng thời Đảng ủy nhà trường cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đối với chi bộ trong việc thực hiện công tác quản lý đảng viên, qua đó chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc cần được quan tâm giải quyết.

Công tác quản lý đảng viên tốt sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ đảng. Ngược lại, nếu quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ, chất lượng không cao sẽ làm cho các nguyên tắc của Đảng thực hiện không nghiêm, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ đảng bị giảm sút. Vì vậy một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học là phải quan tâm đúng mức, không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao./.

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, H.2002, t.12, tr.92, 210.
2. Sđd t.7, tr.243.
3. Sđd t.12, tr.92, 210.
4. Sđd t.12, tr.77.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN...

(Tiếp theo trang 85)

cấp, nhất là người đứng đầu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nông dân.

Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp, sự tham gia tích cực của cán bộ, hội viên, đối với công tác tuyên truyền, vận động. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ Hội các cấp, nhất là người đứng đầu, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị của cán bộ lãnh đạo Hội trong triển khai nhiệm vụ công tác tuyên truyền, vận động nông dân ở địa phương, đơn vị phụ trách.

Quản lý tốt và phát huy vai trò đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo, nhất là các báo cáo viên, tuyên truyền viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác tuyên truyền, vận động nông dân và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, uốn nắn kịp thời những biểu hiện lệch lạc. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nông dân. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện các mặt công tác tuyên truyền, vận động. Bên cạnh đó, cần có sự biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả, kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác tuyên truyền, vận động nông dân. Rà soát, thay thế cán bộ tuyên giáo giảm sút uy tín, không đủ tiêu chuẩn.

Đẩy mạnh các hoạt động thực hiện nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh người nông dân mới gắn với phát huy giá trị các di tích lịch sử của Hội; nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Hội./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC THÔNG TIN, TƯ LIỆU PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ



CN. TRẦN THỊ TÚ ANH

Chuyên viên Phòng TC, HC, TT, TL

Tóm tắt: Thông tin, tư liệu là dạng thông tin xã hội, hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người và dành cho những đối tượng nhất định, nhằm giúp họ giải quyết những nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động của họ. Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, việc cán bộ, giảng viên được cung cấp đầy đủ thông tin, tư liệu sẽ làm gia tăng lượng kiến thức thực tiễn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

Công tác thông tin, tư liệu là hoạt động khai trí góp phần hình thành nguồn nhân lực có tri thức cho quốc gia, tìm hiểu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động và phát triển sản xuất, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, ở lĩnh vực giáo dục và đào tạo, công tác thông tin, tư liệu nói chung và thông tin, tư liệu, thư viện nói riêng có vai trò quan trọng và ảnh hưởng sâu sắc trong suốt quá trình giáo dục và đào tạo. Đối với Trường Chính trị Trần Phú, công tác thông tin, tư liệu, thư viện là một yếu tố quan trọng, là cầu nối giữa thông tin với cán bộ, giảng viên và học viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn

thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Vì vậy, hoạt động khai thác thông tin qua công tác tư liệu, thư viện đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Bồi hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thực chất là một quá trình truyền đạt và tiếp nhận thông tin. Thông qua việc cung cấp thông tin, tư liệu để mở rộng điều kiện giảng dạy và học tập cho giảng viên, học viên cả về không gian và thời gian, cung cấp nhiều lĩnh vực tri thức phong phú và đa dạng hơn so với khuôn khổ quy định về nội dung, chương trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn của Nhà trường.

Đối với giảng viên, nếu việc nắm bắt, cập nhật được những thông tin mới được thường xuyên và vận dụng phù hợp với quá trình giảng dạy thì bài giảng sẽ sinh động, phong phú và đi sát với thực tế hơn. Nắm vững thông tin sẽ định hướng cho giảng viên trong việc lựa chọn chủ đề nghiên cứu khoa học, đồng thời tham gia sâu hơn vào

việc tổng kết thực tiễn cũng như việc góp ý vào các văn kiện, nghị quyết và các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở ngành, địa phương. Chính vì vậy, để thực hiện tốt sứ mệnh của mình, giảng viên không thể không tra cứu đọc tài liệu, cập nhật và sử dụng thông tin tại Thư viện, trang thông tin điện tử, trang Thư viện pháp luật và các kênh thông tin chính thống khác. Hơn nữa, đây còn là địa chỉ lưu giữ, cung cấp và chia sẻ cho xã hội những thông tin khoa học có giá trị, đặc biệt là những kết quả có giá trị từ các công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên trong trường, góp phần tạo nguồn bổ sung cập nhật và chia sẻ những kiến thức mới làm cho việc học tập và giảng dạy thêm sinh động và hấp dẫn.

Đối với học viên, nếu việc tìm tài liệu, khai thác thông tin - tư liệu hiệu quả thì chất lượng học tập sẽ được nâng cao rõ rệt. Việc đào tạo, bồi dưỡng chỉ thực sự có chất lượng khi hoạt động học tập của học viên được thực hiện trong cả bốn môi trường: Lớp học, thư viện, cơ sở thực nghiệm và môi trường thực tế. Trong đó, Thư viện có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện tính độc lập, sáng tạo của học viên. Người học phải học một cách thông minh hơn, chủ động hơn qua việc phân tích, tổng luận những tài liệu tra cứu được ở thư viện, trang website nhà trường. Từ đó sẽ góp phần hữu hiệu trong việc khắc phục triệt để lối học thụ động và thay vào đó là khuyến khích việc tự học, tự nghiên cứu, kích thích tính chủ động tích cực học tập của học viên.

Trong những năm vừa qua, công tác thông tin, tư liệu, thư viện của Trường Chính trị Trần Phú cơ bản là đáp ứng yêu cầu phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Cơ sở vật chất, phòng đọc được đầu tư trang bị; bổ sung tài liệu sách, báo, tạp chí, trang Website... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hiện nay công tác thông tin, tư liệu Trường vẫn còn gặp những hạn chế, bất cập nhất định, trong đó vai trò của Thư viện, trang website chưa được khai thác triệt để. Hoạt động của Thư viện chưa có sự đổi mới, các đầu sách chưa thật sự phong phú; chưa khai thác thư viện

điện tử; một số cán bộ, giảng viên, học viên chú trọng việc khai thác các thông tin, tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu giảng dạy và học tập; cán bộ Thư viện mới chỉ cung cấp được tên sách, cho mượn sách, chưa triển khai được các hoạt động cung cấp thông tin chuyên sâu, thông tin chọn lọc cho cán bộ, giảng viên, chưa đánh giá nhu cầu của cán bộ, giảng viên, học viên về thông tin, tư liệu đề xuất mua sắm các loại sách chuyên sâu, chuyên ngành.

Bên cạnh đó, nguồn tư liệu của Thư viện chưa được khai thác triệt để nhằm phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập; nguồn kinh phí đầu tư mua tài liệu cấp cho Thư viện còn hạn hẹp; công tác tuyên truyền giới thiệu sách mới, các công trình nghiên cứu khoa học, các tạp chí, thông tin Lý luận và Thực tiễn chưa thường xuyên, thiếu định hướng nên số lượng tìm hiểu, nghiên cứu chưa nhiều; cán bộ thư viện của Trường hiện chưa được đào tạo bài bản về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông tin - thư viện. Động cơ học tập lý luận chính trị của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh chưa được xác định đúng đắn, dẫn đến biểu hiện lười học, chưa tích cực tham gia trao đổi, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, sách, báo, đào sâu suy nghĩ, tìm tòi gắn lý luận với thực tiễn, gắn nội dung, tri thức lý luận chính trị với việc vận dụng vào thực tiễn công tác. Đa số học viên học ở Trường chưa một lần lên Thư viện để mượn hoặc đọc tham khảo tài liệu, sách chuyên khảo, báo, tạp chí...

Để nâng cao công tác thông tin, tư liệu phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Nhà trường, nhất là trong giai đoạn Trường Chính trị Trần Phú đang đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư và Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 09/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030”, thiết nghĩ Nhà trường cần tập trung làm tốt một số giải pháp sau:

Một là, cần có một kế hoạch cử cán bộ thư viện, cán bộ phụ trách trang Website đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học nhằm phục vụ tốt hơn về nhu cầu thông tin, tư liệu, đồng thời bổ sung kiến thức nghiệp vụ thông tin thư viện góp phần làm tăng chất lượng, hiệu quả của hoạt động quản lý và khai thác thông tin thư viện, góp phần vào quá trình đổi mới nội dung, phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập tại trường.

Cán bộ thư viện phải tăng cường chủ động giới thiệu, cung cấp nguồn thông tin phong phú, đa dạng. Đồng thời, phải tạo môi trường thân thiện, thông thoáng, chuyên nghiệp không chỉ bằng khả năng chuyên môn, nghiệp vụ mà còn bằng khả năng giao tiếp tốt để cung cấp dịch vụ thông tin một cách hiệu quả nhất; không chỉ là người “thủ kho giữ tài liệu” với phương châm “vui vẻ, hòa nhã, nhiệt tình” mà còn phải là những người cung cấp thông tin; năng động, thạo nghề, có trình độ tin học để chỉ ra những tài liệu độc giả cần một cách nhanh nhất, chính xác nhất. Bên cạnh đó, cán bộ thư viện phải luôn có ý thức trách nhiệm động viên, nuôi dưỡng thói quen và hứng thú đọc sách cho học viên. Từ đó, học viên hình thành thói quen học tập chủ động, sáng tạo hơn... đặc biệt đối với các lớp trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, các lớp bồi dưỡng, tập huấn tại Trường.

Hai là, cần chú trọng xây dựng và thiết lập mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ Thư viện với cán bộ, giảng viên. cán bộ Thư viện cần thường xuyên liên hệ với cán bộ, giảng viên các khoa, phòng để kịp thời nắm bắt nhu cầu, sự thay đổi về nguồn tài liệu, trao đổi về những nguồn tư liệu mới, bao gồm danh mục sách mới, thông tin về cách thức đặt sách, nội dung cơ sở dữ liệu. Trên cơ sở đó, phát triển bộ sưu tập và dịch vụ thư viện, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Thăm dò, khảo sát nhu cầu tin là một việc làm cần thiết để thư viện nắm bắt và đáp ứng kịp thời nhu cầu của bạn đọc. Việc thỏa mãn các yêu cầu thông tin chính là một hoạt động để phát triển Thư viện, nâng cao vai trò của Thư viện

cũng như tạo mối quan hệ mật thiết giữa bạn đọc với Thư viện. Cung cấp cho người đọc những thông tin cần thiết như hệ thống biên mục gồm giới thiệu sách, tài liệu mới, bài báo chuyên đề, kỷ yếu hội thảo khoa học, Thông tin lý luận và thực tiễn, bài viết, bài nói của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại các sự kiện quan trọng của đất nước.

Ba là, đảm bảo quy trình và kỹ năng thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động Nhà trường. Để công việc thu thập và xử lý thông tin được thực hiện hiệu quả, phục vụ tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Thư viện phải có kỹ năng thu thập thông tin và xử lý thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong việc thu thập và xử lý thông tin. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, định hướng, phân tích các nội dung cần thu thập xử lý dùng cho mục đích gì (lãnh đạo, quản lý, giảng dạy, học tập).

Bốn là, tạo điều kiện về nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt công tác thu thập và xử lý thông tin. Trong giai đoạn hiện nay, khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thì việc hiện đại hóa Thư viện là một trong những nhiệm vụ chính trị của nhà trường, để tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho việc khai thác, cung cấp thông tin, tư liệu cho cán bộ, giảng viên và học viên đảm bảo tiêu chí “dễ tìm”, “dễ nhớ”, “dễ trả lại” để phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Nhà trường.

Việc cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu giảng dạy và học tập trong điều kiện hiện nay là vô cùng cần thiết. Vì vậy, cần tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, sự vào cuộc quyết liệt của cán bộ, giảng viên để đảm bảo hoạt động cung cấp thông tin, tư liệu được thường xuyên, liên tục, chính xác đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị Trần Phú./.



Khai giảng Lớp Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương K6/2024; Lớp Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương K4/2024 (15/6/2024)



Bế giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K182 năm học 2022 – 2024 (10/6/2024)



Đảng bộ Trường Chính trị Trần Phú đạt giải Nhì tại Hội thi “Dân vận khéo” năm 2024 (06/8/2024)



Đoàn công tác Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật làm việc, trao tặng sách và tủ sách điện tử cho Trường Chính trị Trần Phú (14/8/2024)